

BỘ ĐỀ THI ĐỌC HIỂU + NLXH - HỌC SINH GIỎI**ĐỀ 1.****I. Đọc – hiểu văn bản**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

*“Thời gian nhẹ bước mỗi mòn
Xin đừng bước lại để còn mẹ đây
Bao nhiêu gian khổ tháng ngày
Xin cho con lãnh, kéo gầy mẹ thêm
Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền
Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong
Tình mẹ hơn cả biển đông
Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà”*

(Tình mẹ - Tử Nhi)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên

Câu 2. Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên ?

Câu 3. Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với mẹ trong đoạn thơ ?

Câu 4. Từ câu thơ “ *Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong*”, em có suy nghĩ gì về lẽ *sống đẹp* của bản thân ?

II. Tập làm văn**Câu 1:**

Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: *Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết* (B. Babbles).

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	Đọc hiểu		
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: biểu cảm	0,5
	2	<p>- Các biện pháp tu từ: nhân hoá thời gian (nhẹ, bước); phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (thời gian nhẹ bước mỗi mòn); phép so sánh (Tình mẹ hơn cả biển đông/ Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà); Điệp từ (hơn cả, xin)</p> <p>- Phân tích tác dụng:</p> <p>+ Phép nhân hoá kết hợp phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác diễn tả chân thực bước đi của thời gian cùng cảm giác thương yêu lẫn xót xa của con khi chứng kiến sự già nua, yếu gầy của mẹ</p>	0,5

	<p>trước bao thăng trầm, gian khổ nhọc nhằn cùng năm tháng trôi qua.</p> <p>+ Phép so sánh nhấn mạnh tình yêu và công ơn trời bể của mẹ đối với con sánh ngang tầm vũ trụ.</p> <p>+ Điệp từ: nhấn mạnh tình yêu, niềm kính trọng con dành cho mẹ</p> <p>-> Qua các biện pháp tu từ trên, tác giả đã thể hiện sự thấu hiểu, kính trọng, biết ơn sâu nặng của mình đối với người mẹ kính yêu. Từ đó, nhà thơ muốn nhắn nhủ bạn đọc thông điệp về tình cảm, ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với cha mẹ.</p>	
3	<p>- Trân trọng những lời tâm sự tha thiết của Tử Nhi đối với thời gian, cũng chính là đối với người mẹ kính yêu của mình – mong thời gian đừng “bước lại” để mẹ mãi trẻ trung, khoẻ mạnh, sống mãi.</p> <p>- Xúc động trước niềm mong mỏi được hi sinh vì mẹ của nhà thơ “<i>Bao nhiêu gian khổ tháng ngày/ Xin cho con lãnh, kéo gậy mẹ thêm</i>”. Tử Nhi thật vị tha khi sẵn sàng đón nhận gian khổ để mang lại bình yên cho mẹ.</p> <p>- Cảm phục trước lời tự hứa chân thành của nhân vật trữ tình đối với mẹ “<i>Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền/ Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong</i>”. Cụm từ “sống đẹp” thể hiện quan niệm đúng đắn, phù hợp chuẩn mực đạo đức dân tộc, trọn vẹn chữ Hiếu của nhà thơ đối với mẹ.</p> <p>- Thấu hiểu tình mẹ qua cách so sánh độc đáo của nhà thơ về tình mẹ “<i>Tình mẹ hơn cả biển đông/ Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà</i>” từ đó nghĩ suy về đạo làm con đối với cha mẹ.</p>	1,0
4	<p>- Sống đẹp là sống có mục đích, có ước mơ, lí tưởng. Sống đẹp là sống có chí cầu tiến, biết đứng dậy bằng chính đôi chân của mình khi vấp ngã, biết bền lòng và dũng cảm vượt qua những thử thách, khó khăn để vươn lên, chấp cánh cho ước mơ của mình được bay cao, bay xa. Sống đẹp còn là một lối sống có văn hóa, biết lịch sự; là một cuộc sống có tri thức, có tình người.</p> <p>- Sống đẹp" trước hết phải xuất phát từ lòng nhân ái, từ chính tình yêu trong trái tim để từ đó mà sống hết mình vì</p>	1,0

		<p>người khác, để bao dung, thứ tha ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống đẹp là sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội... - Phê phán những con người sống tiêu cực: thờ ơ, vô cảm, ích kỉ, thụ động, lười nhác... - Cần phải nhận thức đúng và rèn luyện thường xuyên để có lẽ sống đẹp. Biết trau dồi kiến thức, sinh hoạt, vui chơi lành mạnh, tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ người nghèo, các em bé mồ côi, các cụ già ốm đau, không nơi nương tựa, hiếu thuận với cha mẹ..... 	
II	Làm văn Nghị luận xã hội		
	1	<p>Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: <i>Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết</i> (B. Babbles).</p>	
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Sứ mạng của người mẹ</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích câu nói</p> <p>-“Sứ mệnh” : Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.</p> <p>-“Người mẹ”: Người sinh ra con cái , rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.</p> <p>-“ Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở , yêu thương , là nơi con cái có thể nương tựa.</p> <p>Ý nghĩa cả câu : Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cái hết sức thuyết phục :Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động , tích cực , không dựa dẫm...</p> <p>2. Bình luận</p>	0,25
			0,5

	<p>- Tại sao đó là quan điểm đúng đắn : Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm như mặt biển mênh mông mà luôn chực chờ nhiều bão tố dữ dội. Vì vậy, chúng ta cần biết tìm cách để vượt qua, và sẽ càng ý nghĩa hơn nếu chinh phục thử thách bằng chính nghị lực bản thân. (dẫn chứng) Nếu con người chưa từng được rèn luyện , không phải đối mặt với bất kì trong gai nào thì rất dễ gục ngã.</p> <p>- Việc hình thành lối sống chủ động, tích cực là cả quá trình dài và đòi hỏi nhiều thời gian. Cho nên, ngay từ lúc nhỏ, những đứa trẻ cần được giáo dục cách sống tự lập. (dân chúng).Dạy từ việc nhỏ nhất như chăm sóc bản thân đến việc học tập ,đến những vấn đề phức tạp hơn . theo thời gian con cái sẽ được tôi luyện , tích lũy kinh nghiệm, vững vàng hơn,trưởng thành hơn.</p> <p>. Dẫn chứng cách dạy con của người Nhật.</p> <p>- Nhân cách một cá nhân được chi phối bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là gia đình. Vì vậy, cha mẹ vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái trở thành công dân “tự lập”. Nghĩa là cha mẹ sẽ “gợi mở”, hướng dẫn con đường tốt để đi, còn chuyện “bước” qua từng chướng ngại như thế nào thì phải do đứa trẻ tự làm lấy. (dẫn chứng)</p> <p>3. Mở rộng</p> <p>- Cha mẹ cần luôn ở bên cạnh con nhưng cũng cần tạo cho con những “khoảng lặng” Cần thiết cho đứa trẻ tự suy ngẫm , tự quyết định việc mình đang làm.</p> <p>- Dạy con biết tự lập nhưng không có nghĩa là phó mặc con hoặc quá khắt khe, yêu cầu cao đối với con.</p> <p>- Phê phán.</p> <p>+ Nhiều phụ huynh nuông chiều con quá mức khiến con cái mất đi ý thức tự lập.</p> <p>Hậu quả : trước khó khăn của cuộc sống thường mất phương hướng, lúng túng , bi quan ,vô dụng , hành động nông nổi thiếu suy nghĩ.</p> <p>+ Hoặc phó mặc con cái một cách tự nhiên theo kiểu “trời sinh tính” , không quan tâm uốn nắn con cái.</p> <p>4. Bài học nhận thức, hành động.</p> <p>+ Bản thân luôn phải cố gắng không dựa dẫm vào sự giúp sức</p>	0,25
--	---	------

		<p>của bất kỳ ai. Tình thương của cha mẹ là nguồn động viên chứ không phải là vỏ bọc để lẩn tránh mọi trở ngại trên đường.</p> <p>+ Cần tạo được sự yên tâm của cha mẹ với mình, cần khẳng định được bản thân.</p> <p>- Ý kiến vừa là bài học cho nhiều bậc phụ huynh, vừa thể hiện cách sống đúng đắn nên được phát huy ở mọi lứa tuổi.</p> <p>- Hành động: các bậc cha mẹ cần có tình yêu, phương pháp dạy con đúng đắn, dạy con biết tự lập, tự bước đi trên chính đôi chân của mình từ những việc nhỏ nhất.</p> <p>- Bản thân mỗi người con cần biết trân trọng tình cảm cha mẹ, nỗ lực cố gắng vươn lên bằng chính khả năng, sức mạnh của mình để trở thành chỗ dựa vững chắc cho cha mẹ.</p>	
		d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Chính tả dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ 2**Phần I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau:

TỰ SỰ

*Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy
Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh
Dù người phàm tục hay kẻ tu hành
Đều phải sống từ những điều rất nhỏ.
Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?
Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng
Nếu tắt cả đường đời đều tron láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta
Ai trong đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy.
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy*

Câu 1(0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2(0,5 điểm): Em hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau:

*"Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng".*

Câu 3 (1 điểm): Theo em, vì sao tác giả nói rằng:

*"Nếu tất cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta"*

Câu 4 (1 điểm): Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu:

*"Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm"*

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	Đọc hiểu		
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: biểu cảm	0,5
	2	Ý nghĩa 2 câu thơ: <i>"Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng"</i> - "Đất" - nguồn sống, nguồn dinh dưỡng cho hạt nảy mầm. Cũng như cuộc sống trong cõi đời này không dành riêng cho một ai mà cho tất cả chúng ta. - Hạnh phúc ở quanh ta nhưng không tự nhiên đến. Nếu muốn có cuộc sống tốt đẹp, muốn có hạnh phúc, tự mỗi người phải có suy nghĩ và hành động tích cực.	0,5
	3	Tác giả cho rằng: <i>"Nếu tất cả đường đời đều trơn láng Chắc gì ta đã nhận ra ta"</i> - Bởi vì: "Đường đời trơn láng" tức là cuộc sống quá bằng phẳng, yên ổn, không có trở ngại, khó khăn	1,0

		<p>- Con người không được đặt vào hoàn cảnh có vấn đề, có thách thức thì không đến được đích.</p> <p>- Con người có trải qua thử thách mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn.</p>	
	4	<p>Học sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau và trình bày suy nghĩ thấm thía của bản thân về thông điệp ấy:</p> <p>- Dù là ai, làm gì, có địa vị xã hội thế nào cũng phải sống từ những điều rất nhỏ; biết nâng niu, trân trọng những cái nhỏ bé trong cuộc sống.</p> <p>- Con người có trải qua thử thách mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn.</p>	1,0
II	Làm văn Nghị luận xã hội		
	1	<p>Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó Sao ta không tròn ngay tợ trong tâm"</i></p>	
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> giá trị của con người trong cuộc sống	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích.</p> <p>- Cuộc đời: là xã hội, là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, cuộc đời là cái khách quan là hệ quả do con người tạo ra</p> <p>- Tâm: là cái vô hình ẩn nấp trong con người, cái khẳng định giá trị con người, cái chủ quan do con người quyết định.</p> <p>- Cuộc đời méo mó: cuộc đời không bằng phẳng, chứa đựng nhiều điều không như con người mong muốn.</p> <p>- Tròn tợ trong tâm: cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người cần tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh như thế nào.</p> <p>=> Cuộc đời thường hay méo, nên con người cần tròn ngay tợ</p>	0,25

	<p>trong tâm, tránh chỉ chê bai, oán trách.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất cuộc đời là không đơn giản, không bao giờ hoàn toàn là những điều tốt đẹp, thậm chí có vô vàn những điều “méo mó” (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải để thấy được bản chất thật của cuộc đời) - Thái độ “tròn tự trong tâm” là thái độ tích cực, chủ động trước hoàn cảnh. Đây là thái độ sống đúng, làm đúng, không gục ngã trước khó khăn, trước phi lý bất công. Thái độ “tròn tự trong tâm” sẽ giúp ích nhiều cho cá nhân và xã hội (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải để thấy được khi thái độ, suy nghĩ con người tích cực thì đem lại những giá trị gì?) - Trong thực tế xã hội có những cá nhân có thái độ tiêu cực trước cuộc sống: - “Ta hay chê” Đây là thái độ cần phê phán (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải) <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người hoàn toàn có thể thay đổi đời sống chỉ cần mỗi cá nhân chủ động, tích cực từ trong tâm. - Câu thơ như một lời nhắc nhở, nêu lên một phương châm sống cho mỗi người trước cuộc đời 	0,5
		0,25
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
	e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Chính tả dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ 3:**PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau :

“ *Bàn thần hương huệ thơm đêm*
Khói nhang vẽ nẻo đường lên niết bàn
Chân nhang lấm láp tro tàn
Xăm xắm bóng mẹ trần gian thuở nào ?

Mẹ ta không có yếm đào
Nón mê thay nón quai thao đội đầu
Rối ren tay bí tay bầu
Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa

Cái cò...sung chát đào chua
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời
Ta đi trợn kiếp con người
Cũng không đi hết những lời mẹ ru

Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao
Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa
(Nguyễn Duy; Thơ Nguyễn Duy -Trần Đăng Khoa tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1998)

Câu 1 (0, 5 điểm) Hình ảnh người mẹ được gọi lên qua những chi tiết nào?

Câu 2 (1.0 điểm) Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “ đi” trong câu thơ sau: “
Ta đi trợn kiếp con người/ Cũng không đi hết những lời mẹ ru” ?

Câu 3 (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ trong đoạn thơ sau:

“ Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao”

Câu 4: (0,5 điểm) Đoạn thơ gọi cho anh/chị những cảm xúc gì?

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ ý nghĩa bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về **tình mẫu tử trong cuộc sống?** (Trình bày suy nghĩ trong đoạn văn khoảng 200 từ)

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu/ý	Nội dung	Điểm
n			

I		Đọc- Hiểu	3,0
	1	Hình ảnh người mẹ được gọi lên qua các chi tiết: - “ <i>Nón mê</i> ” “ <i>tay bí tay bầu</i> ”, “ <i>váy nhuộm bùn</i> ” “ <i>áo nhuộm nâu</i> ”	0,5
	2	Nghĩa của từ đi: - “ <i>Ta đi trọn kiếp con người</i> ”: “ <i>Đi</i> ” nghĩa là sống, trưởng thành, là trải qua trọn kiếp người - “ <i>cũng không đi hết mấy lời mẹ ru</i> ”: “ <i>Đi</i> ” nghĩa là hiểu, cảm nhận. -> Ta sống trọn kiếp người cũng chưa thấu hiểu, cảm nhận được hết tình yêu thương của mẹ dành cho mình.	1,0
	3	“ <i>Bao giờ cho tới mùa thu Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm Bao giờ cho tới tháng năm Mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao</i> ” - Biện pháp tu từ nhân hóa: “ <i>Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm</i> ”. Tác giả nhân cách hóa trái bưởi, trái hồng như hình ảnh những đứa trẻ tinh nghịch, hiếu động chơi trò đánh đu giữa trăng rằm. Câu thơ vì thế gợi hình ảnh rất sinh động, ngộ nghĩnh và gợi cảm xúc tuổi thơ trong trẻo.	1,0
	4	Học sinh trình bày suy nghĩ của cá nhân, có thể nêu cảm xúc: cảm động và biết ơn sâu sắc trước hình ảnh người mẹ nghèo, lam lũ những hết lòng thương yêu, chăm lo cho con.	0,5
		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	1	Từ ý nghĩa bài thơ trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về tình mẫu tử trong cuộc sống?	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận</i> : thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : về tình mẫu tử trong cuộc sống	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> : thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể	

		<i>theo hướng sau:</i>	
		<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích:</p> <p>“Tình mẫu tử”: Là tình cảm thiêng liêng, máu thịt của người mẹ dành cho con cái. Tình mẫu tử là chỗ dựa vững chắc trong mọi hoàn cảnh, là ngọn đèn chỉ đường cho con đến thành công.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>+ Biểu hiện: Chăm lo cho con từng bữa ăn giấc ngủ; Dạy dỗ con nên người; sẵn sàng hi sinh cả hạnh phúc để bảo vệ, che chở cho con; con cái lớn lên mang theo hi vọng niềm tin của mẹ; đằng sau thành công của con là sự tần tảo của người mẹ.</p> <p>+ Ý nghĩa: Tình mẹ bao la không đại dương nào đếm được; đó là trái tim chỉ biết cho đi mà không bao giờ đòi lại; Mẹ luôn bao dung khi con mắc lỗi lầm làm tổn thương mẹ.</p> <p>- Bàn luận mở rộng: Trong cuộc sống có những người đối xử tệ bạc với người mẹ của mình. Những người đó sẽ không bao giờ trở thành con người đúng nghĩa.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức: Luôn biết ơn và ghi nhớ công lao sinh hành, dưỡng dục của mẹ</p> <p>- Hành động: Phấn đấu trưởng thành khôn lớn như sự báo đáp kì vọng của mẹ; Đừng làm mẹ phải buồn phiền để một ngày phải hối lỗi; biết trở về bên vòng tay mẹ dù có đi xa đến đâu.</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
		d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

ĐỀ 4

Phần I: Đọc hiểu (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GỬI CON

.....

Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng.

*Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu.
Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.*

.....

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn

Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui

Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại

Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa

Chẳng sao

Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp

Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.

Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ

Hy vọng vào ngày mai. Nhưng đừng buông xuôi hôm nay

May rủi là chuyện cuộc đời. Nhưng cuộc đời nào chỉ chuyện rủi may

Hãy nói thật ít. Để làm được nhiều – những điều có nghĩa của trái tim.

Nếu cần, con hãy đi thật xa. Để mang về những hạt giống mới. Rồi dâng tặng cho đời. Dù chẳng được trả công.

.....

Hãy hân hoan với điều nhân nghĩa

Đừng lạnh lùng trước chuyện bất nhân

Và hãy tin vào điều có thật:

Con người – sống để yêu thương.

(Trích Gửi con của Bùi Nguyễn Trường Kiên , Báo Nhân dân số 38/20 -9- 2009)

Câu 1. Xác định 2 phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Anh/Chị hiểu thế nào về ý nghĩa các câu thơ sau:

“Người chìa tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng. Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu. Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.”.

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao tác giả nói rằng:

“Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại
Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa
Chẳng sao
Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp
Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.”

Câu 4. Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu:

“Và hãy tin vào điều có thật:

Con người – sống để yêu thương.”

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu/ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc- Hiểu	3,0
	1	2 phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: nghị luận và biểu cảm.	0,5
	2	Ý nghĩa 2 câu thơ: “Người chia tay và xin con một đồng. Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng. Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng. Lần thứ ba con phải biết lắc đầu. Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.”. Qua câu thơ, người cha nhắc nhở con về việc giúp đỡ người khác trong cuộc sống. Cần giúp đỡ mọi người song phải biết giới hạn, và đôi khi, từ chối cũng là một cách giúp đỡ. Học cách giúp đỡ người khác, nhiệt tình, đúng mực để sự giúp đỡ ấy phát huy giá trị tốt đẹp.	1,0
	3	Tác giả cho rằng: ” Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa Chẳng sao Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp	1,0

		<p>Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.”</p> <p>Bởi vì: Cuộc sống của mỗi người luôn cần có ước mơ, khát vọng, nỗ lực vươn lên và phải biết khẳng định mình. Tuy nhiên, “tiến” và “ngược lên” không phải để ganh đua, bon chen, hãnh tiến, không vì vật chất, danh lợi bản thân mà bán rẻ lương tâm, phẩm giá.</p> <p>Điều cần thiết là “tiến” và “ngược lên” để biết “lùi”, biết “nhìn xuống”, biết nhìn nhận, suy ngẫm, đánh giá về chính mình để giữ gìn nhân cách. Đó là cuộc sống thanh thản, hạnh phúc.</p>	
	4	<p>Học sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau và trình bày suy nghĩ thấm thía của bản thân về thông điệp ấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chúng ta cần biết giúp đỡ người khác, nhiệt tình, đúng mực để sự giúp đỡ ấy phát huy giá trị tốt đẹp. – Không nên tự cao, tự đại mà phải biết tự đánh giá và nhận ra tài năng, vị trí xã hội của mình. – Bình tâm trước những vấn đề được- mất, thăng tiến bằng chính tài năng của mình và luôn giữ gìn đức độ, nhân cách. – Cuộc sống luôn cần có tình yêu thương. Tình yêu thương đem đến hạnh phúc cho nhân loại.. 	0,5
		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	1	<p>Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu:</p> <p style="text-align: center;">“Và hãy tin vào điều có thật: Con người – sống để yêu thương.”</p>	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về tình yêu thương</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận: thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể</i>	

	<i>theo hướng sau:</i>	
	<p>1. Giải thích:</p> <p>Yêu thương là sự quan tâm, thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia, quý mến, trân trọng... con người. Đây là một lối sống đẹp xuất phát từ trái tim chân thành của con người.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>Sống yêu thương hiện hữu ở khắp nơi, muôn màu muôn vẻ. Đó là sự cảm thông, quan tâm, giúp đỡ những người bất hạnh hoặc là tình cảm yêu mến và trân trọng những người có phẩm chất đạo đức... Sống yêu thương cuộc sống sẽ đẹp đẽ hơn.</p> <p>Sống yêu thương mang lại những điều kì diệu cho cuộc đời. Người cho đi yêu thương được nhận bình yên và hạnh phúc. Người được nhận yêu thương là nhận được rất nhiều. Cuộc sống không có yêu thương sẽ vô cùng tẻ nhạt, lạnh lẽo.</p> <p>Cần phê phán những hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, ích kỉ trong xã hội hiện nay.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Chúng ta hãy mở rộng cánh cửa trái tim, tấm lòng yêu thương, mang tình yêu đến với mọi người. Bởi yêu thương chính là hạnh phúc của con người, của nhân loại !</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
	e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

ĐỀ 5

ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

(1) Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho

các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”... Và lòng nhân ái của các em Trường Quốc tế Global đã được hình thành như thế,...

(2)... Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia với mọi người và giúp người khi khó khăn hoạn nạn; phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam.

(Trích Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global – Theo Dân trí, ngày 14/ 2/ 2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Theo em, câu văn nào trong đoạn (2) nhấn mạnh vị trí, vai trò của lòng nhân ái?

Câu 3: Em hiểu như thế nào về câu nói: “Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”?

Câu 4: Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc- hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về **Lòng nhân ái của con người**.

Hoặc

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc- hiểu, Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong đoạn trích phần đọc – hiểu: “**Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người**”

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc- Hiểu	3,0
	1	Nghị luận	0,5
	2	Câu văn trong đoạn (2) nhấn mạnh vị trí, vai trò của lòng nhân ái: Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường	0,5

		<i>GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người.</i>	
3		Lòng nhân ái của con người ngoài bản tính sẵn có nó còn được hình thành từ gia đình, nhà trường thông qua quá trình trải nghiệm cuộc sống thực tế như học tập, trải nghiệm, sẻ chia, và đặc biệt con người được trải qua cảm xúc thực tế “ <i>đau nỗi đau của người khác</i> ”	1,0
4		Thí sinh chọn ra một thông điệp có ý nghĩa nhất. Gợi ý một số thông điệp: <i>Hãy đùm bọc, sẻ chia, cảm thông trước những khó khăn của con người trong cuộc sống, ...</i> – Lý giải một cách thuyết phục vì sao thông điệp có ý nghĩa sâu sắc nhất	1.0
		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	1	Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc- hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về Lòng nhân ái của con người .	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Lòng nhân ái của con người.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		1. Giải thích: Lòng nhân ái là lòng yêu thương giữa con người với con người.	0,25
		2. Bàn luận – Tại sao con người cần phải có lòng nhân ái? + Khi có lòng nhân ái thì con người trao cho nhau tình thương mà không cần sự đền đáp, trả ơn từ người mình đã giúp đỡ. + Có lòng nhân ái con người sẽ gắn gũi nhau hơn, giúp cho cuộc sống có ý nghĩa hơn.	0,5

	<p>+ Lòng nhân ái của con người trong thời chiến, thời bình (dẫn chứng)</p> <p>– Con người cần làm gì để thể hiện lòng nhân ái?</p> <p>+ Quan tâm đến những người xung quanh</p> <p>+ Chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau của người khác...</p> <p>– Phê phán những kẻ chỉ biết có mình, ích kỉ, vì lợi ích của bản thân, không quan tâm đến người khác.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>– Lòng nhân ái là tình cảm tốt đẹp của con người, có ý nghĩa to lớn đối với cá nhân và xã hội. Chính vì vậy mỗi người phải rèn luyện cho mình phẩm chất tốt đẹp đó là: tinh thần yêu thương, chia sẻ cho nhau trong cuộc sống; tự bản thân phải sống tốt và ngày càng hoàn thiện mình hơn.</p>	0,25
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)	0,25
	e. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

ĐỀ 6

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

-Ông ơi, cuộc sống là gì? – Một cậu bé da đỏ hỏi ông mình.

-Ông cảm thấy cuộc sống như hai con sói đang đánh nhau, một con thì hung dữ, đầy thù hận, còn một con thì tràn ngập lòng yêu thương, vị tha. - Người ông trả lời.

-Thế con sói nào sẽ chiến thắng hả ông? - Đứa cháu ngây thơ hỏi.

-À, điều này còn tùy vào chúng ta muốn con nào thắng, cháu ạ! - Người ông chậm rãi đáp.

Câu chuyện trên hé mở cho chúng ta thấy một quy luật bất biến của vũ trụ, một quy luật có khả năng thay đổi cuộc đời của mỗi chúng ta. Chúng ta sẽ trở nên những gì mình nghĩ.

Nói một cách đơn giản, nếu chúng ta suy nghĩ tích cực, thì những điều tốt đẹp của cuộc sống cũng đến với chúng ta. Ngược lại, những suy nghĩ tiêu cực chỉ

đem lại cho chúng ta những điều không mong đợi. Hãy hình dung ý nghĩ như những hạt giống được gieo trong tâm hồn. Hạt giống tốt sẽ đem về những vụ mùa bội thu, hạt giống xấu chỉ cho quả đắng. Đúng như những gì trong quyển “The power of Positive Thinking” (Quyền năng của suy nghĩ tích cực), tiến sĩ Norman Vincent Peale đã viết: “Hãy kì vọng, chứ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi”.

Do đó, mỗi người trong chúng ta đều có thể tạo nên những điều tốt đẹp nhất cho cuộc sống của mình. Biết bắt tay vào thực hiện những công việc được coi là tốt nhất dành cho mình tức là bạn đang gửi một thông điệp rằng bạn không những biết quý trọng bản thân mà bạn còn mến yêu cuộc đời này biết bao. Với cuộc sống và với cá nhân bạn, không có điều gì là không thể. Bạn hãy tin vào điều đó!

(Trích Điều kì diệu của thái độ sống, Tác giả: Mac Anderson, Dịch giả: Hiếu Dân, Thế Lâm, Văn Khanh, NXB Tổng hợp TPHCM, 2016, tr 05)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?
2. Nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Hãy hình dung ý nghĩ như những hạt giống được gieo trong tâm hồn. Hạt giống tốt sẽ đem về những vụ mùa bội thu, hạt giống xấu chỉ cho quả đắng?*
3. Theo văn bản, thế nào là *suy nghĩ tích cực*, thế nào là *suy nghĩ tiêu cực*?
4. Thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất qua văn bản.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa câu nói của tiến sĩ Norman Vincent Peale: “*Hãy kì vọng, chứ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi*”

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc- Hiểu	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính trong văn bản: nghị luận	0,5
	2	- Biện pháp tu từ so sánh: Ý nghĩ (như) những hạt giống được gieo trong tâm hồn - Tác dụng: tạo cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể khi	1,0

		nói về ý nghĩ của con người. Qua đó, người đọc hình dung rõ hơn tác dụng của ý nghĩ tốt và hậu quả của ý nghĩ xấu.	
3		<p>Cách hiểu về suy nghĩ tích cực, suy nghĩ tiêu cực trong văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - suy nghĩ tích cực: là suy nghĩ theo chiều hướng tốt thì những điều tốt đẹp sẽ đến, làm cho con người lạc quan, vui vẻ; - suy nghĩ tiêu cực: là suy nghĩ theo chiều hướng xấu thì chỉ nhận được những điều bất lợi, làm cho con người bất an, lo lắng. 	0,5
4		<p>Học sinh có thể trình bày và lí giải thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là vài gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải biết suy nghĩ theo hướng tích cực trước mọi tình huống xảy ra trong cuộc sống - Niềm tin sẽ tạo nên sức mạnh để con người chiến thắng nghịch cảnh... 	1,0
		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa câu nói của tiến sĩ Norman Vincent Peale: <i>“Hãy kì vọng, chứ đừng hoài nghi. Vì sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kì khó khăn, trở ngại nào. Còn sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi”</i>	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> ý nghĩa của sự kì vọng trong cuộc sống của con người.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		<p>1. Giải thích:</p> <p>kì vọng là đặt nhiều tin tưởng, hi vọng vào người nào</p>	0,5

	<p>đó (thể hệ cha anh kì vọng vào thế hệ trẻ; cha mẹ kì vọng vào con cái...); hoài nghi là không tin hẳn, khiến có thể dẫn tới nghi ngờ, phủ định về sự vật, sự việc và con người trong cuộc sống. Thực chất câu nó là chỉ ra sức mạnh của sự kì vọng và hậu quả của sự hoài nghi.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>+ Tại sao sự kì vọng sẽ giúp bạn vượt qua bất kỳ khó khăn, trở ngại nào?</p> <p>++ Nhờ có sự kì vọng, con người có niềm tin vào khả năng của chính mình. Từ đó, họ có động lực để phấn đấu, vượt qua mọi thử thách khó khăn của cuộc sống để đứng vững trên đôi chân của mình;</p> <p>++ Kì vọng sẽ tạo nên sức mạnh tinh thần, đó là ý chí, nghị lực, bản lĩnh sống mà chỉ ở con người mới có được.</p> <p>+ Tại sao sự hoài nghi sẽ chỉ ngăn trở bạn mà thôi?</p> <p>++ Vì sự hoài nghi đẩy con người luôn sống trong suy nghĩ tiêu cực với tâm lí bất an, luôn nghi hoặc hoặc ngờ vực trước mọi điều xảy ra;</p> <p>++ Sống trong hoài nghi, con người không có niềm tin, nhất là không tin vào chính mình. Vì thế, khi làm bất cứ việc gì, họ đều nghĩ đến cái khó, cái khổ, cuối cùng đành chấp nhận thất bại, đầu hàng hoàn cảnh...</p> <p>+ Bàn bạc mở rộng: Sự kì vọng phải dựa trên cơ sở thực tế, không biến kì vọng thành ảo vọng, gây áp lực cho chính mình và người khác. Cần phê phán những người sống trong vòng luẩn quẩn nghi ngờ không có căn cứ...</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Tuổi trẻ cần sống đẹp, sống có lí tưởng, biết kì vọng vào tương lai của mình để học tập và trau dồi đạo đức, nhân cách, chuẩn bị hành trang để vào đời.</p>	1.0
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý</p>	0,25

ĐỀ 7**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản dưới đây và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Năm ấy là năm 1963, tôi 17 tuổi.

Thật tôi sẽ nhớ mãi cái năm Mão ấy, tôi vừa bước chân tới nước Pháp để du học, thì tôi đã bị một người đồng hương tước mất gần hết tài sản ngay đêm đầu tiên.(...)

Thế là tôi một mình ôm bí mật rằng tôi đã trắng tay...(...)

Một hôm vào năm 1994, tôi được cô thư ký đưa lên một đơn xin việc, lúc đó tôi đang làm Phó Tổng giám đốc một tập đoàn đa quốc gia. Hồ sơ xin việc có cả hình của người nộp đơn. Tôi nhận ra ngay, đúng hẵn, không thể sai, người đã cướp hết tài sản của tôi vào lúc tôi đang tập tễnh ra đời. Cô thư ký nể tôi, cứ mỗi khi có một người Việt xin việc thì cô hay báo cáo trực tiếp cho tôi. Tôi đã hít ột hơi thở thật mạnh. Và chỉ trong chớp mắt, tôi đã chỉ đạo “Để cho Ban nhân sự xử lý bình thường đơn xin việc”, tôi không để lộ cho ai chuyện riêng của tôi. Có lẽ hẵn cũng đã quên tôi và cả sự việc rồi, hơn 30 năm đã qua. Trong lòng tôi không có chút hận thù mà ngược lại tôi lại có cảm giác nhẹ nhõm hơn, như đã trút được cái gì còn vướng mắc.

Nghĩ lại chuyện của tôi, tôi không khỏi bàng hoàng và cùng một lúc tôi có cảm giác hạnh phúc. Bàng hoàng vì có lẽ tôi sẽ không bao giờ sẵn sàng sống lại một thời kì như thế. Nhưng tại sao tôi lại có cảm giác hạnh phúc từ sự trải nghiệm đó thì thực tình tôi không rõ.(Theo Năm ấy là năm 1963, Khởi đầu hành trình hạnh phúc – Phan Văn Trường)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2: Em có nhận xét gì về cách cư xử của tác giả đối với người đã cướp đi tất cả tài sản của mình?

Câu 3: Theo em, vì sao tác giả lại có cảm giác hạnh phúc từ sự trải nghiệm của mình?

Câu 4: Rút ra thông điệp mà em nhận được từ đoạn trích trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về chủ đề: **Để được sống hạnh phúc.**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC- HIỂU	3,0
	1	- Phương thức tự sự	0,5
	2	Có thể có những nhận xét khác nhau, nhưng có thể theo hướng: - Cách cư xử của tác giả thể hiện sự bình tĩnh, độ lượng, cao thượng, không kín đáo, không phô trương, chí công vô tư...	0,5
	3	Thí sinh trình bày quan niệm của mình và lí giải phù hợp: - Hạnh phúc vì nhờ có trải nghiệm không vui đó mà mình có được ngày hôm nay. - Hạnh phúc vì mình đã không trở thành người như kẻ ăn cướp tài sản của mình. - Hạnh phúc vì những buồn đau của trải nghiệm trong quá khứ đã qua đi...	1,0
	4	Thí sinh rút ra bài học phù hợp với câu chuyện: - Đối xử bao dung, bỏ qua lỗi lầm của người khác sẽ giúp ta sống thanh thản, tự tin hơn. - Sẵn sàng chấp nhận mọi trải nghiệm dù đó là trải nghiệm vui hay buồn.	1,0
II		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
1		Từ câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về chủ đề: <i>Để được sống hạnh phúc.</i>	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Hạnh phúc	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau: 1. Giải thích - <i>Giải thích:</i> Hạnh phúc là trạng thái sung sướng vì cảm	0,5

	<p>thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>+ Trong cuộc sống, hạnh phúc đến từ nhiều lí do khác nhau, biểu hiện cũng khác nhau. Có hạnh phúc nhỏ bé, có hạnh phúc lớn lao.</p> <p>+ Để có được hạnh phúc thực sự:</p> <p>++ Nỗ lực học tập, lao động, rèn luyện để có cuộc sống tốt và cống hiến cho gia đình, xã hội.</p> <p>++ Yêu thương và trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình.</p> <p>++ Hành xử độ lượng, bao dung trước lỗi lầm của người khác khi có thể.</p> <p>++ Bản lĩnh, nghị lực, lạc quan vượt lên thử thách cuộc sống.</p> <p>- Mở rộng, phản đề:</p> <p>+ Cần tránh những nguy cơ đánh mất hạnh phúc: sống buông thả, tham vọng mà quên đi những điều bình dị, có ý nghĩa.</p> <p>+ Hạnh phúc không chỉ là nhận được mà còn là trao đi. Vì thế, biết mang đến hạnh phúc cho người khác cũng là một cách để được sống hạnh phúc.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- <i>Bài học nhận thức và hành động</i>: Nhận thức được hạnh phúc là khát vọng muôn đời của muôn người, vì thế tuổi trẻ cần sống có ước mơ, có lí tưởng, có khát vọng; sống bản lĩnh và tự trọng; sống yêu thương và chia sẻ... để được hạnh phúc thật sự.</p>	<p>1.0</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

ĐỀ 8:**Phần I: Đọc – hiểu (3,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu sau:

*Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác
chiếc lưỡi đi qua ngàn cơn bão từ vịnh
chiếc lưỡi trôi sạt trên núi đồi thanh âm, trên thác ghềnh cú pháp
chiếc lưỡi bị hành hình trong một tuyên ngôn*

*Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác
cám dỗ xui nhiều điều đại đột
đời cũng dạy ta không thể uốn cong
dù phần thắng nhiều khi thuộc những bầy cơ hội*

*Trên chiếc lưỡi có lời tổ tiên
Trên chiếc lưỡi có vị đắng sự thật
Trên chiếc lưỡi có vị đắng ngọt môi em
Trên chiếc lưỡi có lời thề nước mắt*

*Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác
dẫu những lời em làm ta mềm lòng
dẫu tình yêu em từng làm ta cứng lưỡi
Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác
một chiếc lưỡi mang điều bí mật
và điều này chỉ người biết mà thôi.*

(Dẫn theo <http://www.nhavantphcm.com.vn>)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ. Bài thơ được viết theo thể nào?

Câu 2: (0,5 điểm) Em hiểu như thế nào về câu thơ “Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác”?

Câu 3: (1,0 điểm) Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ dưới đây và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó:

*“Trên chiếc lưỡi có lời tổ tiên
Trên chiếc lưỡi có vị đắng sự thật
Trên chiếc lưỡi có vị đắng ngọt môi em
Trên chiếc lưỡi có lời thề nước mắt”*

Câu 4. (1,0 điểm) Thông điệp ý nghĩa nhất đối với anh/ chị sau khi đọc bài thơ trên là gì?

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Bài thơ trong phần Đọc hiểu làm ta suy ngẫm về nhiều cách nói năng cũng như cư xử trong đời sống của giới trẻ hiện nay. Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của em về vấn đề trên.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC- HIỂU	3,0
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm. - Bài thơ viết theo thể thơ tự do	0,5
	2	- Câu thơ gợi cho người đọc sự ngỡ ngàng “ <i>Tôi không nói bằng chiếc lưỡi của người khác</i> ”. Chuyện tưởng như rất hiển nhiên vì ai mà chẳng nói bằng chính chiếc lưỡi của mình. - Thế nhưng có nhiều khi ta nói, có khi cả giọng nói không phải thật sự là của ta mà là của một người nào đấy. - Khi ta không còn là chính mình, ta “nói bằng chiếc lưỡi của người khác” thì phần nhiều lời nói ra sẽ chẳng hay ho gì.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, lặp cấu trúc câu - Tác dụng: Có tác động mạnh mẽ đến người đọc, như là lời nhắc nhở về sự thiêng liêng, trân trọng và quý giá của lời nói. Hãy biết giữ gìn để lời nói luôn là của chính mình.	1,0
	4	Thông điệp của bài thơ: - Hãy luôn cẩn trọng với lời nói của chính mình. - Hãy suy nghĩ thật kỹ trước khi nói và hãy luôn giữ cho lời nói là của mình, cũng giữ cho được sự chặt chẽ của con người mình.	1,0
II		Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
1		Bài thơ trong phần đọc hiểu làm ta suy ngẫm về nhiều cách nói năng cũng như cư xử trong đời sống. Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/ chị về vấn đề trên.	2,0
		a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận</i> : thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : cách nói năng cũng	0,25

nghư cử xử trong đời sống của giới trẻ hiện nay	
c. <i>Triển khai vấn nghị luận: thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:</i>	
Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:	0,25
1. Giải thích <p>Nói năng cũng như cử xử trong giao tiếp thể hiện sự ứng xử của mỗi người trong cuộc sống. Qua cách nói năng cũng như cử xử, có thể đánh giá được con người có văn hóa hay không.</p>	0,5
2. Bàn luận <p>- Trong cuộc sống nhiều khi chúng ta có những khoảnh khắc suy nghĩ vội vàng rồi bỗng phát ra thành những lời lẽ không hay và sau đó là những lời xin lỗi, sự hối tiếc... (dẫn chứng)</p> <p>- Hãy suy nghĩ thật kĩ trước khi nói. Mỗi khi định nói gì phải xem người nghe có muốn nghe không, điều mình sắp nói có quan trọng với họ hay không và có thiện chí hay không.</p>	0,25
3. Bài học nhận thức và hành động <p>- Suy nghĩ trước khi nói vừa thể hiện sự tôn trọng người nghe vừa để lời mình nói ra được đúng đắn.</p> <p>- Phê phán những đối tượng ăn nói thiếu suy nghĩ, thiếu tôn trọng người khác</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	
d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: Không sai Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
e. <i>Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	0,25

ĐỀ 9

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau:

Nói về tàu điện tại Nhật, mỗi khoang tàu đều được thiết kế rõ ràng, đều có một dây ghế ưu tiên có màu khác biệt dành cho những người có sức khỏe yếu, hoặc

tàn tật gọi là “yusenseki”. Người Nhật luôn được biết đến là dân tộc có ý thức rất cao, những người khỏe mạnh lành lặn dù trên tàu có đang chật cứng cũng không bao giờ ngồi vào dãy ghế ưu tiên. Bởi họ biết chỗ nào mình nên ngồi, và chỗ nào không, cộng thêm lòng tự trọng không cho phép họ thực hiện hành vi “sai trái” ấy. Vì vậy gần như trên tàu luôn có chỗ dành cho những người thực sự cần phải ngồi riêng, như người tàn tật, người già, phụ nữ mang thai.

Thứ hai người Nhật không bao giờ muốn mình trở nên yếu đuối trước mặt người khác, nhất là người lạ. Tinh thần samurai được truyền từ đời này sang đời khác đã cho họ sự bất khuất, hiên ngang trong mọi tình huống. Bởi vậy, hành động bạn nhường ghế cho họ có thể sẽ gây tác dụng ngược so với ý định tốt đẹp ban đầu. Người được nhường ghế sẽ nghĩ rằng trong mắt bạn, họ là một kẻ yếu đuối cần được “ban phát lòng thương”.

Thứ ba dân số Nhật đang được coi là “già” nhất thế giới, tuy nhiên người Nhật không bao giờ thừa nhận mình già. Nếu bạn đề nghị nhường ghế cho người lớn tuổi, việc này đồng nghĩa với việc bạn coi người đó là già, và đây chính là mũi dao nhọn “xiên” thẳng vào lòng tự ái vốn cao ngun ngút của người Nhật. Có thể bạn có ý tốt, nhưng người được nhường ghế sẽ cảm thấy bị xúc phạm. Bỏ đi nha.

Cuối cùng xã hội Nhật Bản rất coi trọng sự bình đẳng, muốn ai cũng được đối xử như nhau. Họ không thích sự ưu ái, nhường nhịn, bạn đến trước giành được chỗ, chỗ đó là của bạn, người đến sau sẽ phải đứng, đó là điều dĩ nhiên. Kể cả bạn có nhã ý lịch sự muốn nhường chỗ cho một thai phụ, họ cũng sẽ lịch sự từ chối mặc dù trong lòng rất mong muốn có được chỗ ngồi mà bạn đang sở hữu. Bạn đã phải bỏ ra rất nhiều công sức để chiếm được chỗ ngồi ấy và người Nhật không muốn nhận đồ miễn phí, những thứ họ không phải nỗ lực để đạt được.

(Vì sao người Nhật không nhường ghế cho người già, phụ nữ, Theo Tri thức trẻ - 20/8/2015)

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2 (0,5 điểm). Những nguyên nhân nào khiến người Nhật không nhường ghế cho người già, phụ nữ?

Câu 3 (1 điểm). Văn hóa nhường ghế của người Nhật có gì khác với văn hóa của Việt Nam? Suy ngẫm của em về điều đó?

Câu 4 (1 điểm). Theo em làm thế nào để chúng ta có thể nhường chỗ cho người khác một cách có văn hóa? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về **Văn hóa giao tiếp** của người Việt Nam trong xã hội được gợi ra từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần/ Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc- hiểu	3,0
Câu 1	- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
Câu 2	Nguyên nhân khiến người Nhật không nhường ghế cho người già, phụ nữ là: + Có dây ghế ưu tiên có màu khác biệt dành cho người già + Không ai muốn là kẻ yếu đuối cần được ban phát lòng thương + Không ai muốn thừa nhận mình già – coi đó là xúc phạm + Coi trọng sự bình đẳng, muốn ai cũng được đối xử như nhau	0,5
Câu 3	Truyền thống văn hóa của người Việt Nam là tương thân tương ái, luôn động viên giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống; luôn kính trọng, lễ phép với người cao tuổi. Tuy nhiên vẫn còn những hành vi xấu: đó là sự thờ ơ vô cảm, ích kỉ chỉ nghĩ đến bản thân mình; không tôn trọng người khác.	1,0
Câu 4	Sự giúp đỡ người khác không nhất thiết phải phô trương; không tỏ ra thương hại tội nghiệp khi giúp đỡ; lặng lẽ có việc bỏ đi, nhường lại chỗ trống, nhường ghế với sự trân trọng, cảm thông và thấu hiểu.	1,0
Phần II.	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam trong xã hội	0,25
	c. <i>Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt</i>	

chế...	
<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <p>Văn hóa giao tiếp nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội (giao tiếp một cách lịch sự, thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng nhau).</p> <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa giao tiếp giữa người với người trong xã hội đó là văn hóatrọng tình, trọng nghĩa, văn hóa quan tâm, yêu thương lẫn nhau: “Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.”, “Uống nước nhớ nguồn”, ... - Văn hóa giao tiếp giữa con người và môi trường xung quanh bảo vệ môi trường, cải tạo môi trường, tiết kiệm tài nguyên, trồng cây xanh... - Văn hóa giao tiếp đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người, và đặc biệt là cuộc sống hiện đại ngày nay. Văn hóa giao tiếp thể hiện rõ rệt qua thái độ, hành vi, lời nói, cử chỉ của mình là cách mà người khác đang nhìn nhận, đang nhận xét về tính cách, nhân cách của bản thân mình. <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người tự hoàn thiện văn hóa giao tiếp của mình với mọi người, với môi trường xung quanh để tạo nên một xã hội văn minh lịch sự - Phê phán một vài đối tượng không có văn hóa giao tiếp: sống ích kỉ với mọi người, không biết yêu thương trân trọng tình người. - Liên hệ bản thân 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)	0,25
e. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

ĐỀ 10

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau:

“Chiếc vòng tử tế” là một trong những hoạt động nằm trong chiến dịch “Tử tế” là do Viện nghiên cứu Kinh Tế, Xã hội và Môi trường chủ trì phát động nhằm hướng mọi người suy nghĩ về giá trị của sự tử tế và thực hành giá trị đó trong đời sống. “Chiếc vòng tử tế” là tên gọi của 100 chiếc vòng đặc biệt trong chiến dịch được trao cho những người có uy tín trong cộng đồng như bà Tôn Nữ Thị Ninh, MC Diễm Quỳnh, ca sĩ Thái Thùy Linh, hot girl Chi Pu... Mỗi chủ nhân của 100 chiếc vòng cam kết sẽ thực hiện một điều tử tế trong vòng 4 ngày từ ngày nhận vòng, đồng thời chia sẻ lại câu chuyện rồi chuyển giao chiếc vòng cho một người khác.

Luật chơi của chiếc vòng tử tế là trong vòng 4 ngày sau khi nhận được chiếc vòng, bạn phải làm một điều tử tế và chia sẻ câu chuyện của mình trên facebook. Sau đó bạn tặng lại chiếc vòng cho một người khác, người cam kết sẽ làm những việc như trên. Cứ như thế chiếc vòng tử tế sẽ được truyền từ người này sang người khác. Trong ngày đầu phát động chiến dịch, 100 “chiếc vòng tử tế” được đánh số từ 1 đến 100 đã được trao cho những chủ nhân đầu tiên ở hai thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tính tới thời điểm này đã có rất nhiều việc tốt được thực hiện với câu chuyện thực sự “tử tế” được chia sẻ trên cộng đồng mạng.

Không có một định nghĩa chính xác hay cụ thể nào về sự “tử tế”. Đó là những hành động nhỏ thường ngày như vứt rác đúng chỗ, không vượt đèn đỏ, dắt một cụ già, em nhỏ qua đường, dừng xe nhặt hộ đồ rơi khi người đi trước không thể vòng lại,... Đó cũng là hành động lớn hơn như kêu gọi bảo vệ môi trường, thành lập tổ chức từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, ... Nhưng điều qua trọng hơn cả, việc đó xuất phát từ cách nghĩ đẹp, lối sống văn minh, “tử tế” với chính mình và với những người xung quanh.

(Trích Kenh14.vn, 30/10/2014)

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Câu 2 (0,5 điểm) Luật chơi của chiếc vòng tử tế là gì? Ban đầu có những ai tham gia? Theo bạn sẽ có bao nhiêu việc tử tế được thực hiện?

Câu 3 (1 điểm). Căn cứ vào những việc làm tốt gần đây nhất của bản thân, em có thể nêu cách hiểu của mình về sự tử tế?

Câu 4 (1 điểm) Theo em làm thế nào để những việc tử tế được lan tỏa trong cuộc sống hàng ngày? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về việc “*tử tế*” với chính mình và với những người xung quanh.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

[illegible]

Đề 11**I. Đọc – hiểu văn bản**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Mẹ!
Có nghĩa là duy nhất
Một bầu trời
Một mặt đất
Một vầng trăng
Mẹ không sống đủ trăm năm
Nhưng đã cho con dư dả nụ cười tiếng hát [...]
Mẹ!
Có nghĩa là ánh sáng
Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim
Mẹ!
Có nghĩa là mãi mãi
Là cho - đi - không - đòi lại - bao giờ...

(Trích “Ngày xưa có mẹ” - Thanh Nguyên)

Câu 1. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 2. Nêu tên và tác dụng của 02 biện pháp tu từ trong văn bản.

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về những câu thơ: “*Mẹ! Có nghĩa là duy nhất./Một bầu trời, một mặt đất, một vầng trăng.*”

Câu 4. Từ dòng cuối của đoạn thơ “*Mẹ! Có nghĩa là mãi mãi/Là cho – đi – không – đòi lại – bao giờ*”, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn từ 5 – 10 câu trình bày suy nghĩ của mình về tình mẹ

II. Tập làm văn**Câu 1:**

Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến “*Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ*”

(Bersot)

Phần/ câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc- hiểu	3,0
Câu 1	- Chủ đề của văn bản: Vai trò của tình mẹ đối với cuộc đời con người.	0,5
Câu 2	Kể tên hai biện pháp tu từ trong các	1.0

	<p>- So sánh: Mẹ - duy nhất / mãi mãi / ánh sáng.</p> <p>- Phép điệp từ, lặp từ: một, mẹ, có nghĩa là.</p> <p>- Ẩn dụ: Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim.</p> <p>- Phép liệt kê: bầu trời, mặt đất, vàng trắng,...</p> <p>-> Tác dụng: Phép so sánh gọi tả chân thực vai trò tình mẹ gắn với những giá trị vừa cụ thể vừa vĩnh hằng. Phép điệp từ nhấn mạnh tình mẹ là thiêng liêng, cao cả và duy nhất. Phép ẩn dụ, liệt kê: khắc họa và tôn vinh hình ảnh và công ơn người mẹ sánh ngang tầm vũ trụ nhưng cũng hết sức gần gũi, bình dị, thân thương. Qua đó chứng tỏ sự thấu hiểu, kính yêu, biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với mẹ...</p>	
Câu 3	<p>. Ý nghĩa những câu thơ: “<i>Mẹ! Có nghĩa là duy nhất./Một bầu trời, một mặt đất, một vàng trắng.</i>”: Khẳng định mẹ là duy nhất đối với mỗi người trên đời cũng như chỉ có một bầu trời, một mặt đất, một vàng trắng trong thế giới này mà thôi.</p>	0.5
Câu 4	<p>Viết một đoạn văn ngắn từ 5 – 10 câu trình bày suy nghĩ của bản thân về tình mẹ gọi ra từ các câu thơ “<i>Mẹ! Có nghĩa là mãi mãi / Là cho – đi – không – đòi lại – bao giờ</i>”.</p> <p>- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được một số ý cơ bản:</p> <p>+ Tiếng gọi “mẹ!” sẽ mãi mãi sống cùng năm tháng với người con, sẽ không bao giờ tắt được trên thế gian khi tình cảm của con vẫn luôn dành cho mẹ với niềm kính trọng, yêu thương mãi mãi bất diệt với thời gian.</p> <p>+ Mẹ hi sinh tất cả vì con, cho đi chứ không bao giờ cần nhận lại. Khẳng định: Tình mẹ bao giờ cũng cao cả, lớn lao, không gì đo đếm được.</p> <p>+ Mỗi người con phải sống sao để xứng đáng với công lao trời bể ấy của mẹ và không phụ lòng đáng sinh thành.</p> <p>- Giám khảo cho điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi bài viết có kết cấu đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả; có thái độ chân thành, nghiêm túc khi bày tỏ ý kiến.</p>	1,0
Phần II.	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0

	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận</i> : thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : Trái tim người mẹ	0,25
	c. <i>Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...</i>	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích từ ngữ, hình ảnh: <ul style="list-style-type: none"> + “<i>kỳ quan</i>”: một công trình kiến trúc hoặc cảnh vật đẹp đến mức kì lạ, hiếm thấy. + “<i>tuyệt vời</i>”: đạt đến mức coi như lí tưởng, không gì có thể sánh được. - Ý nghĩa câu nói: sự so sánh giữa <i>kỳ quan vũ trụ</i> và <i>trái tim người mẹ</i> -> Khẳng định tấm lòng của người mẹ là vĩ đại nhất, đẹp đẽ nhất, kỳ diệu nhất trong vũ trụ. <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định sự đúng đắn, sâu sắc của câu danh ngôn. Làm sáng tỏ bằng những lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, xác đáng về vẻ đẹp, sự kì diệu và lớn lao của trái tim người mẹ (có thể lấy dẫn chứng trong cuộc sống, trong các tác phẩm văn học - nghệ thuật,...). - Mọi kỳ quan trên thế giới dù rộng lớn, kỳ vĩ đến bao nhiêu thì cũng có giới hạn nhất định trong không gian và thời gian, thiên về ý nghĩa vật chất nhưng tình cảm mẹ dành cho con là vô hạn, thiên về giá trị tinh thần. - Sự vĩ đại của trái tim người mẹ không chỉ biểu hiện ở những cái lớn lao, đáng được tôn vinh, ca ngợi mà còn ở cả những điều nhỏ bé, bình dị. - Đến với kỳ quan là để chiêm ngưỡng, thần phục, còn đến với trái tim người mẹ, con người được yêu thương, chở che, nâng bước để trưởng thành và hoàn thiện chính mình. - Câu nói mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc về đạo làm con: trân trọng và biết ơn tấm lòng người mẹ, sống tròn trách nhiệm 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	<p>và hiếu thảo.</p> <p>- Nêu phản đề: phê phán những hiện tượng: con cái chưa hiếu và không trân trọng tấm lòng người mẹ, có những hành động sai trái, lỗi đạo...</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Tình cảm cá nhân giành cho mẹ của mình và xác định được động lực phấn đấu của bản thân...</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

Đề 12

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu sau:

(1) Hôm rồi tôi có dịp ghé nhà ông tá hải quân cùng quê chơi. Ông hiện phụ trách quân lực của cả một vùng. Ông vừa cất xong ngôi nhà (biệt thự thì đúng hơn) và sắm cả xe hơi mới. Bước vào phòng khách ngôi nhà, đập vào mắt tôi chính là tủ rượu hoành tráng được gắn sát chiếm diện tích gần nửa bức tường chính diện. Thôi thì đủ thương hiệu danh tiếng: từ Chivas, Hennessy, Napoleon, Johnnie Walker cho tới Vodka xịn tận bên Nga...được gia chủ bày khá ngay ngắn trên kệ. Ông đi giới thiệu cho chúng tôi xuất xứ từng chai rượu: chai này thằng bạn đi nước ngoài về tặng, chai kia đồng nghiệp cho, chai nọ do cấp dưới biếu với giọng khá hào hứng cũng như thể hiện sự am hiểu về rượu...

...(2) Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập với các bạn thói quen đọc sách của người Do Thái. “Trong mỗi gia đình Do Thái luôn luôn có một tủ sách được truyền từ đời này sang đời khác. Tủ sách phải đặt ở vị trí đầu giường để trẻ nhỏ dễ nhìn, dễ thấy từ khi còn nằm nôi. Để sách hấp dẫn trẻ, phụ huynh Do Thái thường nhỏ nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho các em chú ý”. Mặc dù chỉ có 8 triệu dân nhưng Israel có tới hơn 1000 thư viện công cộng với nhiều sách quý. Bên cạnh việc hình thành, xây dựng thói quen đọc sách từ khi nằm nôi cho trẻ nhỏ, người Do Thái hiện vẫn sử dụng hình ảnh con lừa thồ sách để dạy các con mình: nếu chỉ dừng ở việc đọc mà không biết ứng dụng thì trí tuệ đó cũng chỉ là trí tuệ

chết. Và để có thể ứng dụng, trẻ em Do Thái không ngừng đọc sách và tích lũy kiến thức từ nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

...(3) Câu chuyện về cái “tủ rượu” của ông tá hải quân trong câu chuyện đầu bài và cái “tủ sách” của người Do Thái, hay câu chuyện “văn hóa đọc” của người Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với khoảng cách phát triển hiện tại giữa chúng ta với thế giới. Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững, việc đầu tiên là phải làm sao để “văn hóa đọc” của người Việt Nam lan tỏa và thăng hoa, tạo thói quen đọc sách và yêu sách. Muốn phát triển như Âu Mỹ, Nhật hay người Do Thái trước hết phải học hỏi văn hóa đọc từ họ. Phải là sao nhà nhà đều có “tủ sách” để tự hào và reo hát, chứ không phải là “tủ rượu” để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trọc phú. Mọi thay đổi phải bắt đầu từ thế hệ trẻ.

(“Tủ rượu” của người Việt và “tủ sách” của người Do Thái – Dẫn theo báo Văn hóa giáo dục, ngày 22/9/2014)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2 (0,5 điểm) Tủ rượu và tủ sách thể hiện đặc điểm văn hóa khác nhau nào giữa người Việt và người Do Thái?

Câu 3 (1 điểm) Theo em đọc sách có mối tương quan như thế nào đối với sự phát triển của một cá nhân nói riêng và một đất nước nói chung?

Câu 4 (1 điểm) Em có suy nghĩ như thế nào khi ở Pháp hiện nay trung bình một năm mỗi người đọc khoảng 20 cuốn sách, còn ở Việt Nam mỗi năm là 0,8 cuốn? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề “**Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững, việc đầu tiên là phải làm sao để “văn hóa đọc” của người Việt Nam lan tỏa và thăng hoa, tạo thói quen đọc sách và yêu sách**”

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	- Tự sự	0,5

Câu 2	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa tử sách: đề cao trí tuệ, tích lũy kiến thức - Văn hóa tử rượu: khoe mẽ vật chất, tư duy trọc phú 	0,5
Câu 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách có mối tương quan đối với sự phát triển của một cá nhân là: làm phát triển trí tuệ, bồi dưỡng cảm xúc. - Đọc sách có mối tương quan đối với sự phát triển của một đất nước là: dân tộc giàu văn hiến, là mầm mống tạo ra sự phát triển. 	1,0
Câu 4	<ul style="list-style-type: none"> - So với thế giới, người Việt đọc sách quá ít. Người Việt chưa có thói quen đọc sách. - Người Việt đặc biệt là thế hệ trẻ cần tạo thói quen tốt đọc sách vì mỗi cuốn sách là một người thầy 	1,0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> văn hóa đọc của người Việt Nam	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa đọc ở đây chính là thái độ, là cách ứng xử của chúng ta với tri thức sách vở. Đọc sách sao cho hợp lý và bổ ích. Đọc sao cho hợp với quy luật tiếp cận tri thức. - Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững <p>Mỗi chúng ta phải tạo thói quen đọc sách và yêu sách</p> <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi có các phương tiện nghe nhìn, sách là con đường lớn nhất để con người tiếp cận thông tin, văn hóa, tri thức. Đọc sách là một trong những cách thức giúp con người thư giãn, tăng cường khả năng tư duy - Nhờ văn hóa đọc mỗi chúng ta tự giúp mình hoàn thiện bản thân hơn cả về trí tuệ lẫn đạo đức - Hiện nay có nhiều phương tiện nghe nhìn thay thế sách vở, nhưng việc đọc sách vẫn rất cần thiết trong cuộc sống. Cần lựa chọn những cuốn sách hay, giá trị để đọc và nghiên cứu. 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	- Phê phán những đối tượng đề cao vật chất bên ngoài và những đối tượng lười đọc sách. 3. Bài học nhận thức và hành động - Đọc sách là thói quen tốt cần tạo ra phong trào và văn hóa đọc sách trong giới trẻ. Gia đình và các bậc chức trách có nhiệm vụ lớn lao trong việc thay đổi hiện trạng văn hóa đọc ở nước ta hiện nay. - Liên hệ bản thân	
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)	0,25
	e. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

Đề 13:**I. Phần I: Đọc hiểu (3đ)****Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi:****GIÁ TRỊ CON NGƯỜI**

Pa-xcan

Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng.

Cần gì cả vũ trụ tòng hành nhau mới đè bẹp cây sậy ấy? Một chút hơi, một giọt nước cũng đủ làm chết người. Nhưng dù vũ trụ có đè bẹp người ta, người ta so với vũ trụ vẫn cao hơn, vì khi chết thì hiểu biết rằng mình chết chứ không như vũ trụ kia, khỏe hơn mình nhiều mà không tự biết rằng mình khỏe.

Vậy giá trị của chúng ta là ở tư tưởng.

Ta cậy cao dựa vào tư tưởng, chứ đừng dựa vào không gian, thời gian là hai thứ chúng ta không bao giờ làm đầy hay độ kịp. Ta hãy rèn tập để biết tư tưởng cho hay, cho đúng, đó là nền tảng của nhân luân.

Tôi không căn cứ vào không gian để thấy giá trị của tôi, mà tôi trông cậy vào sự quy định của tư tưởng một cách hoàn toàn, dù tôi có bao nhiêu đất cát cũng chưa phải là “giàu hơn”, vì trong phạm vi không gian này, vũ trụ nuốt tôi như một điểm con, nhưng trái lại, nhờ tư tưởng, tôi quan niệm, bao trùm toàn vũ trụ.

(Theo Bài tập Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.114)

Câu 1.(0,25đ) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích ?

Câu 2.(0,75đ) Nêu hiệu quả của một trong những biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng*”?

Câu 3.(1đ) Theo em thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc là gì?

Câu 4.(1đ) Qua hình ảnh “*cây sậy có tư tưởng*”, em rút ra bài học gì về cách nhìn nhận của con người?

II. Phần II: Làm văn (7,0)

Câu 1(2,0)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến của Pa-xcan trong văn bản ở phần Đọc hiểu “***giá trị của chúng ta là ở tư tưởng***”.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	
1	Phương thức biểu đạt: nghị luận.	0,25
2	<p>Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: so sánh (con người được so sánh với cây sậy).</p> <p>Giống nhau: mềm yếu, nhỏ bé</p> <p>Khác nhau: con người có tư tưởng</p> <p>- Tác dụng: Con người nhỏ bé, yếu ớt trước tạo hóa nhưng lại lớn lao và trường tồn nhờ có tư tưởng.</p>	0,75
3	<p>Thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc là :</p> <p>+ Con người phải biết rèn tập để có suy nghĩ, tư tưởng cho hay, cho đúng, không nên quá coi trọng vật chất.</p> <p>+ Con người cần đề cao tư tưởng, rèn luyện để có tư tưởng lành mạnh, tích cực, giàu có.</p> <p>+ Tầm vóc lớn lao và sự giàu có của con người trong vũ trụ chính là ở chỗ rèn tập để có tư tưởng tiến bộ tốt đẹp chứ không phải là ở chỗ giàu có về của cải.</p>	1,0
4	<p>Bài học về cách nhìn nhận của con người:</p> <p>- Nhận thức: Nhìn nhận tầm vóc của con người thông qua giá trị tư tưởng mà người đó cống hiến và để lại</p> <p>- Thái độ: Đừng đánh giá hay coi trọng con người thông qua giá trị</p>	1,0

	<p>vật chất.</p> <p>- Hành động: Rèn luyện bản thân để có tư tưởng tích cực, lành mạnh, giàu có</p>	
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
a.	Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính lôgic mạch lạc.	0,25
b.	Xác định đúng vấn đề nghị luận: Giá trị của con người là ở tư tưởng	0,25
c.	<p>Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>- Giải thích:</p> <p>+ Giá trị: Là tiêu chuẩn để xem xét một con người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, nghề nghiệp, tài năng.</p> <p>+ Tư tưởng: Là quan điểm, suy nghĩ chung tiến bộ đối với hiện thực khách quan, với các vấn đề xã hội.</p> <p>+ Ý cả câu: "Giá trị của chúng ta là ở tư tưởng" nghĩa là vị thế, tầm vóc của con người trong cuộc sống thể hiện thông qua những suy nghĩ tiến bộ về hiện thực khách quan hay các vấn đề xã hội mà người đó công hiến và để lại.</p> <p>- Bàn luận</p> <p>+ Giá trị của con người không nằm ở vật chất mà người đó có (của cải, đất đai, vóc dáng bên ngoài), vì:</p> <p>.Con người nhỏ bé trước vũ trụ bao la, rộng lớn. Trước không gian, thời gian mọi thứ thuộc về vật chất đều dễ bị biến đổi, tan biến.</p> <p>.Đời người hữu hạn, không có ai trường tồn cùng thời gian.</p> <p>+ Giá trị của con người nằm ở tinh thần, tư tưởng, tình cảm tiến bộ với hiện thực khách quan, với những vấn đề xã hội.</p> <p>.Con người có trí tuệ, tư tưởng, có sự sáng tạo, ý chí, nghị lực...vì vậy có thể có những khám phá, phát minh, cống hiến lớn lao cho nhân loại. Dẫu con người mất đi nhưng tư tưởng thì còn mãi.</p> <p>.Nó vượt qua và trường tồn với không gian, thời gian.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động</p> <p>+ Phê phán lối sống coi trọng vật chất, coi trọng hình thức.</p> <p>+ Chắt lọc, học hỏi tư tưởng vĩ đại của quá khứ</p> <p>+ Làm giàu vốn tư tưởng lành mạnh, tích cực</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p>
d.	Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e.	Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

ĐỀ 14

Phần I: Đọc hiểu (3đ)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

Đại đa số thanh niên thời trước không ai suy nghĩ, trăn trở gì lắm về cuộc đời, vì ai đã có phận nấy.

Phận là cái phần mà cuộc sống, xã hội dành cho mỗi người: phận làm trai, phận giàu, phận nghèo, phận đàn bà, phận làm tôi,... Con nhà lao động nghèo, nhiều lắm học đến chín, mười tuổi, là đã phải lo làm ăn mong kế nghiệp cha, anh. Con nhà giàu theo học lên cao thì làm quan, kém hơn thì làm thầy. Sinh ra ở phận nào, theo phận ấy, chỉ số ít là thoát khỏi.

Trái lại, thanh niên ngày nay tuy cái phận mỗi người vẫn còn, song trước mặt mọi người đều có khả năng mở ra nhiều con đường. Ngày nay sự lựa chọn và cố gắng của bản thân, sự giúp đỡ của bạn bè đóng vai trò quyết định. Có lựa chọn tất phải có suy nghĩ, trăn trở.

Hết lớp tám, lớp chín, học gì đây? Trung học hay học nghề, hay đi sản xuất? Trai gái gặp nhau bắt đầu ngập ngừng. Yêu ai đây? Yêu như thế nào? Sức khỏe tăng nhanh, kiến thức tích lũy đã khá, sống như thế nào đây? Ba câu hỏi ám ảnh: Tình yêu, nghề nghiệp, lối sống. Không thể quy cho số phận. Cơ hội cũng chia đều sà sà cho mọi người.

Thanh niên ngày xưa bước vào đời như người đi xem phim đã biết trước ngồi ở rạp nào, xem phim gì, ghế số bao nhiêu, cứ thế mà ngồi vào. Ngày nay, chưa biết sẽ xem phim gì, ở rạp nào, ngồi ghế số mấy, cạnh ai. Cho đến khi ổn định được chỗ ngồi trong xã hội, xác định đúng được vai trò và vị trí của mình là phải trải qua một thời gian dài.

Thời gian sẽ xây dựng cho mình một niềm tin và đạo lý.

Xây dựng nên thì như tàu ra biển rộng, có kim chỉ nam để xác định hướng đi; không thì như chiếc bích giữa dòng, e dè gió dập, hãi hùng sóng va.

(Thanh niên và số phận - Nguyễn Khắc Viện, Dẫn theo Ngữ văn 11 Nâng cao, tập hai, Sđd)

Câu 1. (0,25 điểm) Trong đoạn trích trên, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính ?

Câu 2. (0,75 điểm) Câu văn: “*Phận là cái phần mà cuộc sống, xã hội dành cho mỗi người: phận làm trai, phận giàu, phận nghèo, phận đàn bà, phận làm tôi,...*”, sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng?

Câu 3. (1,0 điểm) Căn cứ vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao thanh niên thời nay cần phải suy nghĩ đắn đo về số phận?

Câu 4. (1,0 điểm) Theo tác giả, những yếu tố nào có ý nghĩa quyết định đối với thành công và hạnh phúc của một con người trong thời đại ngày nay?

II. Phần II Làm văn (7,0)

Câu 1 (2,0)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về những câu nói được gợi từ phần Đọc hiểu:

“Thời gian sẽ xây dựng cho mình một niềm tin và đạo lý.

Xây dựng nên thì như tàu ra biển rộng, có kim chỉ nam để xác định hướng đi; không thì như chiếc bách giữa dòng, e dè gió dập, hãi hùng sóng va”.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	3,0
1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận.	0,25
2	- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: liệt kê - Tác dụng: Nhấn mạnh số phận của con người ngày xưa do hoàn cảnh sống sắp đặt sẵn.	0,75
3	- Thanh niên thời nay cần phải suy nghĩ, đắn đo vì có nhiều con đường, nhiều cơ hội mở ra; có điều kiện để chọn lựa, vượt thoát khỏi cái “phận” của mình... Muốn lựa chọn đúng đắn để có thành công và hạnh phúc, phải biết suy nghĩ, đắn đo...	1,0
4	- Theo tác giả, những yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với thành công và hạnh phúc của một con người trong thời đại ngày nay không phải là cái “phận” đã được định sẵn mà chính là “sự lựa chọn và cố gắng của bản thân, sự giúp đỡ của bạn bè”.	1,0
Phần II	Làm văn nghị luận xã hội	2,0
a.	Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
b.	Xác định đúng vấn đề nghị luận: tin vào chính mình, vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống, tự đánh giá được vị trí, vai trò của	0,25

mình trong các mối quan hệ của cuộc sống	
c. Triển khai vấn đề nghị luận	
1. Niềm tin: là tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống. Đạo lí là những cái lẽ hợp với khuôn phép, đạo đức ở đời.	0,25đ
2. Bàn luận: + Niềm tin và đạo lí sẽ mang đến cho con người bản lĩnh vững vàng, sức mạnh để đương đầu và vượt qua mọi khó khăn, thử thách - như con tàu lớn không ngại sóng gió. Để có được niềm tin và đạo lí, mỗi con người phải học cách nhận thức về bản thân và cuộc đời; phải biết suy ngẫm để lựa chọn một con đường đúng đắn; biết tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thiện tri thức và nhân cách...(dẫn chứng thực tế)	0,5đ
+ Phê phán những người đánh mất niềm tin và làm những điều trái với đạo lí	0,25đ
3. Bài học nhận thức và hành động	
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

Đề 15

I. Đọc – hiểu văn bản

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Ông ra vườn nhật nắng

Tha thân một buổi chiều

Ông không còn trí nhớ

Ông chỉ còn tình yêu

(*Ra vườn nhật nắng* - Nguyễn Thế Hoàng Linh)

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên
2. Nêu ý nghĩa nhan đề “*ra vườn nhật nắng*”
3. Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ có trong hai câu thơ đầu đoạn thơ?
4. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh “Ông không còn trí nhớ / Ông chỉ còn tình yêu”

II. Tập làm văn

Câu 1. Từ ngữ liệu trên, viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau: “ *Nếu trước bỏ tình yêu thì trái đất sẽ trở thành nấm mồ*”.

Hướng dẫn

Phần/	Nội dung	Điểm
-------	----------	------

câu		
Phần I	Độc- hiểu	3,0
Câu 1	- Biểu cảm	0,5
Câu 2	Ý nghĩa nhan đề “ra vườn nhặt nắng”: thể hiện cái nhìn hồn nhiên đáng yêu của trẻ thơ về hình ảnh người ông ra vườn nhà gom nhặt nắng – trong trạng thái thơ thần, mất trí nhớ. Phải chăng đó còn là hình ảnh tượng trưng cho sự gom nhặt niềm vui bình dị khi, tìm thấy chính mình trong kí ức tuổi thơ tươi đẹp của mỗi người.	1.0
Câu 3	<p>. - Các biện pháp tu từ: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “nhặt nắng), đảo ngữ (<i>tha thần một buổi chiều</i>); điệp từ “ông” kết hợp phép đối lập “không còn trí nhớ >< chỉ còn tình yêu”</p> <p>- Phân tích:</p> <p>+ Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác gợi tả cách nhận ngậy thơ, trong trẻo của cháu về nắng – cái điều bình dị, thân thương mà ông tha thần nhặt trong cảm nhận của cháu, đó còn là sự gặp lại chính mình khi ta tìm về kí ức một thời.</p> <p>+ Phép đảo ngữ hắc hoạ hình ảnh người ông đã già, lần thần, mãi mê tìm nhặt nắng khi tuổi tác đã phai pha cùng thời gian.</p> <p>+ Phép điệp từ, đối lập khẳng định tình yêu ông dành cho cháu không bao giờ thay đổi kể cả khi ông đã mất hết trí nhớ. Tình yêu ông dành cho cháu vô cùng mãnh liệt, nó luôn cháy bỏng không thể dập tắt trong lòng người ông đáng kính.</p> <p>-> Các biện pháp tu từ trên đã góp phần bộc lộ cái nhìn ấm áp, yêu thương, kính trọng, biết ơn sâu nặng của người cháu đối với ông của mình và cũng chính là đối với khung trời tuổi thơ tươi đẹp một thời.</p>	0.5
Câu 4	<p>Hình ảnh đối lập <i>Ông không còn trí nhớ/Ông chỉ còn tình yêu</i> nhằm nhấn mạnh điều còn lại duy nhất mà tuổi tác, trí nhớ, thời gian không bao giờ lấy đi được ở người ông chính là tình yêu thương.</p> <p>- Tình yêu thương ở người ông trong đoạn thơ chính là tình cảm thiêng liêng, bền vững nhất cần có ở mỗi người.</p> <p>- Tình yêu thương: là sự sẻ chia, sự đồng cảm, giúp đỡ cả</p>	1,0

	<p>vật chất lẫn tinh thần của người với người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu thương có thể được bộc lộ cả phương diện vật chất lẫn tinh thần. - Tình yêu thương là vô giá nhưng cần biết đặt đúng chỗ mới thực sự có ý nghĩa. Phê phán những con người sống thiếu tình yêu thương... - Liên hệ bản thân về tình yêu thương với đồng loại... 	
Phần II.	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Trái tim người mẹ	0,25
	c. <i>Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...</i>	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Tình yêu” là tình cảm yêu thương, quan tâm, chia sẻ,...giữa con người với con người. - “Nấm mồ” biểu tượng cho sự hoang tàn, chết chóc, tăm tối. <p>-> Câu nói của Brao-ninh khẳng định: không có tình yêu, thế giới sẽ vô cùng tẻ nhạt, buồn thảm, tăm tối.</p> <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu thương giữa con người với con người tự nhiên và nhân bản vì đó là tình giữa đồng loại với đồng loại-thứ tình cảm chỉ có con người mới có được. - Tình yêu giúp con người sống vui, sống hạnh phúc.Thứ tình cảm ấy gắn kết con người với con người. - Tình yêu là cơ sở vững chắc của đời sống tinh thần; không có tình yêu sẽ không có tình người. Không có tình yêu cũng đồng nghĩa với thế giới chỉ còn sự lạnh nhạt, hờ hững , buồn tẻ. Muôn đời này ta vẫn nghe con người ca ngợi tình yêu. 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	<p>- So sánh tình yêu với những thứ quý giá nhất trong đời sống vật chất vàng, bạc, kim cương...chẳng ai so sánh với những thứ lạnh lẽo, vô hồn. Trong những câu chuyện cổ tích, ta còn nghe cha ông kể những câu chuyện về bao ông hoàng bà chúa khắp thế gian. Họ sống trong lâu đài vàng, nằm trên giường nệm bạc mà vẫn đau buồn, chán nản vì không có được tình yêu thương thực sự, xung quanh chỉ có xu nịnh, bợ đỡ, giả dối mà thôi. Và không biết tự bao giờ, trong giới học sinh truyền nhau những câu thơ như thế này trong cuốn lưu bút: “<i>Sống trong bể ngọc kim cương-Không bằng sống giữa tình thương bạn bè</i>”.</p> <p>- Cuộc sống sẽ thật khủng khiếp nếu thiếu tình yêu thương (không khi</p> <p>tết cũng thật lạnh lẽo khi vẫn còn đó những người ăn xin, những đứa trẻ lang thang, những gia đình nghèo...không được xã hội giúp đỡ, sẻ chia...Cuộc sống này sẽ ra sao? Mất đi tình yêu con người sẽ chỉ còn vô cảm, lạnh lùng và dã man. Thế giới ấy hoang tàn, vắng lặng, âm u và thực sự giống như một nấm mồ chết chóc.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Thế giới này chỉ tốt đẹp không phải nhờ có nhiều tòa nhà cao tầng, nhiều thiết bị điện tử tiên tiến hiện đại, những công nghệ đưa con người vào vũ trụ...thế giới này chỉ tốt đẹp khi con người biết yêu thương nhau. Ngày nay bên cạnh những mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người, sống chia sẻ và yêu thương một cách chân thành thì vẫn còn đó những trái tim lạc điệu, vô cảm trước nỗi đau của người khác cần phải phê phán. Nếu một ngày nào đó bạn nhìn thấy một bà lão ăn xin bước đi trên con đường thành phố phồn hoa, nếu một ngày nào đó bạn nhìn thấy một đứa trẻ không nhà, bạn nhìn thấy thiên tai với bao giọt nước mắt trái tim bạn lạnh lùng, không xót xa lúc ấy bạn đã không tồn tại.</p>	
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i>	0,25
	e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

I. Phần I: Đọc hiểu (3đ)**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

Một lần đi thăm một thầy giáo lớn tuổi, trong lúc tranh luận về quan điểm sống, một sinh viên đã nói:

- Sở dĩ có sự khác biệt là vì thế hệ các thầy sống trong những điều cũ là của một thế giới lạc hậu, ngày nay chúng em được tiếp xúc với những thành tựu khoa học tiên tiến hơn nhiều, thế hệ các thầy đâu có máy tính, không có internet, vệ tinh viễn thông và các thiết bị thông tin hiện đại như bây giờ...

Người thầy giáo trả lời:

- Những phương tiện hiện đại giúp chúng ta nhưng không làm thay đổi chúng ta. Còn điều em nói là đúng. Thời trẻ, những người như chúng tôi không có những thứ em vừa kể nhưng chúng tôi đã phát minh ra chúng và đào tạo nên những con người kế thừa và áp dụng chúng.

Cậu sinh viên chợt cúi đầu, im lặng.

(Dẫn theo Hạt giống tâm hồn và Ý nghĩa cuộc sống, tập 5, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên (0,5 điểm)

Câu 2. Theo cậu sinh viên, điều gì làm nên sự khác biệt về quan điểm sống giữa thế hệ của cậu và thế hệ của người thầy giáo lớn tuổi? (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao cậu sinh viên lại cúi đầu, im lặng trước câu trả lời của thầy? (1,0 điểm)

Câu 4. Từ câu chuyện trên em rút ra bài học gì cho bản thân? (1,0 điểm)

II. Phần II: Làm văn (7,0)**Câu 1(2,0)**

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu trả lời của người thầy giáo trong văn bản phần Đọc hiểu: “**Những phương tiện hiện đại giúp chúng ta nhưng không làm thay đổi chúng ta**”.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5
Câu 2	Theo cậu sinh viên, điều làm nên sự khác biệt về quan điểm sống giữa hai thế hệ, thế hệ trẻ và thế hệ của người thầy giáo lớn tuổi là	0,5

<p>trong thời đại có những thành tựu khoa học tiên tiến như máy tính, internet, vệ tinh viễn thông và các thiết bị thông tin hiện đại khác... nhưng ông và những người cùng thế hệ đã đặt viên gạch khởi đầu và đào tạo nên những con người kế thừa và áp dụng những thành tựu đó.</p> <p>++ Thời đại mà người thầy giáo sống có thể là thời của những điều cũ kỹ, lạc hậu nhưng chính họ đã kiến tạo nên thế giới văn minh mà cậu sinh viên đang sống.</p> <p>Lấy dẫn chứng: (về các nhà bác học đã phát minh ra các phương tiện hiện đại chúng ta tiếp tục phát huy)</p> <p>2. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cái nhìn toàn diện ở nhiều, tranh phiên diện một chiều - Phê phán những người không biết trân trọng cái cũ (quá khứ) ... - Liên hệ với bản thân 	0,25
<p>d. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25
<p>e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i></p>	0,25

ĐỀ 17

I. Phần I: Đọc hiểu (3đ)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Xin dạy cho cháu biết đến thế giới kì diệu của sách, nhưng cũng để cho cháu đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống: đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượn trong nắng, và những bông hoa nở ngát trên đồi xanh...”

Ở trường, xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi. Xin hãy tạo cho cháu có niềm tin vào ý kiến của bản thân, cho dù tất cả mọi người xung quanh đều cho rằng ý kiến ấy là không đúng...”

Xin hãy dạy cho cháu biết cách đối xử dịu dàng với những người hòa nhã và cứng rắn đối với kẻ thô bạo. Xin tạo cho cháu sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người chạy theo thời thế”.

(Trích thư của Tổng Thống Mỹ Lin - Côn gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, trong *Những câu chuyện về người thầy*).

Câu 1 (0,5 điểm). Nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 3 (1,0 điểm). Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 4 (1,0 điểm). Thông điệp mà tác giả gửi đến bạn đọc qua văn bản trên là gì?.

II. Phần II: Làm văn (7,0)

Câu 1(2,0)

Từ văn bản đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn theo **lỗi quy nạp** (20 dòng) nêu suy nghĩ của mình về câu nói của Tổng thống Mỹ Lin-Côn *“Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thất bại còn vinh dự hơn gian lận khi thi”*

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	
Câu 1	Nội dung: Người cha mong thầy giáo hãy dạy cho con biết sự quý giá của sách, biết yêu quý cuộc sống, biết ứng nhân xử thế, có lòng trung thực, có sức mạnh, có niềm tin vào bản thân.	0,5
Câu 2	Các phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5
Câu 3	- Biện pháp nghệ thuật: Liệt kê, lặp cấu trúc cú pháp, so sánh, đối lập, điệp từ, điệp ngữ. (HS cần xác định đúng 03 biện pháp). - Tác dụng: Nhấn mạnh những ước muốn tha thiết của Tổng thống Mỹ Lin-Côn với thầy hiệu trưởng; thể hiện tình yêu cao cả của người cha đối với con; mối quan hệ gắn bó giữa gia đình với nhà trường.	0,5 0,5
Câu 4	Thông điệp của tác giả: Trường học không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức mà còn nơi giáo dục nhân cách học sinh, trong đó người thầy giáo có vai trò định hướng để đào tạo ra những con người toàn diện về thể chất và trí tuệ, tâm hồn (đức, trí, thể, mỹ)	1.0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
1.Yêu cầu chung: Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết		
2.Yêu cầu cụ thể		

Trang 53

Chưa tin mình đã đến nơi mình tìm
 Không cảnh để gọi tiếng chim
 Không hoa cho bướm mang thêm nắng trời
 Không vàng cỏ ấm tay người
 Nén hương tảo mộ cắm rồi lại xiêu

Thanh minh trong những câu Kiều
 Rung rung con đò với chiều Nghi Xuân
 Cúi đầu tưởng nhớ vĩ nhân
 Phong trần còn để phong trần riêng ai
 Bao giờ cây súng rời vai
 Nung vôi, chở đá tượng đài xây lên
 Trái tim lớn giữa thiên nhiên
 Tình thương nói nhịp suốt nghìn năm xa...

(Trích *Bên mộ cụ Nguyễn Du*, Vương

Trọng)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? (0,5 điểm)

Câu 2. Những từ ngữ nào trong đoạn thơ gợi nhớ đến tiểu sử Nguyễn Du và Truyện Kiều? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ từ vựng trong khổ thơ thứ hai (1,0 điểm)

Câu 4. Nhà thơ Vương Trọng muốn nói điều gì qua hình ảnh “trái tim lớn” ? (1,0 điểm)

II. Phần II: Làm văn (7,0)

Câu 1 (2,0)

Từ văn bản đọc hiểu, hãy viết đoạn văn theo lối diễn dịch (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về việc **tưởng nhớ vĩ nhân trong đời sống dân tộc hôm nay.**

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	
1	Biểu cảm	0,5
2	- Từ ngữ trong đoạn thơ gợi nhớ đến tiểu sử Nguyễn Du: <i>Nghi Xuân</i> (quê hương nhà thơ)	0,5

	- Những từ ngữ trong đoạn thơ gợi nhớ đến Truyện Kiều: <i>thanh minh; câu Kiều; phong trần</i>	
3	- Biện pháp tu từ: điệp ngữ, lặp cấu trúc (<i>Không cảnh, không hoa, không vắng cỏ</i>)	0,5
	- Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh và khắc hoạ khung cảnh hoang sơ, thiếu vắng hơi ấm bàn tay chăm sóc của con người. Nơi yên nghỉ của đại thi hào dân tộc lại hoang vắng, hoang sơ, khiến tác giả chạnh lòng, xót xa.	0,5
4	Hình ảnh “ <i>trái tim lớn</i> ” nói về Nguyễn Du- Đại thi hào dân tộc, nhà thơ lớn bởi tấm lòng nhân ái bao la, mà tác phẩm là những tiếng khóc thương cho thập loại chúng sinh, cho những thân phận đau khổ, bất hạnh dưới chế độ phong kiến. Qua đó, Vương Trọng thể hiện sự cảm thông, ngưỡng mộ và ca ngợi tấm lòng nhân đạo cao cả của Đại thi hào Nguyễn Du.	1,0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
1.Yêu cầu chung: Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết		
2.Yêu cầu cụ thể		
a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn</i>		0,25
b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cần tưởng nhớ vĩ nhân trong đời sống dân tộc hôm nay</i>		0,25
c. <i>Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...</i>		
1*Giải thích: - <i>Vĩ nhân</i> là những con người vĩ đại, có công lao đóng góp trên một hoặc một vài lĩnh vực; tầm vóc lớn; có tầm ảnh hưởng sâu rộng, lâu dài, được ghi công danh trong lịch sử; - Tưởng nhớ vĩ nhân là việc mỗi người hiểu biết, ghi nhớ, biết ơn công lao của những con người vĩ đại, có vai trò quan trọng góp phần làm nên lịch sử dân tộc.		0,25
2* Bàn luận mở rộng vấn đề: - Việc tưởng nhớ vĩ nhân là cần thiết vì nó cho thấy hiểu biết của thế hệ sau về quá khứ, lịch sử, về những người đã làm nên lịch sử; đồng thời thể hiện lễ sống đẹp: uống nước nhớ nguồn, lòng biết ơn... - Là một dân tộc có truyền thống ân nghĩa thủy chung, nhân dân ta đều		0,5

<p>coi trọng việc tưởng nhớ vĩ nhân, thể hiện bằng thái độ và việc làm cụ thể (tuyên truyền, tái dựng cuộc đời; xây dựng tượng đài, bia mộ để ghi công...)</p> <p>- Tưởng nhớ vĩ nhân còn là một cách để rèn đức tu chí luyện tài, hình thành lối sống đẹp, khát vọng vươn tới những tầm vóc lớn để nâng cao giá trị sự sống của mỗi người;</p> <p>- Tuy nhiên, vẫn còn có những người chưa có ý thức, thái độ, hành động thể hiện sự tưởng nhớ vĩ nhân chân thành, đúng đắn (không hiểu biết về lịch sử, nhầm lẫn, hiểu sai...; ích kỉ, bội bạc với quá khứ...)</p> <p>3* Rút ra bài học nhận thức và hành động.</p> <p>- Mỗi người cần có hiểu biết sâu sắc về các bậc vĩ nhân, tự hào về lịch sử.</p> <p>- Biết sống đúng, sống đẹp để xứng đáng với công lao của những bậc vĩ nhân.</p>	0,25
d. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25
e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>	0,25

ĐỀ 19**I. Đọc – hiểu văn bản****Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi**

“Phải nuôi khát vọng ở trong tim

Dẫu đời này bầy nổi ba chìm

Còn sống là vẫn còn hi vọng

Đừng bao giờ đánh mất niềm tin”

(Nguyễn Khắc Thiệu)

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên
2. Đặt nhan đề cho đoạn thơ trên.
3. Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ có trong đoạn văn trên.
4. Em có đồng ý với quan niệm mà tác giả đưa ra. Vì sao?

II. Tập làm văn

Câu 1. Từ ngữ liệu trên, viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của em về **Hi vọng**.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần/ câu	Nội dung	Điểm
--------------	----------	------

Phần I	Độc- hiểu	3,0
Câu 1	- Biểu cảm	0,5
Câu 2	Nhan đề: Đừng bao giờ tuyệt vọng	0.5
Câu 3	. - BPTT: Sử dụng thành ngữ “bay nổi ba chìm”; điệp từ “còn” - Tác dụng ; + Thành ngữ: khẳng định nhấn mạnh đường đời không bao giờ trải đầy hoa hồng mà phải vượt qua khó khăn thử thách + Điệp từ: nhằm nhắc nhở bạn đọc đừng bao giờ nản trí tuyệt vọng khi gặp khó khăn mà hãy tự tin ,phải có niềm tin hi vọng rằng mình sẽ vượt qua	1.0
Câu 4	- Đồng tình với quan điểm của tác giả về niềm tin, hi vọng trong cuộc đời. Bởi cuộc sống có vô vàn khó khăn trắc trở, nó có thể xuất hiện bất kể thời điểm nào nhưng không vì thế mà ta nản lòng ,e ngại, lùi bước. Khi đó ta phải có tâm thế tự tin, trong tim luôn mang một niềm tin khát vọng cháy bỏng để có thể chiến thắng vượt qua thử thách. - Từ quan điểm của tác giả, bạn đọc trầm trồ, nghĩ suy về bản lĩnh, biết nuôi dưỡng niềm tin, hi vọng trong cuộc đời.	1,0
Phần II.	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Hy vọng	0,25
	c. <i>Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...</i>	
	Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau: 1. Giải thích Hi vọng là tin tưởng, mong chờ điều tốt đẹp sẽ đến. 2. Bàn luận - Cuộc sống của mỗi người luôn có muôn vàn những khó khăn,chông gai ở phía trước , nhưng dù khắc nghiệt đến đâu mỗi chúng ta vẫn không bao giờ ngừng hi vọng, sự lạc quan, tin tưởng vào tương lai, đó sẽ là chìa khóa thành công của mỗi	0,25 0,5

	<p>người. Bởi trên đường đời, chưa ai không một lần vấp ngã. Điều quan trọng không phải ngã như thế nào, đau đớn ra làm sao mà là ta phải biết đối mặt với nó như thế nào.</p> <p>- Nếu mất đi niềm tin, trở nên tuyệt vọng, không có ý chí vươn lên, ta sẽ mãi chìm trong vũng bùn tăm tối và chắc chắn sẽ đưa chúng ta đến bờ vực của những thất bại. Ngược lại, nếu trong tâm có hi vọng, ta luôn có thể nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm, tìm được sự bình an, thanh thản trong bất hạnh khổ đau.</p> <p>- Thái độ sống lạc quan, vui vẻ sẽ giúp ta nhận được sự yêu quý, gần gũi từ những người xung quanh và không bao giờ cảm thấy cô đơn, lạc lõng. Gần đây, chúng ta không khỏi cảm phục trước diễn viên Quốc Tuấn – người không từ bỏ hi vọng, đồng hành cùng con suốt mười lăm năm ròng rã. Để rồi, sau tất cả, hạnh phúc đã thực sự mỉm cười với anh và gia đình.</p> <p>- Dù vậy, không phải ai cũng tìm được ngọn lửa hi vọng để thắp sáng tương lai của chính mình. Một số dễ dàng bị lụy trước khó khăn, từ bỏ ước mơ và sống một cuộc đời mờ nhạt. Số khác thì lại cứ lao theo những ảo vọng xa vời, những mộng tưởng phù phiếm mà dần lãng quên giá trị đích thực của cuộc sống. và cuối cùng họ trở thành cái bóng mờ nhạt trên chính cuộc đời của mình.</p> <p>- 3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Nhận thức được tính đúng đắn của vấn đề</p> <p>- Hành động: rèn cho mình thái độ lạc quan, tin tưởng; có bản lĩnh để đối mặt và vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc đời; không ngừng nỗ lực cố gắng vươn lên để thành công...</p> <p>Helen Keller từng nói: “Bạn chẳng thể làm gì mà thiếu đi hi vọng”. Vậy nên, tất cả chúng ta hãy tìm cho mình những hi vọng đúng đắn và sống hết mình từng giây từng phút để thực hiện những giấc mơ của bản thân.</p>	0,25
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i></p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

ĐỀ 20**Phần 1: Đọc hiểu (3,0đ)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Mong ước đầu tiên và lớn nhất của tôi là các con sẽ trở thành người tử tế, sau đó là cháu sẽ có một cuộc sống hạnh phúc.

Sau này con có trở thành bất cứ ai trên cuộc đời này, làm bất cứ công việc gì thì cũng làm việc một cách tử tế, ứng xử với bản thân, với gia đình, bạn bè, những người xung quanh, với cộng đồng và thậm chí là với cả trái đất này một cách tử tế! Việc cháu tiếp tục học ở đâu, làm việc gì là tùy vào sở thích, niềm đam mê và năng lực của cháu. Tôi và gia đình hoàn toàn tôn trọng vào sự lựa chọn và quyết định của con mình.

(Thạc sĩ Đinh Thị Thu Hoài – Giám đốc Trung tâm Đào tạo Kỹ năng sống Insight, mẹ của "cậu bé vàng" Đỗ Hải Nhật Minh trả lời phỏng vấn báo Giáo dục và Thời đại số 24 ngày 28-1-2017, trang 7)

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm) Theo em, trình tự lập luận trong đoạn trích trên được trình bày theo phương pháp nào? (diễn dịch, quy nạp hay tổng-phân-hợp)

Câu 3 (1 điểm) Xác định nội dung cơ bản của đoạn trích?

Câu 4 (1 điểm) Là một người trẻ tuổi, em có tán đồng với mong ước về tương lai tuổi trẻ của vị phụ huynh thể hiện trong đoạn trích trên không? Vì sao?

Phần II: Làm văn (7,0)

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Sau này con có trở thành bất cứ ai trên cuộc đời này, làm bất cứ công việc gì thì cũng làm việc một cách tử tế, ứng xử với bản thân, với gia đình, bạn bè, những người xung quanh, với cộng đồng và thậm chí là với cả trái đất này một cách tử tế!*

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

Phần I	Đọc hiểu	3,0
1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
2	Trình tự lập luận trong đoạn trích được trình bày theo phương pháp tổng-phân-hợp	0,5
3	Nội dung cơ bản của đoạn trích: Những lời tâm sự (chia sẻ) của một phụ huynh: mong con trở thành người tử tế.	1,0
4	4. HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục, nhưng không thể không tán đồng. Vì đó là ý kiến đúng đắn, sâu sắc và có trách nhiệm	1,0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
1.Yêu cầu chung: Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết		
2.Yêu cầu cụ thể		
<i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn</i>		0,25
<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cần làm một con người tử tế.</i>		0,25
<i>c. Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...</i>		
1* Giải thích - Tử tế: Đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi mà lẽ thường phải có để được coi trọng, có lòng tốt trong đối xử. - Làm việc tử tế: + Việc tử tế: Không nhất thiết phải là những việc to tát, sang trọng mà có khi chỉ là những việc nhỏ bé, bình thường nhưng là những việc tốt, có ý nghĩa. + Cách làm tử tế: Có trách nhiệm đối với việc mình làm. - Ứng xử tử tế: + Ứng xử có trách nhiệm, có văn hóa. + Trong mọi mối quan hệ, kể cả với bản thân, với trái đất. - Nội dung ý kiến: Sau này con có thể trở thành bất cứ ai (thành vĩ nhân hay chỉ là thường dân), có thể làm việc gì (việc lớn lao hay việc nhỏ bé) không quan trọng. Quan trọng là phải tử tế, làm việc tử tế, ứng xử tử tế.		0,25
2* Phân tích, bình luận - Nêu và phân tích những biểu hiện của việc tử tế và những người tử tế.		0,5

<p>- Tương lai là những gì sẽ diễn ra ở phía trước mà con người khó lường hết được. Vì vậy người ta thường lo lắng và chuẩn bị chu đáo hành trang cho tương lai.</p> <p>- Bằng kinh nghiệm của những người đi trước, trách nhiệm đối với thế hệ sau, mong ước trên của bậc phụ huynh là rất đáng trân trọng. Đó là ý kiến đúng đắn, sâu sắc và có trách nhiệm.</p> <p>+ Trước hết, đáp ứng được thực tế: "ứng vạn biến" (có thể trở thành bất cứ ai, làm bất cứ việc gì).</p> <p>+ Sau nữa nó đảm bảo được chân lí "dĩ bất biến", có thể giúp con người trưởng thành, vững vàng trong mọi tình huống thử thách (làm việc tử tế, ứng xử tử tế). Dù xét ở góc độ nào đi nữa thì làm việc tử tế, ứng xử tử tế vẫn phải là thước đo giá trị con người trong mọi thời đại. Nó phải được tôn vinh.</p> <p>(Thí sinh có thể có suy nghĩ khác nhưng không trái với tinh thần của câu nói, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)</p> <p>3* Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Việc tử tế làm nên nhân cách, giá trị con người</p> <p>- Phê phán những đối tượng sống ích kỉ cá nhân</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	0,25
d. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25
e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>	0,25

Đề 21

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"Bản lĩnh là khi bạn dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt. Muốn có bản lĩnh bạn cũng phải kiên trì luyện tập. Chúng ta thường yêu thích những người có bản lĩnh sống. Bản lĩnh đúng nghĩa chỉ có được khi bạn biết đặt ra mục tiêu và

phương pháp để đạt được mục tiêu đó. Nếu không có phương pháp thì cũng giống như bạn đang nhắm mắt chạy trên con đường có nhiều ổ gà.

Cách thức ở đây cũng rất đơn giản. Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm... Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn. Đó là những kỹ năng đã được trau dồi cùng với vốn tri thức, trải nghiệm. Một người mạnh hay yếu quan trọng là tùy thuộc vào yếu tố này.

Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi xây dựng được bản lĩnh, bạn không chỉ thể hiện được bản thân mình mà còn được nhiều người thừa nhận và yêu mến hơn."

(Tuổi trẻ.vn - **Xây dựng bản lĩnh cá nhân**)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?(0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, thế nào là người bản lĩnh? (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng "Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh".(1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, một người có bản lĩnh sống phải là người như thế nào?(1,0 điểm)

II. LÀM VĂN(7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến: **Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.**

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Phương thức nghị luận.	0.5
	2	Thao tác giả, người có bản lĩnh là người dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt.	0.5
		Sở dĩ tác giả cho rằng bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được	

	3	mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh bởi vì khi một cá nhân có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm nhưng chỉ nhằm mục đích phục vụ cá nhân mình, không quan tâm đến những người xung quanh, thậm chí làm phương hại đến xã hội thì không ai thừa nhận anh ta là người có bản lĩnh tốt.	1.0
	4	Để có bản lĩnh sống cần: + Trau dồi tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng + Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm + Phải có ý chí, quyết tâm, nghị lực + Dám đương đầu với mọi thử thách để đạt được điều mong muốn.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa về ý kiến:) trình bày suy nghĩ về ý kiến: <i>Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.</i>	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i>	0.25
		Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp,	
		móc xích hoặc song hành.	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25
		Bản lĩnh có vai trò quan trọng đối với mỗi con người, có thể quyết định tương lai của mỗi người.	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1.0
		Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
		* Giải thích: - Bản lĩnh là sự tự khẳng định mình, bày tỏ những quan điểm cá nhân và có chính kiến trong mọi vấn đề. Người bản lĩnh dám đương đầu với mọi thử thách để đạt điều mong muốn.	0,25
		* Bàn luận: - Ý kiến đúng, có ý nghĩa trong cuộc sống. Sống bản lĩnh giúp cho bản thân có được sự tự tin trong cuộc sống, từ đó đề ra những mục tiêu và dám thực hiện	0,5

	<p>chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước những cám dỗ của cuộc sống, người bản lĩnh hoàn toàn có thể tự vệ và tự ý thức được những điều cần làm. - Phê phán những người sống thiếu bản lĩnh, họ bị lệ thuộc vào suy nghĩ và chính kiến của người khác... 	
	<p>* Bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được bản thân cần có bản lĩnh trong cuộc sống và rút ra bài học hành động phù hợp cho bản thân. Lỗi lầm là những sai lầm, tội lỗi con người mắc phải và để lại những hậu quả đáng tiếc cho mình và mọi người. 	0,25
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>	
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i>	
	Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.25

Đề 22

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích “Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”. Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. “Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales?”. Uyên trả lời: “Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì sales không đồng ý cho tôi đi.”

Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiếu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phù Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiếu Húc lắc đầu “Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông để tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác.” Đâu là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.

Có thể bạn sẽ nói: “Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin” Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.

(Theo Phạm Lữ Ân – *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012)

Câu 1: Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính ?(0,5 điểm)

Câu 2: Xác định nội dung chính mà văn bản đề cập?(0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao tác giả cho rằng: *Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình* ?(1,0 điểm)

Câu 4: Rút ra thông điệp cho bản thân(1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: **Lòng tự tin**

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	0.5
	2	Bàn về lòng tự tin của con người trong cuộc sống	0.5
	3	Lòng tự tin xuất phát từ bên trong, từ sự hiểu mình: Biết ưu thế, sở trường... bản thân sẽ phát huy để thành công trong công việc, cuộc sống; biết mình có những hạn chế, khuyết điểm sẽ có hướng khắc phục để trở thành người hoàn thiện, sống có ích.	1.0
	4	Học sinh chỉ ra thông điệp sống ý nghĩa nhất đối với bản thân một cách ngắn gọn, thuyết phục.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về	2.0

	vấn đề: <i>Lòng tự tin.</i>	
	<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i>	0.25
	Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25
	Lòng tự tin có vai trò quan trọng đối với mỗi con người.	
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1.0
	Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	0.25
	<p>* Giải thích:</p> <p>Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi công việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chắn, không hoang mang dao động, người tự tin cũng là người hành động cương quyết, dám nghĩ nghĩ, dám làm.</p>	0,25
	<p>* Bàn luận :</p> <p>+ Lòng tự tin là một phẩm chất tốt đẹp của con người. Khi có lòng tự tin con người dễ gặt hái thành công trong cuộc sống.</p> <p>+ Biểu hiện của lòng tự tin: luôn tin tưởng vào bản thân, chủ động trước mọi tình huống, không lấy làm hổ thẹn trước những khuyết điểm của bản thân, nỗ lực khắc phục điểm yếu để trở thành người hoàn thiện</p> <p>+ Tự tin không đồng nghĩa với tự cao, tự đại</p> <p>+ Phê phán những người sống tự ti, không nhận thấy giá trị của bản thân</p>	0,5
	<p>* Bài học:</p> <p>+ Luôn lạc quan, vui vẻ, tự tin rằng mình có những giá trị sẵn có</p> <p>+ Phấn đấu, nỗ lực không ngừng trước những khó khăn, thất bại để luôn tự tin trong cuộc sống.</p>	0,25
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt .	
	<i>e. Sáng tạo</i>	0,25
	Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	

Đề 23

PHẦN I: ĐỌC HIỂU(3,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là một việc phải nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ.

Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Phải yêu và trọng lao động. Phải giữ gìn kỷ luật. Phải bảo vệ của công. Phải quan tâm đến đời sống của nhân dân. Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì ta là một bộ phận quan trọng của thế giới, mọi việc trong thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới.

Thanh niên cần phải có tinh thần gan dạ và sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng. Cần phải trung thành, thật thà, chính trực.

(Trích Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Chính trị Quốc gia)

Câu 1. Đối tượng hướng đến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn trích là ai? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép liên kết mà tác giả sử dụng. (1,0 điểm)

Câu 3. Người gửi gắm lời dạy nào thông qua đoạn trích? (0,75 điểm)

Câu 4. Nếp sống đạo đức nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? (0,75 điểm)

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là một việc phải nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ.*”

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	Câu 1: Đối tượng hướng đến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn trích là thanh niên.	0,5
2	<p>Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép liên kết mà tác giả sử dụng.</p> <p>- <i>Phép liên kết:</i></p> <p>+ Phép lặp – lặp cấu trúc “Điều gì... thì phải... dù là một điều nhỏ”, lặp từ ngữ “phải...cần”.</p> <p>+ Phép liên tưởng: trường từ vựng về đạo đức: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, trung thành, thật thà, chính trực.</p> <p>- <i>Tác dụng của phép liên kết:</i> nhấn mạnh về những bài học đạo đức đúng đắn, cần thiết và gây tác động mạnh mẽ tới nhận thức, hành động của người làm cách mạng đặc biệt với thế hệ thanh niên.</p>	0,5
3	<p>Câu 3: Người gửi gắm lời dạy nào thông qua đoạn trích?</p> <p>Qua đoạn trích, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi gắm những lời dạy sâu sắc: Tránh điều xấu, thực hiện điều tốt, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, có tinh thần dân tộc và tinh thần quốc tế, yêu và trọng lao động, giữ gìn kỷ luật, bảo vệ của công, quan tâm đến đời sống của nhân dân, chú ý đến tình hình thế giới, có tinh thần gan dạ và sáng tạo, có chí khí hăng hái, trung thành, thật thà, chính trực.</p>	0,75
4	<p>Câu 4: Nếp sống đạo đức nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với anh/chị</p> <p>- Có thể lựa chọn một trong những nếp sống đạo đức như: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu và trọng lao động...</p> <p>- HS trình bày suy nghĩ cá nhân, nêu rõ vì sao nếp sống đạo đức đó có ý nghĩa với em nhất?</p>	0,75

II. Làm văn

Nội dung	Điểm
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận	

<p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điều phải</i>: điều đúng, điều tốt, đúng với lẽ phải, đúng với quy luật, tốt với xã hội, với mọi người, với Tổ quốc, với dân tộc. - <i>Điều trái</i>: việc làm sai trái, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và bị đánh giá tiêu cực. - <i>Nhỏ</i>: mang tầm vóc nhỏ, diễn ra hàng ngày, xung quanh, có thể ít ai để ý. Lời dạy của Bác có ý nghĩa: đối với điều phải, dù nhỏ, chúng ta phải cố hết sức làm cho kì được, tuyệt đối không được có thái độ coi thường những điều nhỏ. Bác cũng khuyên đối với điều trái nhỏ phải hết sức tránh, tuyệt đối không làm. 	<p>0,25</p>
<p>Phân tích- bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao điều phải chúng ta phải cố làm cho kì được, dù là nhỏ? Vì việc làm phản ánh đạo đức của con người. Nhiều việc nhỏ hợp lại sẽ thành việc lớn. - Vì sao việc trái lại phải tránh, dù là nhỏ? Vì tất cả đều có hại cho mình và cho người khác. Làm điều trái, điều xấu sẽ trở thành thói quen. 	<p>0,5</p>
<p>Tác dụng của lời dạy: nhận thức, soi đường đặc biệt cho thế hệ trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng của lời dạy: nhận thức, soi đường đặc biệt cho thế hệ trẻ. - Phê phán những việc làm vô ý thức, thiếu trách nhiệm. 	<p>0,25</p>
<p>Bài học và liên hệ bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời dạy định hướng cho chúng ta thái độ đúng đắn trong hành động để làm chủ cuộc sống, để thành công và đạt ước vọng. - Liên hệ bản thân. 	<p>0,25</p>
<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	<p>0,25</p>
<p>e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	<p>0,25</p>

Đề 24

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Độc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Độc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. [...] Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo

đi, mòn mỏi đi, Cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình. Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.

(Theo Nguyên Ngọc, *Một đề nghị*, tạp chí Điện tử Tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2: Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?

Câu 3: Theo anh/ chị việc nhỏ và công cuộc lớn mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?

Câu 4: Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một bài văn ngắn (Khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần đọc hiểu: “ *Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ*”.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

I. Đọc hiểu (3 đ)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
2	Lí do vì không đọc sách thì đời sống tinh thần của con người sẽ nghèo đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.	0,5
3	- Việc nhỏ: vận động đọc sách và gây dựng tủ sách trong mỗi gia đình, mỗi người có thể đọc từ vài chục dòng mỗi ngày đến một cuốn sách trong một năm. - Công cuộc lớn: Đọc sách trở thành ý thức, thành nhu cầu của mỗi	0,75

	người, mỗi gia đình trong xã hội, phấn đấu đưa việc đọc sách trở thành văn hóa quốc gia, dân tộc.	
4	Thông điệp: Từ việc khẳng định đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ, không đọc sách sẽ có nhiều tác hại tác giả đã đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người.	0,75

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Nội dung	Điểm
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Nhu cầu trí tuệ thường trực là nhu cầu thường xuyên, cần thiết để mở rộng tri thức và tầm hiểu biết, đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ. - Bàn luận những tác dụng to lớn của việc đọc sách: + Văn hóa đọc gắn liền với chữ viết, qua quá trình đọc con người sẽ suy nghĩ, phân tích, tổng hợp, tư duy, biến tri thức thành của mình và trở thành vốn kiến thức để vận dụng vào cuộc sống. Đọc sách giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết về đời sống, xã hội, con người và nhận thức thức chính mình.” Sách mở rộng ra trước mắt ta những chân trời mới”. +Việc đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ. Mỗi cuốn sách nhỏ là một bậc thang đưa ta tách khỏi phần con để đến với thế giới Người”..... + Phê phán thực trạng xuống cấp của văn hóa đọc trong thời đại ngày nay đặc biệt là đối với giới trẻ: Văn hóa đọc dần mai một không chỉ gây tổn thất cho việc truyền bá tri thức mà còn làm mất dần đi một nét đẹp có tính biểu hiện cao của văn hóa. + Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến, rút ra bài học nhận thức, hành động: Những việc làm thiết thực của cá nhân và cộng đồng trong việc nâng cao, phổ biến văn hóa đọc.	0,25 0,5 0,25
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở bên dưới:*****Điều gì là quan trọng?****Chuyện xảy ra tại một trường trung học.**Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vết đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:**- Các em có thấy gì không?**Cả phòng học vang lên câu trả lời:**- Đó là một vết đen.**Thầy giáo nhận xét:**- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?**Và thầy kết luận:**- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng quá chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.**(Trích **Quà tặng cuộc sống** – Dẫn theo <http://gacsach.com>)***Câu 1 (0,5 điểm).** Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.**Câu 2(1,0 điểm).** . Nội dung chính mà văn bản trên muốn đề cập đến là gì? Dựa vào nội dung đó, hãy đặt cho văn bản một nhan đề khác.**Câu 3(0,5 điểm).** Trong lời khuyên của thầy giáo, hình ảnh “vết đen” tượng trưng cho điều gì?**Câu 4(1,0 điểm).** Theo em, việc chỉ “*chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ*” thể hiện một cách đánh giá con người như thế nào?**PHẦN II: LÀM VĂN (7,0)****Câu 1 (2,0 điểm)**

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 100 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời khuyên của thầy giáo trong văn bản ở phần Đọc hiểu: “*Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng quá chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời*”.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm**I. Đọc hiểu (3 đ)**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: Tự sự, nghị luận, miêu tả.	0,5
2	- Nội dung chính được đề cập đến trong văn bản: Cách nhìn nhận, đánh giá một sự việc, một con người. - Đặt nhan đề khác cho văn bản: <i>Bài học từ người thầy/ Bài học về cách đánh giá con người/ Những vết đen trên tờ giấy trắng...</i>	0,5 0,5
3	Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “vết đen”: chỉ những sai lầm, thiếu sót, hạn chế... mà mỗi chúng ta đều có thể mắc phải.	0,5
4	Việc chỉ “ <i>chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ</i> ” thể hiện một cách đánh giá con người chủ quan, phiến diện, thiếu đi sự độ lượng, bao dung cần thiết để nhìn nhận, đánh giá người khác một cách toàn diện.	1,0

II. Làm văn

Nội dung	Điểm
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Thông điệp từ lời khuyên của thầy giáo: Khi đánh giá một con người không nên quá chú ý vào những sai lầm, thiếu sót mà cần biết trân trọng những điều tốt đẹp, biết nhìn thấy trong tâm hồn mỗi người đều còn những khoảng trống để từ đó có thể tạo dựng, vun đắp, hoàn thiện nhân cách. - Bình luận: Lời khuyên của thầy giáo đưa ra một bài học đúng đắn và giàu tính nhân văn, bởi: + Cách đánh giá chỉ “ <i>chú trọng vào những vết đen</i> ” mà không biết trân trọng “ <i>nhiều mảng sạch</i> ” là cách đánh giá quá khắt khe, không toàn diện, thiếu công bằng, không thể có được cái nhìn đầy đủ, đúng đắn về một con người. + Con người không ai không có những thiếu sót, sai lầm, bởi vậy biết nhìn ra “ <i>tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch</i> ” để có thể “ <i>viết lên đó những điều có ích cho đời</i> ” sẽ tạo cơ hội cho mỗi người sửa chữa sai lầm, có động lực, cơ hội hoàn thiện bản thân đồng thời giúp chúng ta biết sống nhân ái, yêu	0,25 0,25 0,5 0,25

thương, làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn. - Liên hệ bản thân:...	
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

Đề 26

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

“ [...] Đất nước vốn là khái niệm trừu tượng, mà thoát đầu con người khó có thể cắt nghĩa cho thật gãy gọn, rõ ràng. Nhưng những người thân như ông bà, cha mẹ, anh em... thì lại vô cùng cụ thể và được mỗi người cảm nhận trong những mối quan hệ cũng vô cùng cụ thể. Đó là mối quan hệ gắn bó máu thịt hình thành ngay từ khi ta cất tiếng khóc chào đời và sẽ đi theo ta suốt cuộc đời với biết bao biến cố, thăng trầm, buồn vui, hi vọng... Từ cái nôi gia đình, mỗi người đều có một tuổi thơ gắn liền với kỉ niệm về cây đa, bến nước, sân đình, lũy tre, mái trường, thầy cô, bè bạn. Theo thời gian, những kỉ niệm ấy dần dần trở thành sợi dây tình cảm neo giữ tình yêu của mỗi con người với gia đình, quê hương... Và có thể nói, chính tình yêu đối với gia đình, quê hương sẽ khơi nguồn cho tình yêu đất nước.”

Câu 1 (0,5 điểm). Nêu nội dung và xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên ?

Câu 2 (0,5 điểm). Hãy tìm câu chủ đề của đoạn văn. Từ đó, cho biết đoạn văn được triển khai theo phương pháp nào?

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu sau: *Từ cái nôi gia đình, mỗi người đều có một tuổi thơ gắn liền với kỉ niệm về cây đa, bến nước, sân đình, lũy tre, mái trường, thầy cô, bè bạn.*

Câu 4 (1,0 điểm). Từ văn bản trên, em hãy nêu suy nghĩ về trách nhiệm của thanh niên với đất nước. (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng).

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hiện nay, một số dòng sông của nước ta đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng trên.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

I. Đọc hiểu (3 đ)

Câu	Nội dung	Điểm
1	– Nội dung chính: bàn về vấn đề tình yêu đất nước được bắt nguồn từ tình yêu gia đình, yêu quê hương. – Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận	0,5
2	– Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn – Đoạn văn triển khai theo phương pháp quy nạp.	0,5
3	Phân tích cấu trúc ngữ pháp + Từ cái tôi gia đình: trạng ngữ + Mỗi người: chủ ngữ + Đều có..... bè bạn: vị ngữ	1,0
4	Học sinh có thể trình bày suy nghĩ riêng của mình về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay với đất nước viết đoạn văn đảm bảo các ý: + Vì sao thế hệ trẻ lại cần phải có trách nhiệm với đất nước? + Trách nhiệm đó là gì? + Để thực hiện trách nhiệm đó cần phải làm gì? * Giải thích Dòng sông bị ô nhiễm: Dòng sông bị chất thải, chất độc hại xâm nhập, không còn sự trong xanh tự nhiên vốn có.	1,0

Phần II : Làm văn

Nội dung	Điểm
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận * Thực trạng – Hiện nay, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm sông ngòi là một bài toán chưa có lời giải đáp cuối cùng, đặc biệt là đối với một đất nước đang phát triển như nước ta.	0,25

<p>– Một số con sông chịu sự ô nhiễm nặng nề như: Lưu vực sông Cầu, lưu vực sông Nhuệ, lưu vực sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Tiền Giang.</p> <p>* Nguyên nhân</p> <p>– Khách quan: Do mưa, bão, lũ lụt, làm mất sự trong sạch, khuấy động những chất bẩn trong hệ thống cống rãnh. Do các sản phẩm hoạt động sống của sinh vật, kể cả xác chết của chúng.</p> <p>– Chủ quan: Do con người và những hoạt động sống của con người. Đây là nguyên nhân chính.</p> <p>+ Chất thải từ sinh hoạt của những khu dân cư...</p> <p>+ Từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, ngư nghiệp...</p> <p>+ Từ các bệnh viện...</p> <p>=> Tất cả đều xả ra sông. Có thể chưa qua xử lý, hoặc xử lý chưa đảm bảo, khiến nguồn nước sông bị ô nhiễm nặng nề.</p>	0,25
<p>* Giải pháp</p> <p>- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường</p> <p>- Các cơ quan chức năng cần kiểm soát kịp thời và xử lý nghiêm những nhà máy, xí nghiệp, bệnh viện, khu dân cư... chưa xử lý chất thải đúng tiêu chuẩn đã xả ra sông, ngòi...</p> <p>* Bài học nhận thức, hành động của bản thân</p> <p>– Hãy cùng chung tay bảo vệ môi trường nói chung, môi trường nước nói riêng.</p> <p>– Đặc biệt, thế hệ trẻ hãy tình nguyện là những tuyên truyền viên đi đầu trong công cuộc bảo vệ môi trường.</p>	0,25
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

ĐỀ 27

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

“Ước làm một hạt phù sa

Ước làm một tiếng chim ca xanh trời

Ước làm tia nắng vàng tươi

Ước làm một hạt mưa rơi, đêm chồi”.

(Lê Cảnh Nhạc- Xin làm hạt phù sa- 2005).

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ (0,5 điểm)
2. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ và các hình ảnh được sử dụng trong đoạn thơ
3. Tìm điểm chung trong cảm hứng sáng tác của các tác giả: Lê Cảnh Nhạc trong bài thơ Xin làm hạt phù sa, Thanh Hải trong bài Mùa xuân nho nhỏ và Viễn Phương trong bài Viếng lăng Bác.
4. Nêu nội dung chính của đoạn thơ

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn khoảng 2 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của mình về câu nói:

“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	- Biểu cảm	0,5
Câu 2	<p>- . Điệp ngữ “ước làm” nhắc lại 4 lần để nhấn mạnh thi nhân có rất nhiều ước muốn để cống hiến, dựng xây cho quê hương, đất nước.</p> <p>- Các hình ảnh “Một hạt phù sa”, “tiếng chim ca”, “tia nắng vàng tươi”, “hạt mưa rơi” là những sự vật bé nhỏ trong thiên nhiên nhưng đều có tác dụng với cuộc sống. Phù sa mang đến màu mỡ cho những cánh đồng. Tiếng chim hót làm “xanh trời” hoà bình. “Tia nắng vàng tươi”, “hạt mưa rơi” khiến cho hạt đêm chồi, nảy lộc, sự sống hình thành và phát triển. Các hình ảnh giản dị, khiêm nhường thể hiện ước nguyện sống, cống hiến cao đẹp của con người</p>	1,0
Câu 3	Lê Cảnh Nhạc, Thanh Hải và Viễn Phương đều là những nhà thơ thuộc giai đoạn văn học Việt Nam hiện đại. Họ đều có điểm giống	1,0

	nhau trong cảm hứng sáng tác. Trước cuộc sống sôi động, trước cảnh mùa xuân đất nước, trước lãnh tụ vĩ đại, họ đều có những ước muốn làm các sự vật nhỏ bé, khiêm nhường để thể hiện tình yêu với quê hương, đất nước bằng hành động cống hiến. Thanh Hải ước muốn làm tiếng chim, bông hoa, nốt nhạc, “Mùa xuân nho nhỏ” để làm đẹp mùa xuân dân tộc. Viễn Phương ước muốn làm tiếng chim, bông hoa, cây tre trung hiếu để ngày đêm được ở bên Bác. Đó là tình cảm, lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam trong thời đại mới.(2 điểm)	
Câu 4	Nhân vật trữ tình khao khát được hóa thân dâng hiến cho đời, sống một đời ý nghĩa từ những điều bình dị	0,5
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Ước mơ	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
	Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau: 1. Giải thích - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. - Có người đã ví: “ <i>Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thấp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng</i> ”. Sự ví von quả thật chí lý, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình. - Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực. - Câu nói: đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực.	0,25
	2. Bàn luận Có phải “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn	0,25

nếu ước mơ của mình đủ lớn”?

- Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú.

Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả; có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ bay theo đời người; ước mơ là vô tận. Thật tế nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ.

- Ước mơ đủ lớn cũng như một cái cây phải được ươm mầm rồi trưởng thành. Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên. Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, vinh nhục, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn.

+ Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã đạt được điều mình mơ ước.

+ Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật... vẫn vươn tới, đập bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình.

- Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng khó có thể đạt được:

+ Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo... vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng. Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi.

+ Ước mơ cũng không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực, lười biếng, ăn bám...

- Lời bài hát “Ước mơ” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: “*Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không...*”. Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình.

	<p>-Phê p hán: Ước mơ có thể thành, có thể không, xin người hãy tự tin. Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn, sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Bài học nhận thức, hành động: Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng hướng thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “ước mơ” thật đẹp, thật lớn lao. Mỗi người chúng ta hãy có cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào!</p>	
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</i></p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

Đề 27

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

(1) Trào lưu “Like là làm” đang gây cơn sốt trong giới trẻ. Trước đó, mở đầu trào lưu này là sự việc một chàng trai có tài khoản Facebook N.T đăng chia sẻ: “Bức hình này đủ 40.000 like sẽ đổ xăng từ trên người xuống, lấy hộp quẹt tự đốt người rồi nhảy cầu Tân Hóa! Đủ like sẽ làm, tôi nói là làm. Share mạnh để có cái hay hấp dẫn mà xem”.

Bài viết thu hút gần 100.000 like (thích) cùng hàng nghìn bình luận cổ vũ lẫn thách thức.

Giữ đúng lời hứa “nói là làm”, tối ngày 20/9, N.T này có mặt tại cầu Tân Hóa (TP.HCM) thực hiện thử thách. Được biết, sau khi tắm xăng đốt, do kịp thời nhảy xuống dòng kênh ngay cạnh nên N.T chỉ bị bỏng nhẹ.

Tiếp đó, hàng loạt người trẻ khác đua nhau đăng status (dòng trạng thái) thách thức dân mạng theo cú pháp quen thuộc: “Chỉ cần đủ like tôi sẽ...” và khẳng định chắc nịch “nói là làm”.

Một số thanh niên sẵn sàng đổi like lấy những hành động gây sốc như: mặc đồ lót, nhảy xuống và uống hết một ca nước sông, mặc quần áo con gái đi ra đường...

(2) Xung quanh vấn đề này, dưới góc nhìn của một nhà văn, Trang Hạ chia sẻ: “Tôi không ngạc nhiên với sự ngông cuồng của một bộ phận thanh niên trên mạng. Tuy nhiên tôi vẫn phải kinh hãi trước những hành vi thiếu nhân văn của người biết bấm like này.

(3) Trang Hạ cho rằng, không bố mẹ nào để con ra với mục đích con sống cho người ta bấm like. Vậy thì tại sao người trẻ lại dùng like làm thước đo của cuộc sống? Nhân tiện, làm luôn thước đo của việc tự thiêu hay những việc như đốt trường, chạy trường... Hóa ra nhân cách và trí tuệ chỉ dành để trang trí, còn giá trị sống của bạn là mong người ta bấm like?

(Theo Minh Giang, Trào lưu “Like là làm”: Nhân cách, trí tuệ chỉ dành để trang trí?, Báo điện tử Vietnamnet, ngày 14 tháng 10 năm 2016)

Câu 1. Xác định cách trình bày đoạn văn ở đoạn (1)? (0,5 điểm).

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích (0,5 điểm).

Câu 3. Nhà văn Trang Hạ đã dùng những từ ngữ nào để nhận xét về hành vi của những người liên quan đến hiện tượng xã hội được đề cập trong đoạn trích trên? Theo em), nhà văn bộc lộ quan điểm, thái độ gì khi sử dụng những từ ngữ đó? (1,0 điểm).

Câu 4. Em) rút ra bài học gì sau khi đọc xong đoạn trích trên? (1,0 điểm).

Phần Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về trào lưu “Like là làm” được đề cập trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Cách trình bày đoạn văn ở đoạn (1): diễn dịch.	0.5
	2	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích : nghị luận.	0.5
	3	- Những người liên quan đến hiện tượng được đề cập trong đoạn trích là: những thanh niên câu like và những người bấm like. Những từ ngữ được Trang Hạ sử dụng: “ngông cuồng” (để nói về hành vi của “một bộ phận thanh niên trên mạng”) và từ “thiếu nhân văn” (để nhận xét hành vi	1.0

		của “những người bấm like”). (0,5 điểm). - Qua đó, nhà văn bộc lộ thái độ phê phán, bất bình với những hành vi trên.	
	4	Học sinh rút ra bài học bổ ích cho mình sau khi đọc đoạn trích. Có thể là những bài học như sau: - Cần cảnh giác, tỉnh táo trước những trào lưu nguy hiểm trên mạng xã hội; tránh a dua học đòi, mù quáng, gây sốc. - Cần phê phán những “anh hùng bàn phím”, những kẻ hiếu kì dung nút like để kích động người khác thực hiện những hành vi xấu, dại dột,... - Phấn đấu tích cực trong mọi hoạt động có ý nghĩa để khẳng định giá trị đích thực của bản thân.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Trình bày suy nghĩ về trào lưu “Like là làm” được đề cập trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i>	0.25
		Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0.25
		Luôn làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh sống chân thành, có bản lĩnh, có ý chí, nghị lực; luôn lạc quan và hướng tới những điều tích cực, tốt đẹp trong cuộc sống.	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1.0
		Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	0,25
		* Giải thích: - Hiện tượng “Like là làm” là một hình thức “câu” like người đăng bài viết ra yêu cầu đủ số like (hoặc share) nhất định sẽ thực hiện một hành động nào đó như: châm xăng tự đốt, mặc đồ lót, nhảy xuống và uống hết một ca nước sông, mặc quần áo con gái đi ra đường...	0,25
		* Thực trạng: - Gần đây trào lưu “Like là làm” đang gây cơn sốt trong giới trẻ, mở đầu trào lưu này là sự việc một chàng trai có tài khoản Facebook N.T đăng chia sẻ: “Bức hình này đủ	0,5

	<p>40.000 like sẽ đổ xăng từ trên người xuống, lấy hộp quẹt tự đốt người rồi nhảy cầu Tân Hóa! Đủ like sẽ làm, tôi nói là làm. Share mạnh để có cái hay hấp dẫn mà xem”.</p> <p>Bài viết thu hút gần 100.000 like, “nói là làm”, tối ngày 20/9, N.T này có mặt tại cầu Tân Hóa (TP.HCM) thực hiện thử thách. Được biết, sau khi tắm xăng đốt, do kịp thời nhảy xuống dòng kênh ngay cạnh nên N.T chỉ bị bỏng nhẹ....</p> <p>- Nhà văn, Trang Hạ không ngạc nhiên với sự ngông cuồng của một bộ phận thanh niên, nhưng kinh hãi trước những hành vi thiếu nhân văn của người biết bấm like, dùng like làm thước đo của cuộc sống.</p> <p>* Nguyên nhân:</p> <p>- Do sự lệch lạc trong suy nghĩ của giới trẻ, muốn thể hiện bản thân, chơi ngông, nhanh chóng được nổi tiếng hoặc thiếu tự tin, thiếu bản lĩnh ngoài thực tế dẫn đến sống ảo...</p> <p>- Do đám đông vô cảm, vô tâm, vô tình, like không chỉ là ủng hộ mà châm dầu vào lửa, thách thức để xem thử mày làm thế nào? Có dám không? Có giữ lời hứa không?...</p> <p>* Hậu quả (tác hại):</p> <p>- Ảnh hưởng đến tính mạng, tình cảm, danh dự, nhân cách, trí tuệ, tài sản.</p> <p>- Sống ảo dễ tiếp xúc với thông tin không lành mạnh, dễ bị kẻ xấu lợi dụng.</p> <p>- Tốn thời gian, công sức vào những việc vô bổ...</p> <p>* Giải pháp:</p> <p>- Luôn làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh, không sống ảo, có bản lĩnh, có ý chí, nghị lực; luôn lạc quan và hướng tới những điều tích cực, tốt đẹp trong cuộc sống.</p> <p>- Cha mẹ nên quan tâm hơn đến con mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luôn gần gũi, chia sẻ, động viên giúp đỡ con trong cuộc sống. + Sát sao với con để kịp thời uốn nắn những biểu hiện tiêu cực. + Quản lý giám sát các nội dung trên mạng xã hội để xử lý nghiêm khắc những hành vi nguy hiểm. 	
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và các cơ quan đoàn thể vào cuộc; + Bằng những hành động thiết thực cụ thể để thanh niên có những sân chơi bổ ích, lí thú, lành mạnh để cống hiến sức trẻ cho quê hương, đất nước. + Tuyên truyền về pháp luật và giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng xử lí tình huống, cách thức sử dụng mạng xã hội hiệu quả. 	
	<p>* Bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng xã hội không xấu, không có hại mà phải biết dùng mạng xã hội đúng cách, biết chọn lọc những trang bổ ích, coi đó là phương tiện kết nối với bạn bè để cuộc sống tốt đẹp hơn. - Không sống ảo, giành thời gian để giúp đỡ những người xung quanh. - Học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội, 	0,25
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>	
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt .	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i>	
	Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0.25

ĐỀ 28

I. Đọc hiểu

Đọc văn bản

THEO AI PHẢI CẦN THẬN

Đức Không Tử thấy kẻ đánh lưới bắt chim sẽ chỉ đánh được thuận sẽ non vàng mép. Ngài bèn hỏi rằng:

Không đánh được sẽ già là tại làm sao?

Kẻ đánh lưới nói:

-Sẽ già biết sợ, cho nên khó bắt được, sẽ non tham ăn, cho nên dễ bắt. Nếu sẽ non mà theo sẽ già thì bắt sẽ non cũng khó, nhưng nếu sẽ già mà theo sẽ non thì bắt sẽ già cũng dễ!”

Đức Không Tử nghe đoạn quay lại bảo học trò rằng:

(Kho tàng cổ học tinh hoa, Trần Mạnh Thường, Nxb Văn hóa thông tin, 2003, tr 355)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5 điểm)
2. Theo nội dung câu chuyện, sẽ già có theo sẽ non không? (0,5 điểm)

3. Hình ảnh ẩn dụ sẻ non, sẻ già có ý nghĩa gì? (1,0 điểm)

4. Theo em, Đức Khổng Tử đã nói gì với các học trò của mình ? (1,0 điểm)

II. Phần tạo lập văn bản

Câu 2. (2,0 điểm)

“Một người có thể mỉm cười, rồi lại mỉm cười, rồi trở thành một kẻ hung ác”. (Shakespeare)

Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	- Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5
Câu 2	Theo nội dung câu chuyện, sẻ già không theo sẻ non vì <i>kẻ đánh lưới bắt chim sẻ chỉ đánh được thuần sẻ non vàng mép/ Không đánh được sẻ già là tại làm sao?</i>	0,5
Câu 3	1. Ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ: Sẻ non: trẻ dại/ người thiếu kinh nghiệm/ người non nớt... Sẻ già: người khôn ngoan/ lão luyện/có kinh nghiệm	1,0
Câu 4	- Lời nói của Khổng Tử với học trò: <i>“Biết sợ để tránh tai họa, tham ăn mà quên nguy vong, đó đều là tính tự nhiên vậy. Song, phúc hay họa lại do ở cái theo khôn hay theo dại. Cho nên người quân tử trước khi theo ai phải cẩn thận. Theo ai mà biết phòng xa như người lão luyện thì được toàn thân, theo ai mà hay nông nổi như kẻ trẻ dại thì bại hoại.”</i> HS có thể phỏng đoán câu nói của Khổng Tử theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có logic với phần đầu văn bản , phần trình bày thể hiện cách hiểu tương đối chính xác ý nghĩa văn bản: - Cuộc sống luôn tồn tại nhiều cạm bẫy, vì tham lam, con người dễ bị “sa lưới”, bị mua chuộc và dụ dỗ như sẻ non vì tham ăn mà bị bẫy; những người biết sợ, không tham lam sẽ tránh được tai họa. - Theo ai phải cẩn thận; con người cần phải tỉnh táo và sáng suốt trong những sự lựa chọn, một sự lựa chọn khôn ngoan sẽ mang lại thành công, một sự lựa chọn hời hợt, nông nổi thì tất sẽ thất bại.	1.0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0

	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận</i> : thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : con người và cuộc đời vốn phức tạp, ranh giới giữa thiện và ác, tốt và xấu rất mong manh	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> : thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <p>- <i>Mỉm cười</i>: thường biểu hiện của niềm vui, sự mãn nguyện, tin tưởng => logic thông thường: mỉm cười rồi lại mỉm cười phải là hạnh phúc, thân thiện, tử tế</p> <p>- <i>Hung ác</i>: là cái ác đối lập với cái thiện, của sự tàn nhẫn đối lập với lòng thương cảm sẻ chia, hạnh phúc chân chính => thường được cho là sản phẩm của thủ đoạn, sự tính toán, của sự xảo quyệt.</p> <p>- Câu nói đặt ra một vấn đề: con người và cuộc đời vốn phức tạp, ranh giới giữa thiện và ác, tốt và xấu rất mong manh. Phải luôn ý thức về điều đó trong mọi hành vi, mọi động cơ, dừng thờ, vô tình, đơn giản.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>* Quan niệm của Shakespeare có cơ sở hiện thực. Bản chất con người là tốt, là thiện nhưng không có nghĩa đó là giá trị bất biến. cuộc sống phức tạp, con người cũng là những sinh thể phức tạp nên có thể thay đổi.</p> <p>+ Từ người hiền lành, thân thiện có thể tha hóa thành kẻ ác</p> <p>+ Chỉ một hành vi nhỏ <i>không suy nghĩ</i> cũng có thể biến con người (vốn luôn tin mình là người tốt) thành người vô tình, vô cảm, thậm chí là kẻ ác.</p> <p>+ Dù không làm gì xấu nhưng thờ ơ trước cái xấu, cái ác cũng là góp phần cho cái ác chiến thắng.</p> <p>*Tuy nhiên, cần có cái nhìn đa chiều: chúng ta cần có niềm tin vào sự hướng thiện của con người. Bên cạnh người hiền lành bỗng dưng trở thành tội phạm còn có rất nhiều người cải tà quy chính, biết hoàn lương.</p> <p>Biết mỉm cười là điều đáng quý, là điều hãy luôn hướng đến nhưng cũng hãy biết chia sẻ, cảm thông.</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	3. Bài học nhận thức và hành động - có ý thức nhìn nhận con người và cuộc sống đa chiều, không phiến diện - tin vào khả năng hướng thiện của con người - Sống tốt với mọi người	
	d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)	0,25
	e. <i>Sáng tạo</i> : Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,25

Đề 29

I. Đọc hiểu (3đ)

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi:

Ngày 12/9, trên mạng xã hội xôn xao clip bắt quả tang xe vận tải chở thực phẩm không đảm bảo chất lượng vào trường học. Kèm theo clip là những hình ảnh một số loại củ quả có biểu hiện thối rữa, thậm chí xuất hiện cả dòi bọ bên trong. Cụ thể như quả bí xanh, đu đủ đã không còn tươi, su su hỏng mọc rễ, bí đỏ thối... Không những thế, có người đập thử một quả trứng, bằng mắt thường cũng có thể thấy quả trứng này rất loãng, lòng đỏ nát, dấu hiệu của việc trứng đã hỏng.

Theo tìm hiểu của phóng viên, sự việc trên được phát hiện tại trường tiểu học Lý Nhân (xã Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Ngay sau khi phát hiện sự việc trên, rất đông phụ huynh học sinh đã đến kiểm tra. Tất cả đều tỏ rõ sự bức xúc vì nhà trường sử dụng thực phẩm bẩn, không an toàn và gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các cháu.

Thông tin từ người đăng tải clip cho biết, thời gian gần đây, nghi ngờ về việc trường học nhập thực phẩm hỏng, kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ đem về chế biến cho học sinh bán trú ăn trưa nên người dân đã tổ chức “mai phục” để bắt quả tang.

(Theo Lê Phương, Báo mới, ngày 13/9/2017).

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0,5đ)

Câu 2: Theo tác giả, sau khi phát hiện vụ việc trên, thái độ của phụ huynh học sinh ra sao? (0.5đ)

Câu 3: Xác định biện pháp tu từ trong câu văn "*Cụ thể như quả bí xanh, đu đủ đã không còn tươi, su su hồng mọc rễ, bí đỏ thối.*". Nêu tác dụng? (1,0đ)

Câu 4: Theo em thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc là gì? (1đ)

II. Làm văn

Từ ngữ liệu Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề **thực phẩm bẩn** trong xã hội ngày nay.

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

I. Đọc hiểu (3 đ)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Thuyết minh	0,5
2	Sau khi phát hiện vụ việc trên, thái độ của phụ huynh tỏ rõ sự bức xúc vì nhà trường sử dụng thực phẩm bẩn, không an toàn và gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các cháu	0,5
3	- Biện pháp tu từ: liệt kê (bí xanh, đu đủ đã không còn tươi, su su hồng mọc rễ, bí đỏ thối) - Tác dụng: Nhấn mạnh, làm rõ thực trạng sử dụng thực phẩm bẩn ở trường tiểu học Lý Nhân.	1,0
4	HS có thể đưa ra nhiều thông điệp khác nhau song phải đảm bảo tính hợp lý và nhân văn. Chẳng hạn: Thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc là "Vì sức khỏe của cộng đồng, hãy nói không với thực phẩm bẩn".	1,0

II. Làm văn

Từ ngữ liệu Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề **thực phẩm bẩn** trong xã hội ngày nay.

Nội dung	Điểm
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn: HS viết đúng hình thức đoạn văn, viết đúng quy định về số chữ, đảm bảo tính logic mạch lạc.	0,25
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: đề thực phẩm bẩn trong xã hội ngày nay	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích và nêu thực trạng: + Thực phẩm bẩn là những loại thức ăn không hợp vệ sinh an toàn thực phẩm; là những thực phẩm chứa các chất độc hại, tác động tiêu cực đến sức khỏe và tính mạng con người. + Thực trạng: Vấn đề thực phẩm bẩn là một hiện tượng phổ biến, đang diễn ra từng ngày: thịt có chất tạo nạc, rau có thuốc trừ sâu; làm đồ ruốc bằng hóa chất... Tuy là vấn đề không còn mới mẻ, lạ lẫm với bất cứ người	0,25

nào nhưng ngày càng ở mức báo động cao gây ra những ảnh hưởng xấu về sức khỏe con người.	0,25
- Hậu quả: gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe và chất lượng cuộc sống; Bệnh tật nguy hiểm: viêm màng não, bệnh ung thư... gây tâm lí hoang mang cho xã hội. Thực phẩm bẩn có giá bán rẻ hơn thực phẩm sạch, gây lũng đoạn thị trường, ảnh hưởng đến cá nhân, doanh nghiệp làm ăn chân chính, gây ảnh hưởng nặng nề tới nền kinh tế.	0,25
- Nguyên nhân: Kinh doanh, sản xuất thực phẩm bẩn mang lại lợi nhuận cao; tâm lí dửng dưng và tiêu thụ hàng rẻ, đặc biệt là hàng có xuất xứ Trung Quốc của người Việt Nam; do thái độ độc ác, ích kỉ của những người sản xuất thực phẩm chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân...	0,25
- Giải pháp: Nâng cao ý thức, tuyên truyền về nhận thức của người sản xuất trong xã hội về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo sức khỏe của xã hội; tăng cường kiểm soát, ra những quy định xử phạt các cơ quan sản xuất thực phẩm bẩn nghiêm minh từ nhà nước; mỗi cá nhân cần tỉnh táo hơn trong việc lựa chọn thực phẩm cho mình và gia đình	
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25

Đề 30

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

1) Nhiều người cho rằng trẻ em ngày nay quá ám ảnh về bản thân là do sự xuất hiện của mạng xã hội cùng các công cụ chụp và đăng ảnh “tự sướng”. Tuy nhiên, thực tế, căn bệnh “ái kỷ” này có thể nảy sinh từ rất sớm. Một giả thuyết được đưa ra, cho rằng sự thiếu vắng tình thương yêu của bố mẹ có thể khiến cho trẻ tự an ủi bản thân bằng cách huyễn hoặc rằng mình hơn người và đòi hỏi nhận được đối xử đặc biệt. Một giả thuyết khác lại cho rằng các bậc phụ huynh đơn giản là thường đánh giá quá cao con mình, khiến đứa trẻ nảy sinh lòng tự kiêu.

(2) Một nghiên cứu đã được thực hiện nhằm mục đích so sánh tính xác thực của hai giả thuyết nêu trên. Các chuyên viên đã tiến hành theo dõi 565 đứa trẻ ở độ tuổi từ 7 đến 12 và 705 vị phụ huynh ở Mỹ và Hà Lan trong vòng 18 tháng. Kết quả cho thấy, việc cha mẹ đánh giá quá cao con cái vẫn có tác động tiêu cực nhiều hơn.

(3) Những đứa trẻ tự yêu bản thân thường có xu hướng phản ứng lại một cách mạnh mẽ hoặc thậm chí là sử dụng bạo lực khi có ai đó đụng chạm đến cái tôi của chúng. Chúng cũng dễ căng thẳng và rơi vào tình trạng trầm cảm hơn các bạn cùng lứa. Tự yêu bản thân thực chất là một chứng bệnh tâm lý khá nghiêm trọng...

Trẻ mắc bệnh “ Tự yêu bản thân” do cha mẹ ngợi khen quá nhiều - Báo điện tử Dân Trí, 13/12/2015)

Câu 1 (0,5 điểm) Đoạn văn bản sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Nội dung chính của đoạn văn bản trên là gì?

Câu 3 (1,0 điểm) Dựa vào văn bản, em hãy nêu ngắn gọn hậu quả của bệnh ái kỷ.

Câu 4 1,0 điểm) Theo em bệnh ái kỷ còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng nào khác?

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2 điểm):

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về chứng **ái kỷ của con người trong xã hội hiện đại.**

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thuyết minh	0,5
	2	Trẻ mắc bệnh “Tự yêu bản thân” do cha mẹ ngợi khen quá nhiều	0,5
	3	+ Phản ứng lại một cách mạnh mẽ hoặc thậm chí là sử dụng bạo lực khi có ai đó đụng chạm đến cái tôi. + Dễ căng thẳng và rơi vào tình trạng trầm cảm hơn các bạn cùng lứa.	1,0
	4	+ Tự cho rằng suy nghĩ và hành động của mình là đúng đắn. + Thiếu trách nhiệm, vô cảm với cuộc sống xung quanh + Sống thu mình vào thế giới ảo, không có niềm tin vào người khác + Có những hành động dại dột như tự tử...	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
		Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về vấn đề: Chứng ái kỷ của con người trong xã hội hiện đại	2,0
	1	Yêu cầu về hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị	0,25

	<p>luận: Có câu mở đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn. Đảm bảo số lượng chữ phù hợp với yêu cầu (khoảng 200 chữ), không quá dài hoặc quá ngắn. Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	
	Yêu cầu về nội dung:	
	<p>- Giải thích: Chứng ái kỷ(bệnh tự yêu bản thân mình): một dạng rối loạn nhân cách khi một người có biểu hiện tự cao, ảo tưởng, thiếu đồng cảm với người khác. Tâm lý tự yêu bản thân, ảo tưởng về bản thân là một căn bệnh nguy hiểm với con người</p>	0,25
	<p>– Biểu hiện của chứng ái kỷ: sống thu mình vào thế giới ảo tự cho rằng suy nghĩ và hành động của mình là đúng đắn; thiếu trách nhiệm, vô cảm với cuộc sống xung quanh; có những hành động dại dột như tự tử...</p>	0,25
	<p>- Nguyên nhân: Chứng ái kỷ có thể xuất phát từ tâm lý thích hưởng thụ, tự phụ vào bản thân...</p>	0,25
	<p>- Hậu quả: Nó là chứng bệnh đe dọa, thủ tiêu những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống của con người như : lòng nhân ái, tinh thần vị tha...</p>	0,25
	<p>- Giải pháp: Cần đẩy mạnh tuyên truyền về lối sống tốt đẹp. Quan tâm hơn đến vấn đề giáo dục kĩ năng sống; giúp đỡ những người ái kỷ hòa nhập với cộng đồng...</p>	0,25
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	0,25

ĐỀ 31**I. Phần đọc hiểu (3.0đ)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

(Trích *Mẹ và quả* – Nguyễn Khoa Điềm)

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

(Trích *Trong lời mẹ hát* – Trương Nam Hương)

Câu 1 (0,5 điểm). Nêu hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất.

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn thơ thứ hai.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “*Thời gian chạy qua tóc mẹ*”?

Câu 4 (1,0 điểm). Những điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trên là gì? Trả lời trong khoảng 6-8 dòng.

II. Phần tạo lập văn bản

Câu 1

"Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận". (Euripides)

Anh (chị) nghĩ thế nào về câu nói trên?

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Hai phương thức biểu đạt nổi bật trong đoạn thơ thứ nhất: Miêu tả, biểu cảm.	0,5
	2	Thể thơ của đoạn thơ thứ hai: thơ sáu tiếng	0,5
	3	Hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa trong câu thơ “ <i>Thời gian chạy qua tóc mẹ</i> ”: Nhân hóa “ <i>Thời gian</i> ” qua từ “ <i>chạy</i> ”, cho thấy thời gian trôi qua nhanh làm cho mẹ già nua, bộc lộ nỗi xót xa, thương mẹ của người con.	1,0
	4	Hai đoạn thơ trên có điểm giống nhau về nội dung: Bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của con trước những hi sinh thầm lặng của mẹ; về nghệ thuật: ngôn ngữ tạo hình, biểu cảm, biện pháp tương phản, nhân hóa.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
		Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về vấn đề:	2,0
	1	Yêu cầu về hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có câu mở đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn. Đảm bảo số lượng chữ phù hợp với yêu cầu (khoảng 200 chữ), không quá dài hoặc quá ngắn. Vận dụng tốt các thao	0,25

	tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
	Yêu cầu về nội dung:	
	1- Giải thích:	
	<p>“<i>Gia đình</i>”: là chỉ mối quan hệ hôn nhân và huyết thống, là nơi cha mẹ, con cái, anh chị em hay cả ông bà, họ hàng cùng chung sống à tình cảm gắn bó bền chặt, không thể chia cắt.</p> <p>“<i>Tai ương của số phận</i>”: những khó khăn, trắc trở gặp phải khi bước trên đường đời.</p> <p>=> Gia đình là sức mạnh giúp con người vượt lên khó khăn, đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã và vững vàng hơn trong cuộc sống. Câu nói đã khẳng định vai trò to lớn của gia đình đối với mỗi con người.</p>	
	2. Bàn luận:	
	<p>- Mỗi con người đều sinh ra và lớn lên trong gia đình, do đó gia đình là cái nơi nuôi dưỡng cho tài năng và nhân cách con người phát triển, đâm hoa kết trái. Chính điều đó sẽ là hành trang cho mỗi chúng ta bước vào đời, giúp ta khẳng định năng lực và phẩm giá của mình để thành công trong cuộc sống.</p> <p>- Trong cuộc đời không thể tránh được va vấp, và khi đó gia đình sẽ là nơi bảo bọc, chở che, động viên, vỗ về chúng ta đứng lên sau thất bại, là chỗ dựa vững chắc và vô điều kiện những khi ta đã “lưng chừng gối mỏi” sau những lúc tấp tể trên đường đời.</p> <p>- Trên hết, tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng và tự nhiên xuất phát từ mối quan hệ gắn bó hàng ngày, luôn bền chặt và không thể thay thế. Mỗi thành viên trong gia đình đều dành cho nhau những tình cảm tốt đẹp nhất, và sẵn sàng làm chỗ dựa cho nhau trước những giông bão của số phận. Đó đã trở thành truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam ta.</p> <p>- Yêu gia đình là hoàn toàn đúng đắn, nhưng điều đó không có nghĩa là bao che hay tiếp tay cho người thân làm những việc đi ngược với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Đôi khi vì lợi ích chung của tập thể, xã hội ta phải tạm quên</p>	

	<p>đi tình riêng để sống ngay thẳng và không có lỗi với lương tâm của mình, đồng thời cũng cần khuyên nhủ để người thân nhận ra lỗi lầm và sống lương thiện, chân chính.</p> <p>- Gia đình là cái nôi của mỗi con người và là tế bào của xã hội. Gia đình tốt đẹp và yên ấm sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự đi lên của xã hội và đất nước.</p> <p>- Những người coi thường vai trò của gia đình, vô cảm với chính những con người ruột thịt nhất với mình (cha mẹ đánh đập bạo hành con cái, con cái chửi mắng bất hiếu với cha mẹ,...) à Họ không chỉ làm băng hoại truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc, bị xã hội lên án mà còn trở nên cô độc, ích kỉ, dễ vấp ngã và thất bại trên đường đời.</p>	
	<p>3. Bài học nhận thức – Phương hướng hành động:</p> <p>- Gia đình là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta tìm về sau những va vấp trên đường đời.</p> <p>- Gia đình hãy là nơi bình yên và ấm áp tình thương nhất cho mỗi thành viên tìm về sau những mưu toan trong cuộc sống. Ngược lại, mỗi thành viên cũng cần vun đắp tình yêu thương để hạnh phúc gia đình ngày một trọn vẹn hơn.</p>	
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo:</p> <p>Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	0,25

ĐỀ 32

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Nếu Tổ quốc đang bão giông từ biển
Có một phần máu thịt của Hoàng Sa
Ngàn năm trước con theo cha xuống biển*

Mẹ lên rừng thương nhớ mãi Trường Sa...

Nếu Tổ quốc hôm nay nhìn từ biển
Mẹ Âu Cơ hẳn không thể yên lòng
Sóng lớp lớp đè lên thêm lục địa
Trong hồn người có ngọn sóng nào không?

Nếu Tổ quốc nhìn từ bao hòn đảo
Lạc Long cha nay chưa thấy trở về
Lời cha dặn phải giữ từng thước đất
Máu xương này con cháu mãi nhớ ghi...
(Tổ quốc nhìn từ biển - Nguyễn Việt Chiến)

Câu1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên?
Giải thích nghĩa của từ “Giông bão” (1,0 điểm)

Câu2. Truyền thuyết nào được nhắc tới trong bài thơ? Ý nghĩa của việc nhắc lại truyền thuyết đó? (1,0 điểm)

Câu3. Xác định và phân tích biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai? (2 điểm)

Câu4. Bài thơ đã gửi đến bạn đọc thông điệp gì? (2 điểm)

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (14,0 điểm).

Câu 1 (4.0 điểm).

Từ câu thơ “Lời cha dặn phải giữ từng thước đất”, em hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về trách nhiệm giữ gìn chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
I. PHẦN ĐỌC HIỂU		6,0
1	- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm . - Giải thích “Bão giông”: Hiểm họa của thiên nhiên và hiểm họa về chủ quyền biển đảo đang bị đe dọa.	0,5 0,5
2	- Truyền thuyết được nhắc tới trong bài thơ: Con Rồng cháu Tiên - Ý nghĩa: Khẳng định chủ quyền dân tộc. nhắc nhở về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Khơi dậy niềm tự hào ý thức đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.	0,5 0,5

3	- Ấn dụ, câu hỏi tu từ	0,5
	+ Ấn dụ sóng (câu 3) thiên tai và chủ quyền biển đảo bị xâm phạm.	0,5
	+ Ấn dụ sóng và câu hỏi tu từ (câu 4) trần trối, băn khoăn, suy nghĩ của con người trước hiểm họa về chủ quyền biển đảo đang bị đe dọa.	1,0
4	Những trần trối, nghĩ suy về trách nhiệm của thế hệ trẻ trước thực tế: Tổ quốc chưa bình yên nếu nhìn từ biển đảo.	2,0
II. PHẦN TẬP LÀM VĂN		14,0
1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội		4,0
	- Giới thiệu về chủ quyền biển đảo: Việt Nam là một quốc gia nằm ven biển. Lãnh thổ bao gồm đất liền, thềm lục địa và rất nhiều hải đảo lớn nhỏ.	0,5
	- Nêu biểu hiện về chủ quyền biển đảo: + Vào những ngày đầu tháng 5/2014, Trung Quốc lại tiếp tục âm mưu bành trướng biển Đông bằng việc hạ đặt giàn khoan HD 981 trái phép gần quần đảo Hoàng Sa và tiến hành các hoạt động cải tạo trên Đá Chữ Thập thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam + Hiện nay vấn đề chủ quyền biển đảo vẫn đang là một vấn đề đặt ra đối với chủ quyền dân tộc + Những hành động có ý đồ xâm phạm vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa là vi phạm nghiêm trọng chủ quyền biển đảo của Việt Nam theo công ước Liên hiệp quốc về luật biển 1982.	0,5 0,5 0,5
	- Bàn bạc mở rộng: + Khẳng định Trường Sa, Hoàng Sa là thuộc chủ quyền của VN, thể hiện quyết tâm bảo vệ biển đảo của tổ quốc. + Lên án hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ dân tộc của các thế lực xấu..	0,5 0,5
	- Nhận thức, hành động: + Nhận thức: Đất nước được toàn vẹn, nhờ có một phần không nhỏ công sức và sự hi sinh thầm lặng của các anh lính nơi biển đảo. + Hành động: Mỗi học sinh ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần phấn đấu học tập tốt để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương.	0,5 0,5

ĐỀ 33**I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm):**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Thành công và thất bại chỉ đơn thuần là những điểm mốc nối tiếp nhau trong cuộc sống để tôi luyện nên sự trưởng thành của con người. Thất bại giúp con người đúc kết được kinh nghiệm để vươn tới chiến thắng và khiến những thành công đạt được thêm phần ý nghĩa.

Không có ai luôn thành công hay thất bại, tuyệt đối thông minh hay đại khờ, tất cả đều phụ thuộc vào nhận thức, tư duy tích cực hay tiêu cực của mỗi người. Như chính trị gia người Anh, Sir Winston Churchill, từng nói, "Người bi quan nhìn thấy khó khăn trong mỗi cơ hội, còn người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong mỗi khó khăn". Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công. Tuy nhiên, đừng sa vào vũng lầy bi quan đó, thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống. Đó là một điều bạn không thể tránh khỏi, nếu không muốn nói thực sự là trải nghiệm mà bạn nên có trong đời. Vì vậy, hãy thất bại một cách tích cực.

(Nguồn In-to-net)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính và chủ đề của đoạn trích?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ có trong câu văn “ Sẽ có những người bị ám ảnh bởi thất bại, bị chúng bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn tới thành công”.

Câu 3. (2,0 điểm) Tại sao tác giả lại nói: ... “thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống”?

Câu 4. (2,0 điểm) Điều em tâm đắc nhất qua đoạn trích là gì? (hãy thể hiện cảm nhận đó của mình khoảng 5 – 7 dòng)

II. Tập làm văn

Câu 1. (4,0 điểm) Từ ngữ liệu phần Đọc – hiểu trên, viết đoạn văn khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau của G.Welles: **“Thử thách lớn nhất của con người là lúc thành công rực rỡ”.**

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. PHẦN ĐỌC HIỂU		6.0
Câu 1	- PTBD chính của đoạn trích: nghị luận - Chủ đề của đoạn trích: sự tất yếu của thành công và thất bại trong cuộc sống của con người.	0,5 0,5
Câu 2	- Biện pháp tu từ nhân hoá: thất bại (chúng) bủa vây, che lấp những cơ hội dẫn đến thành công.	0,25

	- Phân tích tác dụng: tạo sự sinh động trong cách diễn đạt; nhấn mạnh nỗi ám ảnh của sự thất bại có thể làm mất đi những điều kiện, cơ hội tốt dẫn đến thành công cho con người.	0,75
Câu 3	- Tác giả lại nói: “ <i>thất bại là một lẽ tự nhiên và là một phần tất yếu của cuộc sống</i> ” là vì: + “ <i>Lẽ tự nhiên</i> ” hay “ <i>phần tất yếu</i> ” tức là điều khách quan, ngoài ý muốn con người và con người không thể thay đổi. + Cuộc sống không ai là không gặp thất bại. Có người thất bại nhiều, thất bại lớn. Có người thất bại ít, thất bại nhỏ. + Đó là điều tất yếu nên ta đừng tuyệt vọng. Hãy dũng cảm đối mặt và vượt qua.	0,75 0,75 0,5
Câu 4	HS có thể đưa ra nhiều cách cảm nhận khác nhau, trên cơ sở các gợi ý sau: - Đồng tình, trân trọng quan điểm của tác giả: Thất bại là điều khó tránh khỏi đối với mỗi người trong cuộc sống. - Nghĩ suy về bài học bản thân rút ra về sự thất bại: + Cần hiểu nguyên nhân vì sao mình thất bại. + Biết tự mình đứng lên, rút ra bài học và tiếp tục hành động sau mỗi lần thất bại. + Không nên sợ thất bại. Cần nhận ra mặt tích cực của sự thất bại để không tiếp tục phạm phải sai lầm.	0,5 0,5 0,5 0,5
II. PHẦN TẬP LÀM VĂN		14.0
Câu 1		4.0
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ: Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lý: Thành công lớn cũng có thể trở thành trở ngại, rào cản đòi hỏi con người phải có bản lĩnh, nghị lực thì mới vượt qua.	0,25
Câu 1	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: * Mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận.	0,25

	<p>* Thân đoạn:</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thử thách</i>: những khó khăn, cản trở do cuộc sống, công việc đặt ra trên con đường tìm kiếm thành công. - <i>Thành công rực rỡ</i>: thành công lớn đem lại cả tiếng vang và lợi ích, đáng để tự hào và kiêu hãnh. <p>=> Thành công lớn cũng có thể trở thành trở ngại, rào cản đòi hỏi con người phải có bản lĩnh, nghị lực thì mới vượt qua.</p> <p>2. Phân tích, chứng minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thành công rực rỡ là thử thách lớn vì:</i> + Đạt được thành công, con người thường có tâm lí dễ thỏa mãn, tự đắc, kiêu ngạo. + Đạt được thành công, con người thường ảo tưởng về khả năng của mình. + Khi ấy, thành công sẽ trở thành vật cản và triệt tiêu động lực phấn đấu của bản thân trên hành trình tiếp theo. (<i>dẫn chứng</i>) - <i>Thành công sẽ trở thành động lực cho mỗi người khi:</i> + Con người có bản lĩnh, có tầm nhìn xa và tỉnh táo trước kết quả đã đạt được để nhận thức để nhìn rõ cơ sở dẫn đến thành công, nhìn rõ các mối quan hệ trong đời sống. + Đặt ra mục tiêu mới, lên kế hoạch hành động để không lãng phí thời gian và nhanh chóng thoát ra khỏi hào quang của thành công trước đó. + Mở rộng tầm nhìn để nhận ra thành công của mình dù rực rỡ cũng không phải là duy nhất, quan trọng nhất. <p>3. Bàn luận mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán thái độ chủ quan, kiêu căng, tự mãn trước thành công. - Liên hệ: những trải nghiệm của chính bản thân. <p>4. Bài học nhận thức và hành động phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành công hay thất bại chỉ là kết quả cụ thể của một quá trình cụ thể, nó có thể xảy ra với bất kì ai, bất kì lúc nào nên cần coi nó là điều bình thường. - Điều quan trọng nhất không phải là thành công hay thất bại mà là thái độ và cách ứng xử của con người trước những thành bại của đời mình. 	<p>0,25</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p>
--	---	---

	* Kết đoạn: Khẳng định vấn đề, liên hệ bản thân.	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	

ĐỀ 34

I. ĐỌC HIỂU (3Đ)

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi :

“...Tôi lặng lẽ gặt đầu và quày quả chạy về nhà để kịp thu dọn đồ đạc. Sau khi chào từ biệt mọi người trong nhà, cả bà Sáu lẫn người mẹ tội nghiệp của chị Ngà, tôi ngậm ngùi quay lưng bước qua ngạch cửa, vội vàng như người chạy trốn. Nhưng khi băng qua sân, mắt chạm phải dãy cúc vàng từ nay không người nâng niu chăm sóc, lòng tôi bất giác chùng xuống và đôi chân bỗng dưng nặng nề không bước nổi. Những cánh hoa vàng mỏng manh kia rồi đây biết sẽ đem lại niềm vui cho tâm hồn ai trong những ngày sắp tới khi chị Ngà đã vĩnh viễn ra đi và tôi cũng đang từ bỏ nơi này? Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mối tình đầu của tôi ở lại và màu hoa kỷ niệm kia cũng ngập ngừng ở lại. Đừng buồn hoa cúc nhé, tao cũng như mây trôi, từ nay trở đi mỗi khi hoàng hôn buông xuống, trái tim lẻ loi trong ngực tao sẽ luôn đón đau khi nhớ tới một người...”

(Trích “Đi qua hoa cúc” – Nguyễn Nhật Ánh – NXB

Trẻ - 2005)

1. Hãy chỉ ra các **phương thức biểu đạt** được sử dụng trong đoạn văn. Hãy cho biết, trong các phương thức biểu đạt ấy, đâu là **phương thức biểu đạt chính** được sử dụng? (1.0 điểm)
2. Câu văn “Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mối tình đầu của tôi ở lại và màu hoa kỷ niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...” mang **hàm ý** gì? Tác dụng? (1 điểm)
3. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng nghệ thuật của **các biện pháp tu từ** được Nguyễn Nhật Ánh sử dụng trong đoạn văn. (1.0 điểm)

II. TẬP LÀM VĂN

Câu 1 : (2.0 điểm) Nhà khoa học vĩ đại của nhân loại, Albert Einstein đã từng chia sẻ rằng :

“Tôi rất biết ơn tất cả những người đã nói **KHÔNG** với tôi. Nhờ vậy mà tôi biết cách tự mình giải quyết sự việc.”

(Nguồn: www.loihayydep.org)

<p>Câu 1</p> <p>(3.0 điểm)</p>	<p>1.</p> <p>- Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn : Tự sự, biểu cảm.</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn: Tự sự.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
	<p>2. Hàm ý của câu “<i>Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mối tình đầu của tôi ở lại và màu hoa kỷ niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...</i>”</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p>
	<p>- Nội dung biểu đạt : nhân vật trữ tình dẫu phải ra đi nhưng vẫn không nguôi tiếc nuối về một thời tuổi thơ đẹp trong trẻo, tinh khôi; vẫn không khỏi xót xa cho những rung động đầu đời và vẫn còn chút gì đó vương vấn, “ngập ngừng”, như muốn níu kéo, muốn ở lại...</p>	<p>0.5</p>
	<p>- Tác dụng: Tạo tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chất chứa nhiều nội dung, ý nghĩa. Đồng thời tạo hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe, khơi dậy trong lòng người đọc nỗi xót xa, chút bàng khuâng, xao xuyến, buồn bã. Đây là tâm lý chung của con người khi phải rời xa nơi mình đã một thời gắn bó; phải rời bỏ những sự vật thân thương...</p>	
	<p>3. Các biện pháp tu từ (chính) được Nguyễn Nhật Ánh sử dụng</p> <p>- Tương phản (Đối lập) : “<i>Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mối tình đầu của tôi ở lại và màu hoa kỷ niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...</i>” : Tương phản giữa ra đi và ở lại.</p> <p>- Ẩn dụ: “<i>Lòng tôi bất giác chùng xuống...</i>”; “<i>đôi chân bỗng đứng nặng nề không bước nổi...</i>” : Lòng tôi chùng xuống và đôi chân nặng nề là ẩn dụ cho nỗi niềm luyến tiếc của nhân vật.</p> <p>- Hoán dụ + Nhân hóa: “<i>Trái tim lẻ loi trong ngực tao sẽ luôn đón đau...</i>” : Trái tim hoán dụ cho cảm xúc, tâm trạng, cho nỗi đau đớn của nhân vật trữ tình. Trái tim cũng được nhân hóa, cũng có tâm tư, tình cảm như con người.</p> <p>* Tác dụng (hiệu quả nghệ thuật) :</p> <p>- Tương phản: nhấn mạnh sự ra đi của nhân vật trữ tình, sự ra đi để lại nhiều nỗi niềm, gây cảm giác chia lìa, mất mát.</p> <p>- Ẩn dụ: thể hiện sâu sắc nỗi tiếc tuổi khi phải rời xa nơi mình</p>	<p>0.5</p> <p>0.5 đ</p>

	<p>đã một thời gắn bó, tình cảm yêu thương của chàng trai trong câu chuyện.</p> <p>- Hoán dụ + Nhân hóa: sự kết hợp của hai biện pháp nghệ thuật này cũng là dụng ý của tác giả, diễn tả chiều sâu cảm xúc trong tâm hồn của nhân vật.</p> <p>- Hiệu quả chung: Sự tổng hòa của các thủ pháp tu từ trong đoạn trích trên góp phần bộc bạch tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật trữ tình. Đó là những cung bậc cảm xúc: <i>buồn bã, nuối tiếc, xót xa, cay đắng, luyến tiếc</i>... khi phải rời xa những kỷ niệm tuổi thơ, phải để lại mỗi tình đầu khắc khoải nhưng nhớ gắn với loài hoa kỷ niệm: hoa cúc. Trạng thái cảm xúc quen thuộc, những rung động nhẹ nhàng của lứa tuổi mới lớn- tuổi học trò đã được nhà văn gửi gắm một cách tài tình qua lớp vỏ ngôn từ giàu hình tượng với những biện pháp tu từ đặc sắc.</p>	
<p>II. TẬP</p> <p>LÀM</p> <p>VĂN</p> <p>Câu 1</p> <p>(2.0 điểm)</p>	<p>1. Giải thích:</p> <p>- “<i>Tất cả những người đã nói không với tôi</i>”: từ chối giúp đỡ khi mình gặp khó khăn, thử thách.</p> <p>- “<i>Tự mình giải quyết sự việc</i>”: đối phó, xoay sở với những gian khó, thử thách; tạo nên thành công bằng chính đôi tay, bằng sự độc lập, tinh thần tự chủ của bản thân.</p> <p>=> Ý nghĩa câu danh ngôn: Những lời từ chối giúp đỡ trong cuộc sống chưa hẳn đã là điều không tốt. Ngược lại, ta phải biết ơn vì nhờ những lời chối từ ấy mà bản thân có cơ hội rèn luyện ý chí, tinh thần tự chủ, độc lập trong mọi hoàn cảnh. Câu nói đề cao vai trò, giá trị của tính tự chủ, độc lập.</p> <p>2. Bàn luận.</p> <p>2.1. Những lời khước từ trong cuộc sống (Biểu hiện của vấn đề):</p> <p>- Những lời từ chối giúp đỡ trong cuộc sống rất đa dạng, có thể xuất hiện ở mọi hoàn cảnh. Những lời từ chối ấy có thể xuất phát từ tính vị kỷ của con người nhưng cũng hoàn toàn có thể xuất phát từ lòng yêu thương, mong muốn những điều tốt đẹp đến với ta, mong muốn ta đạt được thành công bằng chính đôi tay của mình. Những người yêu thương, quý mến ta muốn để ta tự lập, tự chủ để trưởng thành hơn.</p> <p>- Trước những lời từ chối, con người không nên chán nản, bi</p>	

quan tuyệt vọng mà ngược lại, phải biết ơn vì đây là cơ hội để bản thân bộc lộ khả năng, thể hiện ý chí, nghị lực...

2.2. Lý giải khái niệm: Tự chủ (độc lập)

- Tự chủ: tự mình giải quyết, sắp xếp công việc; độc lập làm việc trong cả suy nghĩ lẫn hành động, không phụ thuộc vào người khác.

=> Khẳng định: Tự chủ là đức tính tốt cần gìn giữ ở con người.

2.3. Tại sao cần phải tự chủ? (Nguyên nhân của vấn đề)

- Mỗi người đều có công việc, nhiệm vụ riêng; không phải lúc nào người mình muốn nhận được sự giúp đỡ cũng ở bên cạnh để gỡ rối cho ta, giúp ta giải quyết vấn đề. Chính vì vậy, cần phải tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

- Mỗi con người đều phải có trách nhiệm với cuộc sống của mình, không phụ thuộc vào người khác; không phải lúc nào người xung quanh cũng vui vẻ giúp đỡ ta.

2.4. Chúng ta sẽ nhận được những gì từ đức tính tự chủ? (Hệ quả của vấn đề):

- Tự chủ giúp con người nhanh nhẹn, linh hoạt hơn, ít bị thụ động trước hoàn cảnh, tự mình giải quyết công việc, tự mình quyết định cuộc sống... Từ đó, có thể tiết kiệm thời gian, công sức; hiệu quả công việc cao hơn; tinh thần ta thoải mái hơn, tránh làm phiền người khác. **(Dẫn chứng cụ thể)**

- Tự chủ giúp chúng ta rèn luyện ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn; rèn luyện khả năng làm việc độc lập, khám phá những khả năng tiềm ẩn của bản thân; nâng cao giá trị cuộc sống, được mọi người yêu quý, tôn trọng. **(Dẫn chứng cụ thể. VD: Bill Gates, Thomas Edison...)**

3. Mở rộng, nâng cao vấn đề:

- Độc lập, tự chủ trong cuộc sống không có nghĩa là làm việc mà không quan tâm đến những góp ý, nhận xét của mọi người. Phải biết chọn lọc, tiếp thu, trân trọng những ý kiến đúng đắn để hoàn thiện bản thân.

- Phê phán những cá nhân không biết tự mình giải quyết công việc, chỉ trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ của mọi người. Hèn nhát, ngại khó, ngại khổ hoặc tỏ thái độ tiêu cực khi không được giúp đỡ.

	<p>4. Bài học (<i>Phương hướng giải quyết vấn đề</i>)</p> <p>- Trong cuộc sống, trước những gian nan, thử thách, phải kiên trì, cố gắng, tự mình giải quyết sự việc, không ỷ lại người khác...</p>	
	<p>d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	

ĐỀ 35

PHẦN I. Đọc – hiểu (6,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Chuyện kể rằng

Có quả trứng đại bàng

Rơi vào ổ gà đang ấp

Khi nở ra cùng với bầy gà

Đại bàng con ngượng ngùng chiêm chiếp

Nhảy bay loạng choạng sân nhà.

Không ai nói với đại bàng về những chân trời xa

Về những đại ngàn bí mật

Nên nó vẫn hồn nhiên bới đất

Chỉ có khát vọng mơ hồ

Lâu lâu lại cõn cào trong ngực...

Làm sao mà ai biết

Mình đã bắt đầu từ quả trứng nào đây

Sao không thử một lần vỗ cánh tung bay?...

(*Khát vọng*, Đặng Hồng Thiệp, *Thơ Sông Lam*, trang 247, Nxb Hội nhà văn, 2017)

Câu 1: Văn bản được viết bằng thể thơ gì? Nêu hiểu biết của em về thể thơ này. (1,0 điểm).

Câu 2: Em hiểu như thế nào về hình ảnh “bầy gà” trong văn bản? (1,0 điểm).

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Sao không thử một lần vỗ cánh tung bay?* (2,0 điểm)

Câu 4: Đọc văn bản trên, em thấy thông điệp nào có ý nghĩa nhất. Vì sao? (2,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		6,0
1	- Hs nhận diện đúng thể thơ: Tự do. - Nêu được đặc điểm về số câu, số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp...	1,0
2	Hs có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được ý nghĩa của hình ảnh “bầy gà”: -Thể hiện hoàn cảnh sống trói buộc, tù túng. -Thể hiện cho cái tầm thường, thiên cận, hạn hẹp, không có khát vọng, mơ ước...	1,0
3	-Chỉ ra được 02 BPTT được sử dụng trong câu thơ: +Ẩn dụ (vỗ cánh tung bay – sự trưởng thành, vươn tới những tầm cao, vượt lên hoàn cảnh, dám mơ ước và thực hiện mơ ước của mình.) + Câu hỏi tu từ: Sao không một lần vỗ cánh tung bay? - Phân tích được tác dụng: + Là lời khuyến khích con người hãy sống có ước mơ, dám ước mơ và hãy mạnh dạn tự thử thách để trưởng thành, dũng cảm vượt lên giới hạn của bản thân. + Giúp cho câu thơ giàu hình ảnh, giàu sắc thái biểu cảm (thể hiện sự trăn trở, day dứt của nhân vật trữ tình về khát vọng của con người).	2,0
4	<i>HS có thể chọn những thông điệp khác nhau nhưng phải bám sát nội dung văn bản, cách lí giải phải phù hợp. Có thể chọn một trong những thông điệp sau:</i> - Sống trong hoàn cảnh tầm thường, trói buộc, con người có thể trở nên tầm thường, thiên cận, vô dụng, kém cỏi... Vì thế phải biết thay đổi, vượt lên hoàn cảnh để được là chính mình. - Con người cần khám phá, phát hiện những sở trường, năng lực của bản thân để vươn tới tầm cao - Con người sống phải có khát vọng, có ước mơ, dũng cảm vượt qua giới hạn của bản thân để trưởng thành, sống có ý nghĩa.	2,0
PHẦN II. Tạo lập văn bản		14,0

Câu 1 (4,0 điểm)	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn khoảng 200 chữ (20 – 25 dòng), có câu mở đoạn, các câu phát triển đoạn, câu kết đoạn, lập luận thuyết phục, có lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, đảm bảo qui tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: khát vọng của mỗi con người.	0,5
	c. Triển khai vấn đề:	0,5
	* <i>Giải thích:</i> Khát vọng là những mong muốn, đòi hỏi, khao khát, mơ ước chính đáng của con người với một sự thôi thúc mãnh liệt.	2,0
	* <i>Bàn luận:</i> - Trong cuộc đời mỗi người ai cũng có ít nhiều, dù nhỏ, dù lớn những mơ ước, khao khát ấp ủ, muốn được vươn tới những thành công. - Sống có khát vọng là điều vô cùng quý giá vì: + Có khát vọng, con người sẽ có động lực để phát huy tận độ những năng lực của bản thân. + Có khát vọng con người sẽ luôn tìm thấy niềm đam mê, có mục tiêu để nỗ lực, dũng cảm vượt qua thử thách, khó khăn trong cuộc sống để có những thành công. + Sống có khát vọng cũng sẽ hướng con người tới lẽ sống cao đẹp, tới những điều lớn lao. - Con người cần sống có khát vọng, có hoài bão nhưng khát vọng không phải là sự tham lam, sự ham muốn thực dụng mà khát vọng phải chân chính. - Khát vọng của cá nhân phải gắn liền với sự miệt mài, cống hiến cho khát vọng của cộng đồng, của xã hội... - Khích lệ, cổ vũ cho những người sống có ước mơ, có khát vọng và phê phán lối sống ích kỉ, lười biếng, hưởng thụ cá nhân... * <i>Bài học nhận thức và hành động:</i> Sống có khát vọng chính biểu hiện của giá trị con người nên cần biết nuôi dưỡng ước mơ, luôn học hỏi tích lũy tri thức, nỗ lực rèn luyện ý chí, nghị lực sống để biến khát vọng, mơ ước thành hiện thực.	0,5

ĐỀ 36**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:**

Tuổi trẻ không là khái niệm chỉ một giai đoạn trong đời người, mà chỉ một trạng thái tâm hồn. Tuổi trẻ không nhất thiết phải gắn liền với sức khỏe và vẻ tráng kiện bên ngoài, mà lại gắn với ý chí mạnh mẽ, trí tưởng tượng phong phú, sự mãnh liệt của tình cảm và cảm nhận phấn khởi với suối nguồn cuộc sống.

Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm chứ không phải tính nhút nhát, ở sở thích phiêu lưu trải nghiệm hơn là ở sự tìm kiếm an nhàn. Những đức tính đó thường dễ thấy ở những người năm sáu mươi tuổi hơn là ở đa số thanh niên tuổi đôi mươi. Không ai già đi vì tuổi tác, chúng ta chỉ già đi khi để tâm hồn mình héo hon.

Thời gian hình thành tuổi tác, thái độ tạo nên tâm hồn. Năm tháng in hằn những vết nhăn trên da thịt, còn sự thờ ơ với cuộc sống tạo những vết nhăn trong tâm hồn. Lo lắng, sợ hãi, mất lòng tin vào bản thân là những thói xấu hủy hoại tinh thần của chúng ta.

(Trích **Điều kỳ diệu của thái độ sống** - Mac Anderson, tr.68,

NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2017)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Nêu quan niệm của tác giả về tuổi trẻ.

Câu 3. Em hiểu như thế nào về ý kiến: *Thời gian hình thành tuổi tác, thái độ tạo nên tâm hồn?*

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm: *Lo lắng, sợ hãi, mất lòng tin vào bản thân là những thói xấu hủy hoại tinh thần của chúng ta?*

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc - hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc chăm sóc “**sức khỏe tinh thần**” trong đời sống mỗi cá nhân.

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	- Thao tác lập luận : bình luận.	0,5
Câu 2	- Nêu quan niệm của tác giả về tuổi trẻ: + Là trạng thái tâm hồn + Gắn liền với ý chí mạnh mẽ, trí tưởng tượng phong phú, sự mãnh liệt của tình cảm và cảm nhận phấn khởi với suối nguồn cuộc sống. + Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm, ở sở thích phiêu lưu trải	0,5

	<i>nghiệm.</i>	
Câu 3	<p>Nêu sự hiểu biết về ý kiến: <i>Thời gian hình thành tuổi tác, thái độ tạo nên tâm hồn</i></p> <p>+ <i>Thời gian hình thành tuổi tác</i>: theo quy luật cuộc sống, cùng với sự chảy trôi của thời gian con người lớn lên về tuổi tác, già đi về mặt hình thức.</p> <p>+ <i>Thái độ tạo nên tâm hồn</i>: Tuổi tác, thời gian không kiến tạo nên thế giới tinh thần chúng ta. Cái tạo nên nó chính là thái độ, tức là những ý nghĩ, tình cảm, là cách nhìn, cách ứng xử, cách lựa chọn lối sống của mỗi cá nhân trong cuộc đời.</p> <p>. Thái độ sống tiêu cực sẽ khiến tâm hồn trở nên già cỗi, tàn lụi.</p> <p>. Ngược lại, thái độ sống tích cực sẽ làm cho tâm hồn trở nên lành mạnh, khỏe khoắn, tràn đầy năng lượng.</p>	1,0
Câu 4	<p>Thí sinh tự do bày tỏ quan điểm.</p> <p>- Đồng tình với quan điểm <i>Lo lắng, sợ hãi, mất lòng tin vào bản thân là những thói xấu hủy hoại tinh thần của chúng ta.</i></p> <p>- Vì:</p> <p>+ Đây là những trạng thái tâm lý tiêu cực. Một khi xuất hiện thường xuyên, trở thành thói quen nó sẽ thao túng, nhấn chìm đời sống tâm hồn ta trong bóng tối, khiến đời sống bên trong ta luôn u ám, tẻ nhạt, rơi vào sự bế tắc, không lối thoát.</p> <p>. Lo lắng sợ hãi khiến ta luôn cảm thấy bất an trước cuộc đời, khiến ta mất đi sức sống, sức trẻ, mất đi niềm vui sống.</p> <p>. Việc mất lòng tin vào bản thân khiến ta không tìm được điểm tựa tinh thần vững chắc, từ đó đánh mất tiềm lực bản thân, luôn trong trạng thái mặc cảm, hoang mang, hoài nghi chính mình.</p> <p>+ Tất cả những trạng thái tâm lý đó khiến ta không nhận thức được về giá trị bản thân, về ý nghĩa sự tồn tại của mình, thấy cuộc đời trở nên vô nghĩa, không còn cảm giác hào hứng sống nữa. Đó là lúc ta chết về mặt tinh thần. Cuộc đời còn gì thú vị khi đời sống bên trong bị hủy hoại?</p> <p>+ Để tránh cho đời sống tâm hồn không bị hủy hoại chúng ta cần có ý nghĩ, tình cảm, cách nhìn, cách lựa chọn lối sống đúng đắn, tích cực</p>	1,0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0

	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận</i> : thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : văn hóa đọc của người Việt Nam	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> : thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <p>* Giải thích: chăm sóc “sức khỏe tinh thần”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là khái niệm dùng để chỉ sự quan tâm, chăm chút đến đời sống tâm hồn bên trong để nó luôn ở trạng thái lành mạnh, khỏe khoắn. - Một tinh thần khỏe mạnh được biểu hiện qua nhiều khía cạnh, chẳng hạn như: lối suy nghĩ tích cực, tự tin, luôn lạc quan, yêu đời; luôn hướng thiện; có những ước mơ, khát vọng chính đáng, đẹp đẽ... - > Việc ta chăm sóc “sức khỏe tinh thần” cho chính mình có ý nghĩa vô cùng quan trọng. <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao việc chăm sóc “sức khỏe tinh thần” rất quan trọng? <ul style="list-style-type: none"> + Thể xác và tinh thần là hai mặt song song tồn tại đảm bảo cho sự sống của mỗi con người. Cuộc đời của chúng ta chỉ trở nên tốt đẹp, hạnh phúc khi có sự hài hòa, thống nhất giữa hai yếu tố đó. + Tâm hồn con người không tự nhiên mà có, không tự nhiên khỏe mạnh. Cũng như thể chất, nó cần có sự quan tâm, "chăm sóc" đúng đắn, hợp lí, khoa học. + Ở góc độ nào đó có thể khẳng định: "sức khỏe tinh thần" quyết định sức khỏe thể chất. Khoa học đã chứng minh một tâm hồn khỏe mạnh sẽ đem đến một thân thể tráng kiện, có thể giúp người bệnh chiến thắng, đẩy lùi bệnh tật. + Không chăm sóc tâm hồn để nó "tàn lụi ngay khi sống" là thái độ vô trách nhiệm, vô cảm cần phê phán. Sống như vậy ta tự đánh mất giá trị, tự đẩy mình vào kiếp "sống mòn", sống một "đời thừa", vô nghĩa. - Ý nghĩa của việc nhận thức vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp ta ý thức được vị trí quan trọng của đời sống tinh thần, 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

	<p>tránh bỏ bê nó.</p> <p>+ Từ đó, có sự quan tâm, chăm sóc bằng các phương pháp khoa học đúng đắn để tâm hồn luôn "khỏe mạnh".</p> <p>+ Khi có một đời sống tâm hồn "mạnh khỏe" trong một cơ thể cường tráng, chúng ta sẽ làm được rất nhiều điều có ích cho bản thân, gia đình, xã hội; sẽ nhận được sự yêu mến, tôn trọng, sự giúp đỡ nhiệt tình khi cần thiết từ những người xung quanh; có nhiều cơ hội để biến ước mơ thành hiện thực... Cuộc sống vì vậy trở nên vui vẻ, ý nghĩa, đáng sống hơn.</p> <p>- Muốn đời sống tinh thần luôn khỏe mạnh ta cần phải làm gì?</p> <p>+ Tránh cung cấp cho nó những "độc tố" trong nghĩ suy, cảm xúc, trong cách nhìn đời sống, như: tránh lo lắng, sợ hãi, mất niềm tin, bi quan, chán nản,...Làm như vậy ta giúp tâm hồn thoát khỏi tình trạng nảy sinh "bệnh tật" bởi những "chủng vi rút" có hại kia hoành hành, xâm lấn.</p> <p>+ Cần "bồi bổ" cho nó những "vitamin, khoáng chất" cần thiết, khoa học trong suy nghĩ, tình cảm, trong cách nhìn đời, như: thường trực thái độ tự tin, lạc quan, yêu đời; luôn nhìn nhận mọi việc theo chiều hướng tích cực; sống thuận theo tự nhiên, biết buông xả phiền não ,... Bằng cách đó, tâm hồn ta sẽ luôn tràn đầy sinh lực.</p> <p>- Phản đề:</p> <p>+ Quan tâm, chăm sóc đời sống tinh thần không có nghĩa ta bỏ bê thể chất để mặc nó ốm yếu, bệnh tật.</p> <p>+ Việc chăm sóc "sức khỏe tinh thần" chỉ trở nên có ý nghĩa, hiệu quả khi kết hợp song song với việc chăm sóc thể chất.</p> <p>->Thí sinh cần liên hệ với thực tế, dẫn chứng để làm rõ hơn quan điểm, suy nghĩ của mình về vấn đề đang nghị luận.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p>	
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

ĐỀ 37

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Trong xã hội hiện đại, bạn dễ dàng biết được thông tin giá cả của bất cứ thứ hàng hóa nào. Thế nhưng có bao giờ bạn thử tìm hiểu giá trị của chính bản thân mình?

(2) Phần lớn chúng ta thường “đo lường” giá trị bản thân thông qua vật chất mà người đó sở hữu. Ai có nhiều tiền, có biệt thự sang trọng, có siêu xe, ... thì trở nên có giá trị hơn những người ít tiền, không của cải. Cách này xem ra có lợi cho những nhà kinh doanh. Đánh rằng tài sản có thể được tạo ra từ năng lực của cá nhân. Nhưng nên nhớ rằng giá trị bản thân không nằm trong khối tài sản của bạn mà ở năng lực tạo ra khối tài sản ấy. Giá trị của cá nhân phụ thuộc vào những yếu tố bên trong, đó là nhân cách, ước mơ, hoài bão, mục đích sống, chuẩn mực sống ... mà mỗi người đặt ra cho mình và tôn trọng suốt đời chứ không phải những thứ vật chất bên ngoài.

(3) Khi bạn sống hết mình cho đam mê, khát vọng, bạn thực sự có giá trị hơn một ai đó sống mỗi mòn với một công việc mà mình không yêu thích. Khi bạn gắng sức để hoàn thành một trách nhiệm nhỏ bé với mong muốn góp phần làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn, bạn thực sự có giá trị hơn một trí thức thỏa mãn với chiếc ghế quan chức mua bằng tiền. Khi bạn mở rộng trái tim để yêu thương, chia sẻ và đem sự bình an đến cho những người xung quanh, bạn thực sự có giá trị hơn một triệu phú âm thầm hưởng thụ sự giàu sang một mình... Sự cống hiến của mỗi cá nhân đối với cộng đồng làm nên giá trị của bản thân.

(4) Con người là một loại “hàng hóa đặc biệt”, không bao giờ có cùng giá trị tương đương. Đừng bao giờ so sánh mình với người khác để thấy mình nhỏ bé, vô dụng. Mỗi chúng ta đều có những điểm mạnh đáng tự hào, giá trị của chúng ta là điểm mạnh ấy.

(Theo Hữu Thắng – “Đi tìm giá trị bản thân”)

Câu 1: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? (0.5 điểm)

Câu 2: Em hiểu thế nào về câu nói sau: “Giá trị bản thân không nằm trong khối tài sản của bạn mà ở năng lực tạo ra khối tài sản ấy”? (1.0 điểm)

Câu 3: Xác định và phân tích tác dụng của 1 thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn (3).

(1.0 điểm)

Câu 4: Theo em, lí do nào khiến tác giả đưa ra lời khuyên: “Đừng bao giờ so sánh mình với người khác để thấy mình nhỏ bé, vô dụng”? (0.5 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong văn bản ở phần Đọc hiểu: “*Sự cống hiến của mỗi cá nhân đối với cộng đồng làm nên giá trị của bản thân*”.

CÂU	ĐÁP ÁN PHẦN ĐỌC HIỂU	ĐIỂM
1	Văn bản được viết theo PCNN chính luận	0.5
2	“ <i>Giá trị bản thân không nằm trong khối tài sản của bạn mà ở năng lực tạo ra khối tài sản ấy</i> ”. Câu văn được hiểu: giá trị của mỗi người được đo bằng khả năng làm việc của chính cá nhân chứ không phải những vật chất mà ta sở hữu.	1.0
3	Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn (3). - Thao tác lập luận bình luận. Tác dụng: Tác giả bày tỏ ý kiến, thuyết phục người đọc tin rằng: Trong cuộc sống, khi chúng ta ý thức rõ về bản thân mình, biết yêu thương, sẻ chia và cống hiến thì giá trị của chúng ta sẽ được khẳng định. - Thao tác lập luận so sánh. Tác dụng: Tác giả đối chiếu 2 đối tượng - những người sống có trách nhiệm, nhân ái với cộng đồng và những người sống ích kỉ - để từ đó khẳng định: giá trị thực sự của cá nhân chỉ được khẳng định khi chúng ta có cuộc sống ý nghĩa, sống vì cộng đồng. (HS chọn 1 trong 2 thao tác trên)	1.0
4	Sở dĩ tác giả đưa ra lời khuyên: “ <i>Đừng bao giờ so sánh mình với người khác để thấy mình nhỏ bé, vô dụng</i> ” vì mỗi người đều có cuộc sống, mục đích sống của riêng mình; ai cũng có điểm mạnh riêng mình.	0.5

ĐỀ 38

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Hãy đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Mỗi người trước sau phải rước một đăm mê.

Người không ham thích một cái gì cả là một người bệnh, một người không bình thường, hay là một người chuẩn bị đi tu, vì đã diệt dục. Nhưng ai dám bảo

người tu hành là người không đam mê? Và đam mê một ý niệm thường mãnh liệt hơn đam mê một cái gì cụ thể.

Những bậc cha mẹ thường hay đón đường đam mê của con cái bằng mớm cho chúng một đam mê đầu đời: tập cho con thích vẽ, thích đàn và thích nhất là học. Đam mê học hỏi là niềm đam mê không bao giờ phản bội con người.

Ngày nay, bởi có lắm cạm dố đầu đời chầu trực ở ngay ngưỡng cửa gia đình và trường học, muốn cho con mình khỏi rơi vào một “đám muội” tối đen, cha mẹ nào cũng dốc sức làm lưng kiểng tiền cho con cái tham gia vào một cuộc chơi có ích (chơi tem, sưu tập tranh,...) hay một môn thể thao (võ thuật, bơi lội, bóng đá,...) mong sao rằng buộc sinh lực và năng khiếu của đứa trẻ vào cỗ xe đam mê trên đường đời.

Đó cũng là đầu tư vào một đam mê để tránh rơi vào những đam mê khác.

Bản thân tôi đến ngày nay hãy còn vào ra lớp học với một niềm say mê tươi trẻ, ngay cả trong những thời khắc không thuận lợi. Ngồi nhẩm lại, tôi làm công việc như thế này đã trên bốn mươi năm. Tôi bỗng nhiên tự hỏi: “cái tôi” năm xưa và “cái tôi” năm nay vẫn là một chăng? Hóa ra bộ máy người còn bền hơn bộ máy cơ khí ư? Dầu mỡ thường xuyên nhỏ vào chiếc máy người là niềm khao khát biết thêm, biết hơn, hoàn toàn phi vật chất và những tế bào não bộ sẵn lòng bổ sung cho nhau trong một trường luân vũ thường xuân.

Giả như, do một trở trêu nào đó của hoàn cảnh, tôi đam mê cờ bạc trong suốt thời gian ấy thì giờ đây ra sao? Rất có thể tôi đang mặc một chiếc áo ren vàng, rua bạc, rủng rỉnh dây kim khí hoặc có thể bây giờ tôi đang co ro vì gió lùa qua lỗ rách.

May quá, tôi chỉ đam mê nghề dạy học. Tài sản mà tôi để lại gồm toàn giấy trắng mực đen và những nét chữ.

Đam mê là một ngọn lửa mà các thế hệ nối tiếp truyền cho nhau. Khổ nỗi, phân phát bốc cao cùng một lúc là ngọn lửa sinh tồn và ngọn lửa hủy diệt. Cả hai quán quýt lấy nhau bao nhiêu là để sớm loại trừ nhau bấy nhiêu, sống chết đều bằng một ngọn lửa do ta đốt lên mà thôi."

Câu 1: Đặt tên cho văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của 2 biện pháp tu từ trong văn bản trên. (1,0 điểm)

Câu 4: Nêu ý hiểu của anh chị về câu nói “ sống chết đều bằng một ngọn lửa do ta tự đốt lên mà thôi”. (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày ý kiến của em về chủ đề:

“Đam mê học hỏi là niềm đam mê không bao giờ phản bội con người”Hướng dẫn giải:

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	Học sinh có thể tham khảo tên sau: -Đam mê -Đam mê - ngọn lửa sinh tồn hay ngọn lửa hủy diệt Ngọn lửa đam mê	0,5
Câu 2	- Văn bản sử dụng phương thức biểu đạt nghị luận	0,5
Câu 3	Chỉ ra và phân tích hiệu quả hai biện pháp tu từ - <i>Biện pháp liệt kê</i> : “Một người không ham thích một cái gì là một người bệnh, một người không bình thường, hay là một người chuẩn bị đi tu, vì đã diệt dục. Nhưng ai dám bảo người tu hành là người không đam mê? Và đam mê một ý niệm thường mãnh liệt hơn đam mê một cái gì cụ thể”. Biện pháp liệt kê có tác dụng nhấn mạnh sự hiện hữu của đam mê trong tâm hồn mỗi con người, phàm đã sinh ra là người, bất kì ai cũng ẩn chứa trong mình một niềm đam mê với một điều gì đó, là cụ thể hay chỉ là ý niệm. <i>Biện pháp so sánh</i> : “Đam mê là một ngọn lửa mà các thế hệ nối tiếp truyền cho nhau. Khổ nỗi, phản phật bốc cao cùng một lúc là ngọn lửa sinh tồn và ngọn lửa hủy diệt, cả hai quần quýt nhau bao nhiêu là để sớm loại trừ nhau bấy nhiêu, sống chết đều là một ngọn lửa do ta tự đốt lên thôi.” So sánh đam mê với ngọn lửa là một hình ảnh chuẩn xác, ấn tượng. Ngọn lửa đam mê ấy cháy lên trong lòng người và vì chúng ta có thể đam mê nhiều thứ tốt hoặc xấu nên nó có thể là ngọn lửa sinh tồn hoặc hủy diệt. Cuộc đời chúng ta, suy cho cùng, là kết quả của ngọn lửa chúng ta thắp lên trong lòng ấy thôi.	1,0
Câu 4	Ý hiểu về câu nói <i>"Sống chết đều là một ngọn lửa do ta tự đốt lên"</i>	1,0

	<p>thời".</p> <p>-Sống, chết: là hai trạng thái của con người, của sinh tồn. Sống là còn trao đổi chất, còn sự sống. Chết là lâm vào trạng thái các bộ phận ngừng hoạt động, tim ngừng thở, máu ngừng rau thông, là hết một kiếp người.</p> <p>-Ngọn lửa: là ngọn lửa đam mê</p> <p>-Hai ngọn lửa: ngọn lửa sinh tồn hoặc ngọn lửa hủy diệt của đam mê</p> <p>-Do ta tự đốt lên: nhấn mạnh tầm quan trọng của sự lựa chọn từ con người. Cuộc đời chúng ta sống hay chết là do chính chúng ta quyết định.</p> <p>==> Cả câu nói ngắn gọn nhưng ý nghĩa sâu sắc: Đam mê là rất quan trọng nhưng phải đam mê cái gì và sống với đam mê như thế nào. Chúng ta sống hay chết, cuộc đời ý nghĩa hay vô nghĩa là do chính những đam mê ta đã chọn quyết định.</p>	
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Đam mê	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
	<p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <p>- Đam mê: những hứng thú, say mê của con người với một lĩnh vực nào đó hoặc một điều gì đó.</p> <p>- Đam mê học hỏi: hứng thú, say mê với việc học, rèn luyện kiến thức, trau dồi tri thức.</p> <p>- Phản bội: lật lọng, tráo trở.</p> <p>- Câu nói khẳng định sự bất biến của niềm đam mê học hỏi là không bao giờ phản bội con người, nó sẽ đem đến cho con người những lợi ích, những điều tốt đẹp hơn.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>- Tại sao đam mê học tập là niềm đam mê không bao giờ phản bội con người?</p> <p>+ Vì kiến thức ta đạt được sau quá trình học là hành trang theo ta</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p>

	<p>suốt cuộc đời, để có thể làm những điều ta mong muốn.</p> <p>+Vì học tập là công việc cả đời, trau dồi tri thức là chuyện luôn luôn nên làm, có đam mê với việc học chúng ta sẽ tích lũy được những điều bổ ích, những kiến thức đó giúp chúng ta trở thành người tốt hơn.</p> <p>+Đam mê học tập sẽ giúp chúng ta vượt qua những thử thách để đối mặt với những khó khăn, vượt qua nó một cách dễ dàng.</p> <p>+Vì cái rễ của học tập thì cay đắng nhưng hoa quả của nó lại ngọt ngào.</p> <p>+Những đam mê khác có thể có mặt trái nhưng đam mê học tập thì không, luôn giúp ta chinh phục những điều mơ ước.</p> <p>- Biểu hiện của đam mê học tập không bao giờ phản bội con người</p> <p>+Đam mê học tập, ta có kiến thức cho chính bản thân mình. Đến cuối cùng, chúng ta đi học là để có kiến thức, để không trở thành gánh nặng của gia đình và xã hội.</p> <p>+Truyền đam mê ấy đến những người khác (Những người làm công việc giáo viên như người viết văn bản)</p> <p>+Có đam mê trong học tập sẽ rèn luyện được những đức tính kiên trì, chịu khó vì biển kiến thức là mênh mông, những gì chúng ta biết hôm nay chỉ là hạt cát giữa sa mạc.</p> <p>+Đam mê học tập là đam mê suốt đời, học tập suốt đời.</p> <p>- Ngoài đam mê học tập, cũng cần có những đam mê khác để cuộc sống phong phú, để hoàn thiện bản thân, không trở thành một sách.</p> <p>- Đam mê học tập để trở thành người có tri thức nhưng cũng cần trở thành người có văn hóa, có đạo đức.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>-Cần phải tìm kiếm cho mình một niềm đam mê thật ý nghĩa trong cuộc sống.</p> <p>Nếu đã tìm thấy phải có quyết tâm theo đuổi điều mình đam mê.</p>	0,25
	<p>d. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i>: Không sai <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

ĐỀ 39**I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(...) Lý tưởng của tôi, lý tưởng soi đường và luôn làm dâng đầy trong tôi niềm cảm khái yêu đời, là Thiện, Mỹ và Chân. Không có cảm nhận về sự đồng điệu với những người cùng chí hướng, không có sự đau đầu với cái khách quan, với cái mãi mãi không vươn tới được trong lĩnh vực nghệ thuật và nghiên cứu khoa học, thì cuộc sống với tôi thật trống rỗng. Những mục đích tâm thường mà người đời theo đuổi như của cải, thành đạt bề ngoài, sự xa xỉ, với tôi từ thời trẻ đã luôn đáng khinh (...).

(trích Albert Einstein, *Thế giới như tôi thấy*, Nxb Tri thức (2015), tr21)

Câu 1: Lý tưởng sống “của tôi” được nhắc đến trong đoạn văn trên là gì?

Câu 2: “Cuộc sống với tôi thật trống rỗng” khi nào?

Câu 3: Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của phép tu từ đó?

Câu 4: Theo em, vì sao “của cải, thành đạt bề ngoài, sự xa xỉ, với tôi từ thời trẻ đã luôn đáng khinh”?

II. Tập làm văn:

Câu 1: Từ phần đọc hiểu em hãy làm sáng tỏ ý kiến: **Lý tưởng là ngọn đèn sáng soi đường.**

HƯỚNG DẪN

1	Lý tưởng của tôi là niềm cảm khái yêu đời, là Thiện, Mỹ và Chân
2	Khi: <ul style="list-style-type: none"> - không có cảm nhận về sự đồng điệu với những người cùng chí hướng - không có sự đau đầu với cái khách quan - không vươn tới được trong lĩnh vực nghệ thuật và nghiên cứu khoa học
3	Phép tu từ điệp ngữ đã nhấn mạnh quan điểm của tác giả về lý tưởng sống.
4	Học sinh lí giải được quan niệm về lý tưởng sống từ góc nhìn của tác giả và của bản thân: + Của tác giả: “của cải, thành đạt bề ngoài, sự xa xỉ, với tôi từ thời trẻ đã luôn đáng khinh” vì nó không xuất phát từ niềm cảm khái yêu đời, Thiện, Mỹ, Chân; không có sự đồng điệu với những người cùng chí hướng, không đau đầu với cái khách quan; không vươn tới được trong lĩnh vực nghệ thuật

	<p>và nghiên cứu khoa học; vì đó là những mục đích tầm thường.</p> <p>+ Cửa bản thân: vì chúng đều là những thứ vật chất và dĩ nhiên hào nhoáng bên ngoài không mang lại những giá trị chân chính và hạnh phúc đích thực; vì để theo đuổi chúng có khi con người phải mất mát, thậm chí phải đánh đổi, để bỏ qua những thứ gần gũi bình dị...</p>
Phân II Tập làm văn Câu 1:	<p>1. Giải thích câu nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Lí tưởng” là mục đích cao cả nhất mà mỗi con người luôn mong muốn thực hiện được. - Ý nghĩa của câu nói: lí tưởng chính là yếu tố giúp định hướng cách sống của mỗi người trong cuộc đời. Nếu không có lí tưởng sẽ không có lối sống kiên định rõ ràng, không có mục đích sống cụ thể và như vậy cuộc sống không còn ý nghĩa. - Đánh giá về tính đúng đắn của câu nói. <p>2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí tưởng không chỉ là ngọn đèn chỉ lối, là yếu tố chỉ dẫn mà nó còn chính là đích đến cuối cùng trong cuộc đời mỗi người. - Khi có lí tưởng mỗi người luôn cố gắng hết mình để thực hiện tốt những công việc cần làm, luôn cố gắng hoàn thiện bản thân. - Khi hoàn thành tốt mọi công việc, bản thân ngày càng hoàn thiện thì thành công là điều tất yếu, lí tưởng dẫn dắt mỗi con người đến thành công. - Là động lực để con người vượt qua khó khăn, vấp ngã để hướng đến tương lai - Nhờ lí tưởng cao đẹp, của mỗi cá nhân mà xã hội trở nên tốt đẹp hơn bởi khi đó sẽ có tập hợp những lí tưởng tích cực, mỗi người đều hành động vì lí tưởng của mình. - Lí tưởng là cái cốt lõi thể hiện vai trò, giá trị mục đích sống của con người. Sống mà không có lí tưởng đơn thuần là sự tồn tại vô nghĩa. “Linh hồn của con người cần lí tưởng hơn thực tế. Chúng ta tồn tại nhờ thực tế nhưng chúng ta sống vì lí tưởng” (Vích – to Huy - go). - Không phải chỉ khát khao những điều cao xa mới là có lí tưởng đẹp, lí tưởng cao cả. Lí tưởng cao cả còn là những suy nghĩ chân thành, tích cực, hướng con người ta đến cái thiện, cái đẹp. - Cần phân biệt đâu là lí tưởng cao đẹp, tích cực đâu là những dục vọng tầm thường, những ham muốn phi nhân tính ảnh hưởng đến cộng đồng. <p>3. Nhận thức và hành động</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có thái độ lên án những người sống không có lí tưởng để họ tự nhận thức lại bản thân, tự xác định mục đích sống. - Mặt khác, cần biết trân trọng những người có lí tưởng sống tích cực, lấy đó làm tấm gương để tự hoàn thiện mình. - Bản thân cần phải tự xác định đâu mới thực sự là lí tưởng sống tích cực, lấy đó làm kim chỉ nam để thực hiện mọi công việc, có như vậy cuộc sống mới có ý nghĩa. - “Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời” (Bê – lin – ski), nghĩa là lí tưởng sống là yếu tố tất yếu phải có trong mỗi người trẻ, không có lí tưởng sống sẽ không có cuộc sống thực sự. <p>Nêu nhận định chung về vấn đề lí tưởng sống của mỗi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người cần xác định cho mình một lí tưởng sống tích cực để cuộc sống có ý nghĩa hơn.
--	--

ĐỀ 40

I/ PHẦN ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm) Đọc đoạn lời bài hát sau:

*Hãy sống như đời sông để biết yêu nguồn cội
 Hãy sống như đời núi vươn tới những tầm cao
 Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng
 Hãy sống như ước vọng để thấy đời mệnh mông*

*Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la?
 Và sao không là phù sa dâng mỡ màu cho hoa?
 Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa?
 Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư?*

*Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông?
 Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung?
 Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc?
 Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư?*

(Trích lời bài hát *Khát Vọng* – Phạm Minh Tuấn)

Câu 1 (1.0 điểm). Chủ đề bài hát là gì?

Câu 2 (1.0 điểm). Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát trên?

Câu 3 (2.0 điểm). Những câu nào trong lời bài hát để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?

Câu 4 (2.0 điểm) Lời bài hát đem đến bài học gì cho em?

I/ PHẦN TẬP LÀM VĂN: (14.0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ ngữ liệu Đọc – hiểu trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về **khát vọng** của con người trong cuộc sống.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Chủ đề bài hát là: Khát vọng ước mơ cao đẹp của con người	1.0
	2	– Các biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát: + Điệp ngữ: Hãy sống như, và sao không là... + Câu hỏi tu từ : Và sao...? Sao ...? + Liệt kê: sông, núi, biển, gió, mây, bài ca ... – Tác dụng: Các biện pháp tu từ trên nhấn mạnh khát vọng cao đẹp của nhạc sĩ, đặc biệt còn khiến lời ca như giục giã nhắc nhở con người về lẽ sống tốt đẹp.	1.0
	3	– Những câu trong lời bài hát để lại ấn tượng sâu sắc nhất: <i>Hãy sống như đời sông để biết yêu nguồn cội/ Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc/ Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư ...</i> .– Lời bài hát đều rất xúc động bởi ý nghĩa sâu xa. Ba câu thơ trên cho ta bài học về đạo lí sống tốt đẹp uống nước nhớ nguồn. Hơn thế, còn định hướng cho ta sống có ích như mặt trời đối với vạn vật trên trái đất.	2.0
	4	Lời bài hát đem đến: + Niềm cảm phục, tự hào về tình yêu cuộc đời tha thiết mà tác giả gửi gắm. Đó là khát vọng hóa thân để cống hiến và dựng xây cuộc đời. + Bài học về ước mơ, lý tưởng, khát vọng đẹp cần có ở mỗi người trong cuộc sống. + Dù là ai, ở đâu, làm gì, bản thân cần khắc phục hoàn cảnh, cố gắng vươn lên, đóng góp phần nhỏ bé nhưng tốt đẹp cho cuộc đời chung.	2.0
II		TẬP LÀM VĂN	7.0

1	Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ về khát vọng của con người trong cuộc sống	4.0
	<i>a. Đảm bảo thể thức của đoạn văn</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng nội dung đoạn văn nghị luận xã hội: bàn về khát vọng của con người trong cuộc sống</i>	
	<i>c. Nội dung đoạn văn nghị luận xã hội : Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, dưới đây là một số gợi ý:</i> -1 Khái niệm: Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sức thôi thúc mạnh mẽ. - 2. Bàn luận: Khát vọng là ngọn lửa ý chí, nguồn động lực thúc đẩy giúp bạn vượt qua mọi khó khăn. Có những khát vọng vươn tới những cái lớn lao của mỗi con người, làm thay đổi cuộc sống theo hướng đi lên, tốt đẹp hơn. Có những khát vọng bình dị nhưng đem đến những điều thật ý nghĩa cho cuộc sống. Người có khát vọng luôn được mọi người yêu mến, tôn trọng và luôn thành công trong cuộc sống. - Mở rộng: +Phân biệt khát vọng và tham vọng. + Phê phán những người sống thiếu khát vọng hoặc khát vọng tầm thường. 3 – Bài học nhận thức, hành động: + Nhận thức được giá trị to lớn của khát vọng + Hành động: cần rèn luyện cho mình bản lĩnh, ý chí, nghị lực, ước mơ, khát vọng trong cuộc đời. Nỗ lực không ngừng để biến khát vọng thành hiện thực từ những việc nhỏ nhất.	3,75
		0,25
		2,5
		0,5
	<i>d. Sáng tạo: có suy nghĩ riêng, mới mẻ phù hợp với những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, pháp luật.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.5

ĐỀ 41**I. PHẦN ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)****Những quả bóng bay**

Một cậu bé da đen đang chơi đùa trên bãi cỏ. Phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên bầu trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, vàng và có cả màu đen nữa.

Cậu bé nhìn khoái chí, chạy tới chỗ người đàn ông, hỏi nhỏ:

- Chú ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?

Người đàn ông quay lại, bất giác giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má, ông chỉ lên đám bóng bay lúc này chỉ còn những chấm nhỏ và trả lời cậu bé:

- Những quả bóng màu đen cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác cháu ạ!

Cậu bé nở nụ cười rạng rỡ cảm ơn người đàn ông và không quên ngắm nhìn những quả bóng đang bay trên bầu trời rộng lớn.

(Chuyên mục Phong cách của báo điện tử ngoisao.net, ngày 22/10/2013)

Câu 1 (0.5 đ) Phương thức biểu đạt của đoạn văn?

Câu 2 (1.5 đ) Em hiểu như thế nào về hình ảnh “*Những quả bóng bay*” trong câu chuyện?

Câu 3 (2 đ) Câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4 (2 đ) Viết đoạn văn (Từ 7 đến 10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về bức thông điệp mà câu chuyện gửi gắm đến bạn đọc ?

II. Phần Tập làm văn (14 điểm)

Câu 1: (4 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện: *Những quả bóng màu đen cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác cháu ạ!*

Hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Đọc	1	PTBD: Tự sự	0.5
	2	Hình ảnh: <i>Những quả bóng bay</i> là hình ảnh ẩn dụ cho những con người trong cuộc sống, mỗi người có đặc điểm, hình thức và phẩm chất, năng lực khác nhau, ai cũng có thể thành công, bay cao và vươn xa, điều đó làm nên sự đa dạng, phong phú, muôn màu của cuộc sống	1.5
	3	Câu trả lời của người đàn ông có ý nghĩa: Bạn là quả bóng màu gì	2

hiểu u		không quan trọng. Quan trọng là bạn có những tố chất tốt đẹp của quả bóng để được bay thật cao, thật xa. Giá trị của mỗi cá nhân được nhìn nhận từ bên trong chứ không phải ở những thứ phù phiếm bên ngoài,	
	4	Thông điệp mà câu chuyện gửi gắm: Niềm tin vào khả năng, năng lực bên trong của con người. Con người có thể thành công hay thất bại, hạnh phúc hay đau khổ điều đó không phụ thuộc vào vẻ bề ngoài, vào sự khác biệt của hình thức mà phụ thuộc vào nội lực bên trong: ý chí, phẩm chất, năng lực....	2
Tập làm văn		a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu đoạn văn nghị luận.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Giá trị của khả năng, năng lực bên trong của con người.	0,25
	1	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể trình bày đoạn văn theo hướng sau: - Ngoại hình, hình thức chỉ là cái bên ngoài, không thể quyết định được phẩm chất, năng lực bên trong. Con người dù thuộc giống nòi nào, mang đặc điểm, hình dáng ra sao thì đều có trí tuệ và nhân phẩm. Con người phải vượt qua sự khác biệt về xuất thân, giống nòi hay ngoại hình bên ngoài và tin tưởng vào khả năng thực sự bên trong của mình thì mới có thể bay cao, bay xa. Phẩm chất và năng lực mà con người có được mới làm nên thành công thực sự. - Nhận thức được sự khác biệt ở vẻ bề ngoài, mỗi người cần rèn luyện bản thân và phấn đấu không ngừng để không bị người khác đánh giá sai về mình, biết vượt lên những mặc cảm tự ti về bản thân để có thể chiến thắng được những thử thách trong cuộc sống. (D/c và phân tích dẫn chứng) - Tuy nhiên, trong cuộc sống này vẫn có những kẻ lợi dụng sự khác nhau về hình thức để tạo ra khoảng cách, tạo ra sự phân biệt chủng tộc hoặc tự tin quá đáng vào bản thân và trở nên kiêu ngạo, coi thường người khác...những con người ấy đáng bị lên án phê phán. - Câu chuyện “Những quả bóng bay ” nhắc nhở chúng ta về sự tự tin vào bản thân, biết tự nhìn nhận, đánh giá đúng năng lực của mình, để có định hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực để có thể	1
			0.5
			0.5

	vươn cao, bay xa, trong cuộc sống.	
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	0.25

ĐỀ 42**I. ĐỌC HIỂU (6,0đ)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

... Những người thực sự hưởng thụ thì không băn khoăn, mà thường mãn nguyện. Những người thực sự tận hưởng hạnh phúc cũng vậy, họ mãn nguyện. Niềm vui đôi khi bị thúc đẩy bởi nhu cầu phải hét toáng lên cho cả thế gian. Nhưng sự mãn nguyện thường có khuôn mặt rất lặng lẽ và hiếm khi phô trương.

Tôi nhận ra rằng để hưởng thụ thực sự, chúng ta cần phải học hỏi và có hiểu biết nhất định về điều ta đang làm, đang tận hưởng, đang thưởng thức. Biết mình có gì, hiểu thứ mình có, và biết cách tận hưởng tối đa những gì mình xứng đáng được hưởng, đó mới là hưởng thụ.

(Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*)

Câu 1. (1.0điểm) Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ có trong câu “Nhưng sự mãn nguyện thường có khuôn mặt rất lặng lẽ và hiếm khi phô trương”

Câu 2. (1.0điểm) Theo em, vì sao tác giả cho rằng “Những người thực sự hưởng thụ thì không băn khoăn, mà thường mãn nguyện”?

Câu 3. (2.0điểm) Suy nghĩ của em về ý kiến: “sự mãn nguyện thường có khuôn mặt rất lặng lẽ và hiếm khi phô trương”.

Câu 4. (2.0điểm) Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

II. LÀM VĂN (14,0 điểm)**Câu 1. (4,0 điểm)**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu ra ở phần Đọc hiểu: “*Biết mình có gì, hiểu thứ mình có, và biết cách tận hưởng tối đa những gì mình xứng đáng được hưởng, đó mới là hưởng thụ*”.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC HIỂU	1	-Chỉ ra + Ấn dụ chuyển đổi cảm giác: <i>sự mãn nguyện thường có khuôn mặt rất lặng lẽ và hiếm khi phô trương</i>	0,5
		- Phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ : + Ấn dụ bộc lộ cái nhìn sâu sắc của Phạm Lữ Ân về sự mãn	0,5

		nguyện. Đó là nét đẹp phẩm chất tâm hồn con người mang đến cho con người hạnh phúc bình an tự trong tâm không được bộc lộ ra bên ngoài.	
	2	Người thực sự hưởng thụ bao giờ cũng có những hiểu biết nhất định về việc mình đang làm, hài lòng với những gì mình đang có.	1,0
	3	Học sinh có thể chọn đồng tình hoặc không đồng tình và đưa ra được sự lí giải thuyết phục.	2.0
	4	Học sinh chọn câu văn nào chứa thông điệp có nghĩa với bản thân nhất và giải thích.	2.0
II. TẬP LÀM VĂN	1	Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu ra ở phần Đọc hiểu: “ <i>Biết mình có gì, hiểu thứ mình có, và biết cách tận hưởng tối đa những gì mình xứng đáng được hưởng, đó mới là hưởng thụ</i> ”.	4,0
		<p><i>a. Yêu cầu về kĩ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận; Có đủ mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. - Xác định đúng vấn đề nghị luận, biết triển khai vấn đề nghị luận; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng ;rút ra bài học nhận thức và hành động. 	0,5
		<p><i>b. Yêu cầu về kiến thức:</i></p> <p>Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, cơ bản nêu được các vấn đề sau:</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ <i>Biết mình có gì:</i> hài lòng với những gì mà mình đang có, không tham vọng.</p> <p>+ <i>hiểu thứ mình có:</i> Biết được giá trị vật chất cũng như tinh thần và ý nghĩa của những thứ mình có.</p> <p>+ <i>biết cách tận hưởng tối đa những gì mình xứng đáng được hưởng:</i> tận hưởng một cách đúng đắn không bỏ phí bất kì giá trị nào của những thành quả mà mình xứng đáng được hưởng.</p> <p>->Hưởng thụ thực sự là khi con người cảm thấy thanh thản và mãn nguyện.</p>	0,75

	<p>- Bàn luận, mở rộng.</p> <p>+ Con người chỉ có thể mãn nguyện khi biết hài lòng với những gì mình đang có, có sự am hiểu và biết tận hưởng tối đa những thành quả mà bản thân xứng đáng được hưởng.(Dẫn chứng)</p> <p>+ Phản đề: Trong xã hội ngày nay vẫn còn tồn tại những quan niệm sai lầm về hưởng thụ, hoặc hưởng thụ một cách thái quá.</p>	1.75
	<p>- Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Muốn có được sự hưởng thụ thực sự đòi hỏi con người cần phải học hỏi và có hiểu biết nhất định về điều ta đang làm, đang tận hưởng, đang thưởng thức.</p>	0,5
	<p>d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0.25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0.25

ĐỀ 43**Phần I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi ở dưới

... Bao giờ cho tới mùa thu
trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm
mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao
Ngân hà chảy ngược lên cao
quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thẳng Bờm
bờ ao đom đóm chập chờn
trong leo lẻo những vui buồn xa xôi
Mẹ ru cái lẽ ở đời
sữa nuôi phân xác hát nuôi phân hồn
bà ru mẹ, mẹ ru con
liệu mai sau các con còn nhớ chăng
(Trích Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa - Theo Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong bốn dòng đầu của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy nhận xét quan niệm của tác giả thể hiện trong hai dòng thơ: Mẹ ru cái lẽ ở đời – sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (1,0 điểm)

II. Làm văn

(7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) *“Cứ như vậy, chúng ta đánh mất bản năng của gà rừng và biến thành con chim trong lồng lúc nào không biết nữa.”* Trong tư cách của một người trẻ me có đồng tình với nhận định trên không? Viết đoạn văn bày tỏ quan điểm của em.

Hướng dẫn giải:

Phần/ câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Phần I	Đọc - hiểu	3,0
Câu 1	- Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm/biểu cảm	0,5
Câu 2	- Hai biện pháp tu từ: lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ bao giờ cho tới...), nhân hóa (trong câu trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm).	0,5
Câu 3	- Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ thể hiện hồi tưởng của tác giả về thời ấu thơ bên mẹ với những náo nức, khát khao và niềm vui bé nhỏ, giản dị; đồng thời, cho thấy công lao của mẹ, ý nghĩa lời ru của mẹ và nhấn nhủ thế hệ sau phải ghi nhớ công lao ấy.	1,0
Câu 4	- Nêu quan niệm của tác giả thể hiện trong hai dòng thơ: Lời ru của mẹ chứa đựng những điều hay lẽ phải, những kinh nghiệm, bài học về cách ứng xử, cách sống đẹp ở đời; sữa mẹ nuôi dưỡng thể xác, lời ru của mẹ nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Đó là ơn nghĩa, là tình cảm, là công lao to lớn của mẹ.	1,0
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	2,0
	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	0,25

b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> bản năng sống độc lập	0,25
c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:	
<p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản năng của gà rừng: bản năng sống độc lập; con chim trong lồng: cuộc sống thụ động, không làm chủ cuộc đời mình. - Câu nói nhận định thực trạng con người đang đánh mất bản năng sống độc lập, rơi vào cuộc sống thụ động, lệ thuộc, không làm chủ cuộc đời mình. <p>2. Bàn luận</p> <p>Từ điểm nhìn của người trẻ tuổi nói về thế hệ mình, thí sinh có thể bàn luận theo nhiều hướng khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tình với ý kiến: giới trẻ ngày nay thiếu khả năng tự lập: <ul style="list-style-type: none"> + Được bố mẹ bao bọc, thiếu kĩ năng sống. + Không có ý thức về giá trị của bản thân trong việc chọn nghề, trong suy nghĩ và hành động trước các vấn đề của cuộc sống... + Hành động theo tâm lí đám đông. - Không đồng tình với ý kiến: giới trẻ ngày nay có khả năng tự lập cao, có kĩ năng sống, có trách nhiệm với bản thân và các xã hội: các tấm gương vượt khó, các tình nguyện viên, các tấm gương khởi nghiệp... - Cái nhìn đa chiều về ý kiến: kết hợp cả hai ý trên trong lập luận <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định trên hướng cho chúng ta có thái độ và hành động đúng đắn trong cuộc sống: sống là không thụ động, phụ thuộc mà phải chủ động, tích cực. - Luôn tin tưởng vào bản thân, tích cực, dám nghĩ, dám làm. - Trang bị kiến thức, kĩ năng cho bản thân để có khả năng tự lập; ngay từ bây giờ tránh lối sống thụ động, ỷ lại vào người khác. 	1.0
d. <i>Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu:</i> Không sai <i>Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu</i> (Hoặc có 1 vài lỗi nhỏ, không đáng kể)	0,25
e. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản	0,25

ĐỀ 44**I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm): Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:****Hơi ấm ổ rơm**

Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm

Bà mẹ đón tôi trong gió đêm

"Nhà mẹ hẹp, nhưng còn mê chỗ ngủ"

Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chăn chả đủ

Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm.

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm,

Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng,

Trong hơi ấm hơn ngàn chăn đệm

Của những cọng rơm xơ xác, gầy gò.

Hạt gạo nuôi tất cả chúng ta no,

Riêng cái ấm nồng nàn như lửa

Cái dịu ngọt lên hương của lúa

Đâu dễ chia cho tất cả mọi người./

(Nguyễn Duy – Cát trắng)

Câu 1 (0,5 điểm): Nêu hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong văn bản?

Câu 2 (2,0 điểm): Vì sao trong hơi ấm hơn ngàn chăn đệm, nhân vật trữ tình lại thao thức? Hình ảnh hương mật ong của ruộng thể hiện cảm nhận gì của tác giả khi nằm trong hơi ấm ổ rơm?

Câu 3 (2,0 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ ba?

Câu 4 (1,5 điểm): Em có cảm nhận gì về hình ảnh người mẹ trong bài thơ?

II. Phần Tập làm văn:

Câu 1 (4,0 điểm): Từ sự thao thức của nhân vật trữ tình, em có suy nghĩ gì về **cách ứng xử khi nhận được một ân tình**. (Trình bày trong đoạn văn khoảng 200 chữ)

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	III. PHẦN ĐỌC HIỂU	6.0

Câu 1	<p>Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đêm khuya, bị lỡ đường, xin ngủ nhờ. Gặp bà cụ nghèo sẵn sàng cho ngủ qua đêm. - Nhân vật trữ tình đã rất cảm động trước tấm lòng của bà cụ. 	0,25 0,25
Câu 2	<p>Nhân vật trữ tình thao thức vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xúc động khi nhận được sự giúp đỡ, đùm bọc của bà cụ nghèo; cảm thấy hạnh phúc khi được trở che, yêu thương. - Hương mật ong của ruộng là hương vị dịu ngọt, thanh đậm, thơm mát mà nhân vật trữ tình cảm nhận từ mùi thơm rơm rạ, ruộng đồng; đó còn là hương vị ngọt ngào của lòng yêu thương bình dị, chân thành mà bà mẹ quê dành cho đứa con – người lính qua đường. 	1,0 1,0
Câu 3	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa <i>hạt gạo nuôi</i> (tất cả chúng ta no), so sánh <i>cái ấm nồng nàn như lửa</i>. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: <i>cái ấm nồng nàn, cái dịu ngọt</i>. - Tác dụng: Khẳng định hạt gạo nuôi dưỡng sự sống con người mỗi ngày nhưng hơi ấm rơm rạ từ lòng người sẽ cho con người một giá trị khác: lòng yêu thương bồi đắp tâm hồn người. + Biện pháp so sánh, ẩn dụ diễn tả gọi cảm niềm xúc động mãnh liệt của người lính khi nhận được tình yêu thương của người mẹ nghèo. Ôm rơm kia vốn chỉ là một thứ phụ phẩm được tận dụng thay cho chăn đệm, nhưng lại trở thành biểu tượng của tình yêu thương giản dị, mộc mạc, chân thành, nồng ấm, thiêng liêng. 	0,75 0,5 0,75
Câu 4	<p>HS có thể đưa ra nhiều cách cảm nhận khác nhau, trên cơ sở các gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh người mẹ nghèo trong bài thơ hiện lên trong một đêm người lính lỡ đường xin ngủ nhờ - Mẹ sẵn sàng giúp đỡ người lính lỡ đường bằng sự ấm áp, ngọt ngào của tình yêu thương mộc mạc, dân dã mà đầy chu đáo ân tình... - Người mẹ ấy có tấm lòng thật cao cả, sẵn sàng nhường cơm sẻ áo, dù hoàn cảnh của mình cũng khó khăn. Mỗi hành động, lời nói của mẹ đầy tình yêu thương như ruột thịt. 	0,5 0,5 0,5
IV. PHẦN TẬP LÀM VĂN		14.0
Câu 1		4.0
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ: Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.	

Câu 1	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: Biết ơn là cách ứng xử cần thiết khi ta nhận được một ân tình.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể:	0,5
	1. Giải thích: - Ân tình là người giúp đỡ ta lúc khó khăn, lỡ bước, hoạn nạn; là người hỗ trợ, động viên ta vượt qua khó khăn, thử thách - Ứng xử khi nhận được một ân tình là thể hiện bằng lòng biết ơn; luôn nghĩ đến chuyện đền trả và đáp lại	2,5
	2. Bàn luận - Trong cuộc sống hàng ngày, con người luôn nhận được những ân tình từ người khác: Khi hoạn nạn, ốm đau, khốn khó có người ra tay giúp đỡ; khi thất vọng, buồn đau, thất bại có người động viên, sẻ chia, khích lệ; khi cô đơn, cơ nhỡ có người trở che, đùm bọc... Nhiều khi ân tình nhận được lại chính từ những nghĩa cử cao đẹp: sẵn sàng nhường lại phần của bản thân mình cho người khốn khó hơn; bênh vực bảo vệ khi ta bị rơi vào thế yếu... - Nhận được một ân tình là nhận được một sự tử tế trong cuộc đời. Không phải ai cũng sẵn lòng cho đi sự tử tế, bởi lòng tốt còn đi kèm với sự hi sinh - Biết ơn là cách ứng xử cần có trước mỗi ân tình, bày tỏ lòng biết ơn và có thể trả ơn là cơ sở cho những tình cảm tốt đẹp khác; nó thể hiện phẩm chất đạo đức cần có của mỗi con người; giúp con người xích lại gần nhau; xã hội nhờ đó mà thêm tốt đẹp. - Vẫn còn có người lại tỏ thái độ vô ơn, quên ơn; sẵn sàng quên đi những ân tình mà mình nhận được - Vô ơn là trái với lẽ phải, trái với đạo lí cần lên án	0,5
	3. Bài học nhận thức và hành động: - Ghi nhớ công ơn, biết ơn đối với người đã đến với ta lúc ta cần nhất - Đáp lại bằng ân nghĩa, tình thương, hành động thiết thực - Sẵn sàng giúp đỡ người khác để lan tỏa ân nghĩa; ứng xử tốt đẹp giữa người và người với nhau	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt	

ĐỀ 45**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm):****Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão. Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều ngỡ ngàng với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoan mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết.

(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2 - Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.02)

Câu 1. (1,0 điểm) Nội dung chính của văn bản là gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai.*

Câu 3. (2,0 điểm) Tại sao có thể nói: *Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu.*

Câu 4. (2,0 điểm) Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Hãy lí giải sự lựa chọn đó của em (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

Phần II. Làm văn (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về quan điểm sống của tác giả đặt ra trong khổ thơ sau

*Người và trời lập bẻ
Kẻ đắp lũy xây thành
Ta chỉ là chiếc lá
Việc của mình là xanh*

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6.0
	1	- Văn bản nói về cách nhìn cuộc sống của các bạn trẻ. - Đưa ra lời khuyên quý giá về sự trưởng thành: dám chấp nhận và đối mặt với thử thách cuộc sống.	1.0
	2	- Biện pháp tu từ: ẩn dụ : <i>Đi qua</i> (sống, trải qua), <i>hoa hồng</i> (niềm vui, hạnh phúc, thuận lợi, thành công...) , <i>chông gai</i> (nỗi buồn, khó khăn, thất bại...) -Tác dụng: Biện pháp ẩn dụ giúp cho sự diễn đạt hình ảnh, gợi cảm. Mượn hình ảnh cụ thể để diễn tả suy nghĩ của người viết, qua đó, giúp người đọc hiểu được rõ ràng về giá trị của cuộc đời. Đó là để có hạnh phúc ở tương lai phía trước, chúng ta có thể phải trải qua, phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách.	0.5 0.5
	3	Có thể nói: <i>Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó, sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rướm máu.</i> Bởi vì: - Cuộc sống vô cùng phong phú và đa dạng, vì vậy, bản thân nó luôn chứa đựng những khó khăn, thử thách. - Vượt qua được gian khổ đó, chúng ta phải chấp nhận đau đớn, thậm chí phải trả giá bằng nhiều thứ, không chỉ một lần mà là nhiều lần. Mỗi lần như thế sẽ giúp ta trưởng thành hơn trong tương lai. - Điều quan trọng là mỗi người cần có đủ dũng khí để đương đầu với nghịch cảnh, với khó khăn của cuộc đời .	0,5 1,0 0,5
	4	Học sinh có thể trình bày và lí giải thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là vài gợi ý: - Tuổi trẻ sống phải có bản lĩnh, kiên cường - Ước mơ và hoài bão luôn gắn với với tuổi trẻ - Khó khăn, thử thách là môi trường để con người rèn luyện ý chí, nghị lực * Lí giải hợp lí, thuyết phục	1.0 1,0
II		Làm văn	

1	<p>Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về quan điểm sống của tác giả đặt ra trong khổ thơ</p>	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ: Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: Mỗi người đều có mơ ước riêng của mình, có người mơ ước lớn lao, còn có người chỉ bình dị, nhỏ bé.</p>	0,25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể:</p> <p>- 1. Giải thích: Tác giả đặt ra một đối lập giữa “người”, “kẻ” với “ta”: Nếu “người” và “kẻ” (chỉ những người khác) đều muốn làm những việc lớn lao là “vá trời lấp bể”, “đắp lũy xây thành” – cách nói khoa trương để chỉ những ước muốn to lớn, thậm chí phi thường của con người...thì “ta” – chỉ đơn giản ý thức một cách khiêm tốn và thực tế “chỉ là chiếc lá” bé nhỏ.</p> <p>-> Nguyễn Sĩ Đại đã nêu lên một quan điểm sống của chính tác giả: Mỗi người đều có mơ ước riêng của mình, có người mơ ước lớn lao, còn có người chỉ bình dị, nhỏ bé, ý thức được “việc của mình là xanh”, là cống hiến.</p> <p>- 2. Bàn luận</p> <p>+ Trong cuộc đời mỗi người đều có quyền có những mơ ước của riêng mình. Có người có những mơ ước kì vĩ, lớn lao “dời non lấp bể”, “đắp lũy xây thành”. Lại có người chỉ mơ ước bình dị, thiết thực: có một gia đình bình yên; có một công việc ổn định...</p> <p>(Dẫn chứng: Những người “vá trời lấp bể”, “đắp lũy xây thành” ai cũng biết tuổi tên... Những người lặng thầm cống hiến, bình dị nhưng có ý nghĩa cho đời...)</p> <p>+ Suy nghĩ của Nguyễn Sĩ Đại từ góc độ cá nhân, tự ý thức về bản thân: bé nhỏ, thậm chí có thể khuất lấp giữa muôn người chỉ như chiếc lá bé nhỏ... Nhưng dù “chỉ là</p>	3,5

	<p><i>chiếc lá</i>” vẫn phải <i>sống bằng đời của lá</i>, nghĩa là “<i>phải xanh</i>”, phải ý thức đúng về bản phận và trách nhiệm của mình với cuộc đời.</p> <p>+ Ý thức về bản thân một cách đúng đắn là suy nghĩ tích cực. Suy nghĩ ấy khiến con người không tự huyễn hoặc hay ảo tưởng về bản thân; không mơ ước xa vời, phù phiếm. Đây là biểu hiện sự từ tốn ngay từ ước mơ: không quá lớn lao ngoài năng lực của mình; dù nhỏ bé nhưng không có nghĩa là vô nghĩa. Vì nhỏ bé, nên mơ ước dễ trở thành hiện thực, mang đến niềm vui sống cho con người...</p> <p>- Mở rộng:</p> <p>+ Có những cá nhân tự huyễn hoặc về mình; tự cao cho mình làm nên những điều to lớn, nhưng lại chỉ là sự trống rỗng một cách vô duyên...</p> <p>+ Lại có người tự ti cho rằng “<i>mình chỉ là chiếc lá</i>” nhỏ bé, thậm chí vô nghĩa giữa cuộc đời, nên chẳng cần phấn đấu...đã nhỏ bé, càng trở nên mờ nhạt và vô nghĩa hơn...</p> <p>Những biểu hiện này cần bị phê phán...</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động phù hợp:</p> <p>+ Dù là ai trong cuộc đời cũng cần có sự tự ý thức về bản thân. Chẳng ai vô nghĩa giữa cuộc đời. Chỉ có người tự cho là mình vô nghĩa mà thôi.</p> <p>+ Hãy làm việc, hãy cống hiến bằng sức lực của mình. Ước mơ và phấn đấu biến ước mơ thành hiện thực...</p> <p>+ Hãy làm cho cuộc sống của mình trở nên có ý nghĩa ở mọi nơi, mọi lúc...</p>	
	<p>d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)</p>	0,25

Phần I - Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MỘT LY SỮA

Có một cậu bé nghèo bán hàng rong ở các khu nhà để kiếm tiền đi học. Hôm đó, cậu lục túi chỉ còn mấy đồng tiền ít ỏi mà bụng đang rất đói. Cậu quyết định xin một bữa

ăn tại một căn nhà gần đó. Cậu hốt hoảng khi thấy một cô bé dễ thương ra mở cửa. Thay vì xin ăn, cậu ta đành xin một ly nước nóng.

Cô bé nghĩ rằng cậu trông đang đói nên đem ra một ly sữa lớn.

Cậu uống từ từ, rồi hỏi: “Tôi nợ bạn bao nhiêu?”

Cô bé đáp: “Bạn không nợ tôi bao nhiêu cả. Mẹ dạy rằng chúng tôi không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt.”

Cậu ta nói: “Vậy thì tôi cảm ơn bạn nhiều lắm!”

Khi Howard Kelly (*) rời căn nhà đó, cậu ta không những cảm thấy trong người khỏe khoắn, mà còn thấy niềm tin vào con người, vào cuộc sống rất mạnh mẽ.

Sau bao năm, cô gái đó bị ốm nghiêm trọng. Các bác sĩ trong vùng đều bất lực và chuyển cô lên bệnh viện trung tâm thành phố để các chuyên gia chữa trị căn bệnh hiểm nghèo này. Tiến sĩ Howard Kelly được mời làm chuyên gia. Khi nghe tên nơi ở của bệnh nhân, một tia sáng lạ lóe lên trong mắt anh. Anh đứng bật dậy và đi đến phòng cô gái. Anh nhận ra cô gái ngay lập tức. Anh quay trở lại phòng chuyên gia và quyết tâm phải gắng hết sức để cứu được cô gái. Anh đã quan tâm đặc biệt. Sau thời gian đấu tranh lâu dài, căn bệnh của cô gái đã qua khỏi. Anh cầm tờ hóa đơn thanh toán viện phí, viết gì đó bên lề và cho chuyển lên phòng cô gái.

Cô gái lo sợ không dám mở tờ hóa đơn viện phí ra, bởi vì cô chắc chắn rằng đến suốt đời thì cô cũng khó mà thanh toán hết số tiền này. Cuối cùng cô can đảm nhìn, và chú ý đến dòng chữ bên cạnh tờ hóa đơn:

“Đã thanh toán đủ bằng một ly sữa.”

Ký tên: Tiến sĩ Howard Kelly.

Mắt đầm lệ, cô gái xúc động thốt lên: “Lạy Chúa, tình yêu thương bao la của Người đã lan rộng trong trái tim và bàn tay con người.”

(<http://songdep.xitrum.net>)

(*) **Tiến sĩ Howard Kelly**: nhà vật lý lỗi lạc, đã sáng lập khoa Ung thư, trường Đại học John Hopkins năm 1895.

Câu 1.(1.0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2.(1.0 điểm) Em hiểu thế nào về câu trả lời của cô bé: “Mẹ dạy rằng chúng tôi không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt.”?

Câu 3.(2.0 điểm) Vì sao cậu bé Howard Kelly trong văn bản trên lại “thấy niềm tin vào con người, vào cuộc sống rất mạnh mẽ.”?

Câu 4.(2.0 điểm) Thông điệp nào trong văn bản trên mà em tâm đắc nhất? Lí giải vì sao?

Phần II – Tập làm văn (14.0 điểm)

Câu 1.(4.0 điểm) Từ câu chuyện Một ly sữa ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: “**Lòng tốt là của cải**”.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/ Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	1.0
	2	Ý nghĩa câu nói : Giúp đỡ, làm việc tốt với một ai đó không phải vì để được trả ơn mà phải xuất phát từ tình yêu thương chân thành.	1.0
	3	-Vì cuộc sống còn rất nhiều người tốt, nhiều điều tốt đẹp, hãy sống lạc quan, luôn hướng về phía trước. -Những điều tốt đẹp chúng ta cho đi trong cuộc đời mang	1.0

		đến niềm tin, động lực sống cho những con người rơi vào nghịch cảnh.	
	4	<p>* Hs có thể có rút ra những thông điệp khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi chúng ta biết trao đi yêu thương và biết giúp đỡ những người xung quanh thì chúng ta sẽ nhận lại những điều ấm áp và sự yêu thương chân thành gấp bội. - Biết trân trọng những người xung quanh, yêu thương giúp đỡ họ vì điều đó sẽ giúp cho cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa hơn, niềm vui và những điều tốt đẹp sẽ đến với chúng ta. <p>* Đưa ra lí giải phù hợp, thuyết phục.</p>	1.0
			1.0
II		Tập làm văn	
	1	Từ câu chuyện <i>Một ly sữa</i> ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: “Lòng tốt là của cải” .	4.0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần : Giá trị của lòng tốt trong cuộc sống con người.</p>	0.25
		<p>c. Đoạn văn đảm bảo các nội dung sau:</p> <p>* Giải thích khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng tốt là gì? lòng tốt là hành động, việc làm xuất phát từ tấm lòng nhằm giúp đỡ người khác. - Nói “lòng tốt là của cải” là so sánh ” lòng tốt” với ” của cải” nó quý giá và cần thiết như mọi thứ vật chất khác. <p>* Bàn luận, mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng tốt là biểu hiện phẩm chất tốt đẹp của mỗi người, lòng tốt đem lại giá trị về vật chất, về tinh thần cho con người, nó đem lại hạnh phúc cho con người. - Người có lòng tốt giúp đỡ người khác như tìm thấy niềm vui trong cuộc sống và người được giúp đỡ sẽ trở lên hân hoan, có niềm tin để vượt qua khó khăn. - Có thể nhờ có lòng tốt mà cuộc sống của con người với con người trở lên tốt đẹp hơn. - Người có lòng tốt luôn quan tâm, chia sẻ giúp đỡ những người khác, không nghĩ xấu, nói xấu ai, không đố kị, không tranh giành quyền lợi... - <i>Tuy nhiên</i>, trên thực tế con người không phải ai cũng tốt, cái ác vẫn tồn tại vì tham lam, đố kị, vì lòng ích kỷ quyền hành nhiều khi cả những cái hảo huyền mà người ta đối xử với nhau một cách tàn nhẫn. <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng tốt là giá trị tinh thần vô giá không gì đánh đổi được. - Chúng ta hãy nâng niu, nuôi dưỡng hạt mầm yêu thương để lòng tốt nảy nở từ những việc làm nhỏ nhất. 	0.5
			2.0
			0.5

	<i>d. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25